

BỔ THÍ ĐỘ

Tỳ khưu Chánh Minh

A- Bố thí (dāna)

Dāna từ ngữ căn là *Dā* nghĩa là cho, dâng hiến.

Ngày nay người Phật tử đã hiểu biết nhiều về “sự đem cho”, ý nghĩa “đem cho” trở nên quen thuộc và rất bình thường.

Nhưng nếu ngược dòng lịch sử, trở về thời cổ đại, chúng ta thấy rằng: “Đây là nét độc đáo của người Ấn cổ và pháp môn bố thí được hoàn chỉnh từ Đức Phật”. Đức Phật xác nhận rằng:

“Bố thí, này các tỳ khưu, được bậc hiền trí tuyên bố (paṇḍitapaññattāni), được bậc chân nhân tuyên bố (sappurisapaññattāni).”¹

Các tôn giáo khác như Khổng, Lão, Hồi, Thiên chúa giáo... không hề đề cao, phân tích, hay tìm hiểu sâu sắc về “pháp đem cho” như Phật giáo.

Trước thời Đức Phật đã có pháp bố thí (dāna dhamma), nhưng hình thành từ bao giờ? Do nhân nào? Hẳn rất khó tìm ra câu trả lời chính xác.

Trên phương diện lịch sử cổ Ấn, có thể hiểu “sự đem cho” ban đầu chỉ là sự tương trợ vật chất giữa người với người.

Người Ấn cổ đa phần sống về nghề nông, nhưng bối cảnh xã hội Ấn cổ là một chuỗi dài khắc nghiệt của thiên

¹ -A.i, 151 – Phẩm nhỏ.

nhiên, điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên làm cho mùa màng bị thất thu dẫn đến nghèo đói, bệnh tật, chết chóc cùng các tệ nạn cướp bóc, trộm cắp ... làm rối loạn sinh hoạt xã hội đương thời.

Chính vùng đất trù phú Đông Ấn, cũng không thoát khỏi sự khắc nghiệt của thiên nhiên. Vào thời Đức Phật, vẫn có nạn đói ở ngay kinh thành Vesālī, Đức Phật cùng chư Tỳ khưu cũng bị nạn đói ở xứ Verañja¹...

Thậm chí, do nhu cầu nước để sử dụng trong nông vụ, cả hai họ nội - ngoại dòng Thích Ca tranh nhau giòng sông Rohinī, suýt nữa máu đã đổ nếu như không có Đức Phật khuyên giải².

Sự phân chia giai cấp ở Ấn cổ, lại tạo nên sự chênh lệch mức sống giữa người với người, giai cấp thống trị ra sức vơ vét đồng thời bức hại giai cấp nô lệ, "người quá dư thừa, kẻ lại thiếu thốn cùng cực", giai cấp khổ lại chiếm phần lớn, dần dần dẫn đến sự rối loạn xã hội như trộm cắp, giết người cướp của ...

Để ổn định và tạo cho xã hội có bộ mặt thanh bình an ổn, các nhà hiền triết cổ Ấn hoặc các vị lãnh đạo của giai cấp thống trị đưa ra giải pháp "đem cho rộng rãi" (bố thí - bố có nghĩa là khắp nơi, rộng rãi).

Như vậy, có lẽ do điều kiện: "*nghèo đói và sự bức hại người khác vì thiếu thốn*", là nguyên nhân hình thành "*minh triết về bố thí*".

¹ - Luật Tạng, Mahā vibhaṅga bikkhu (Đại phân tích tích tỳ khưu).

² - DhA, câu số 197 – 198 – 199 .Phẩm hạnh phúc

Kinh điển có ghi: *"Các vị vua Chuyển Luân thường trị nước bằng vương pháp, trong đó bố thí được nêu trước tiên nên đời sống dân chúng an lành, những hình phạt không cần dùng đến"...*

"Về sau các hậu duệ của vua Chuyển Luân Vương không còn thực hành pháp bố thí, thế là trộm cắp khởi lên, rồi hình phạt được thiết lập, sát sanh hình thành, nói dối hiện khởi..."¹

Tóm lại, do nghèo đói các ác bất thiện pháp nương khởi sanh lên, bố thí là một trong những điều kiện ngăn trừ hoặc tiêu diệt các ác bất thiện pháp ấy.

Pháp bố thí góp phần tạo sự an ổn của cộng đồng xã hội, mang lợi ích đến người với người. Về sau, Đức Phật khai triển rộng rãi pháp môn "đem cho" đến mọi giới.

Có lần Du sĩ Vacchagotta bạch hỏi Đức Phật rằng:

"Thưa Sa môn Gotama, được nghe rằng: Sa môn Gotama có dạy rằng: hãy bố thí cho ta và đệ tử của ta, không nên bố thí đến người khác". thưa Sa môn Gotama, lời ấy có thật không hay là là lời xuyên tạc."

Đức Phật đáp rằng: **"Đó là lời xuyên tạc Như Lai"**. Rồi Ngài dạy rằng:

"Này Vacchagotta, Ta nói như sau: "những ai đổ đồ phế thải trên mâm, hay đổ rửa chén, bát vào hồ rác" với ý nghĩ để các hữu tình trong ấy, nhờ đó mà được

¹ - D.ii, kinh Tiểu Chuyển luân vương sư tử hống.

ăn được sống". Nay Vaccha, ta nói còn đem lại công đức nói gì đến loài người"¹.

Đoạn kinh trên cho chúng ta thấy: "chẳng phải đối tượng thọ vật thí chỉ là nhân loại, Đức Phật còn mở rộng đến chúng sanh hạ đẳng đang sống ở hố rác", có điều là "*khi hành pháp bố thí cần phải có **tác ý đến (cetanā)***".

Chính câu hỏi của du sĩ Vacchagotta cho chúng ta thấy: "Sự bố thí trước đó, tuy không còn trong phạm vi hẹp: *Ta và đồ chúng của ta* (sẽ bị chỉ trích nếu vị Giáo chủ nào tuyên bố như thế), nhưng có thể chưa được mở rộng "đến tất cả chúng sanh". Và lời dạy của Đức Phật đã xóa bỏ ranh giới "đối tượng nhận vật thí".

Ngày nay hàng phật tử dường như nắm lòng câu phật ngôn:

"Cetanāham bhikkhave kammaṃ vadāmi. Nay các chư Tỳ khưu! Như Lai tuyên bố tác ý (cetanā) chính là nghiệp". Và cũng xem "có ý đem cho" rất bình thường.

Nhưng nếu trở lại 2.500 năm trước, câu Phật ngôn này quả thực là một tư tưởng tuyệt vời, độc đáo.

Tuy các nhà hiền triết Ấn cổ cũng có chủ trương nghiệp (kamma), nhưng "*ngiệp nào là quan trọng nhất?*", đa phần cho rằng "thân nghiệp" là quan trọng nhất chứ không phải là ***ý nghiệp***.

¹ - A.i, 57 (Du sĩ Vacchagotta).

Chính Nigantha Nātaputta vị Tôn sư nổi tiếng trước khi Đức Phật xuất hiện, cũng chủ trương "thân tội là quan trọng nhất".¹

Không có *cetanā* (sự cố ý) giống như loại chữ viết trên nước, nên quả phước khi hình thành trở nên bé nhỏ. Có *cetanā* ví như loại chữ viết trên cát hoặc chữ khắc trên đá², nó hình thành quả bổ thí đáng hài lòng, thích ý.

Từ đây, chúng ta có bài học: "*khi bố thí đến bất cứ đối tượng nào, nên có "ý nghĩ" đến đối tượng đó*". Và sự bố thí này lưu lại công đức.

Mặc khác, trước thời Đức Phật đối tượng nhận vật thí chỉ là người hay những vị thần trong giáo hệ Bàlamôn qua những tế đàn, không hề có tư tưởng "thương tưởng" đến những con vật, dù rằng họ vẫn bố thí đến chúng. Thậm chí các giáo sĩ Bàlamôn còn dùng chúng hoặc chính con người làm lễ vật tế thần.

Trái lại, Đức Phật nêu lên 14 đối tượng thọ thí, bố thí đến súc sanh có được trăm lần phước, bố thí đến người ác giới có ngàn lần phước... tức là: cho 10 lần đến súc sanh bằng cho 1 lần đến người ác giới, cho 10 lần đến người ác giới bằng cho 1 lần đến người có giới...³

Tuy có sự phân biệt đối tượng, nhưng rõ ràng Đức Phật đã xác nhận "*bố thí đến loài thú (tiracchāna) vẫn có phước*".

¹ - M.iii, kinh Upāli.

² - A.i, 283.

³ - M.iii, kinh Cúng dường phân biệt (dakkhiṇāvibhaṅgasutta)..

Đức Phật cổ súy hành pháp bố thí rộng rãi đến mọi giới, vì pháp bố thí giúp chúng sanh thoát ra cái khổ “do thiếu thốn”, thoát ra khổ cảnh (duggati).

Khi đến một vùng chưa có ánh sáng giáo pháp, Đức Phật thường thuyết lên “Tuần tự pháp” (anupubbakathā dhammā). Tức là:

- Nói về bố thí (dānakathā).
- Giải về giới hạnh (sīlakathā).
- Nêu lên các cõi trời (saggakathā).
- Nói lên sự nguy hại, hạ liệt, nhiễm ô của các dục lạc (kā mādinavakathā).
- Sau cùng nói đến an lạc, lợi ích của viễn ly (nekkhammakathā)¹.

Trải qua hơn 2500 năm, pháp môn bố thí vẫn luôn luôn rực sáng, đồng thời có giá trị bất khả phủ bác.

¹ - A.iv, 208. Phẩm gia chủ.

B- Dứt bỏ (cāga)

Chữ pariccāga = pari+ cāga; pari là *trọn vẹn*, cāga là *lìa bỏ*, bỏ đi.

Chữ pariccāga theo nguyên ngữ là “buông bỏ trọn vẹn” và thường dùng như chữ cāga (dứt bỏ).

Trong Bốn sanh Mahāvamsa Jātaka của bộ Asālinipata có nêu lên 10 pháp trị nước của vị minh quân là:

1. Bố thí (dāna).
2. Trì giới (sīla).
3. Dứt bỏ (pariccāga).
4. Công minh (ājjava).
5. Hòa nhã (maddava).
- 6- Cố gắng dứt bỏ điều ác (tapa).
- 7- Không độc ác (akodha).
- 8- Độ lượng, không làm hại kẻ khác (do có tâm bi mẫn) (avihiṃsā).
- 9- Nhẫn nại (khanti).
10. Không độc tài, độc đoán (avirodhana).

Lại nữa, vị Thánh có 7 loại tài sản là:

- 1- Đức tin (là) tài sản (saddhā dhanam).
- 2- Giới tài sản (sīla dhanam).
- 3- Hổ thẹn tội lỗi (là) tài sản (hiri dhanam).
- 4- Ghê sợ tội lỗi (là) tài sản (ottappa dhanam).
- 5- Nghe nhiều (là) tài sản (bahusutta dhanam).
- 6- Dứt bỏ (là) tài sản (cāga dhanam).
- 7- Trí tuệ (là) tài sản (paññā dhanam)¹.

Đức Phật có giải thích về “dứt bỏ là tài sản của bậc Thánh” như sau:

"Ở đây, này các tỳ khưu. vị Thánh đệ tử có tâm từ bỏ cấu uế của xan tham, sống tại gia phóng xả (muttacāgo), với bàn tay rộng mở (payatapāṇi), ưa thích xả bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích san sẻ vật bố thí. Này các tỳ khưu, dứt bỏ (là) tài sản."(sđd).

Một bài kinh khác nói về gia chủ Ugga người làng Vesāli, Đức Thế Tôn tán thán: *"Này các tỳ khưu, gia chủ Ugga người làng Vesāli có được tám pháp vi diệu"*.

Nghe vậy, một vị Tỳ khưu đến gặp Ugga hỏi về tám điều kỳ diệu đó.

Gia chủ Ugga nói: vị ấy không biết Đức Phật nói về 8 điều vi diệu nào, riêng vị ấy nhận biết 8 điều vi diệu mình có. Tóm lược như sau:

¹ - A.iv, 4. Phẩm tài sản.

1- Vừa trông thấy Đức Thế Tôn từ xa, phát sanh tâm tịnh tín.

2- Nghe xong thời pháp thoại đầu tiên từ Đức thế Tôn, chứng quả Dự lưu.

3- Giải tán bốn người vợ trẻ.

4- *Thưa tôn giả, có những tài sản ở trong gia đình tôi, chúng được phân chia (appativibhatta) giữa những người có giới và những người tốt lành. Thưa tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư, được có ở nơi tôi.*

5- *Cúng dường chu đáo đến bất cứ vị tỳ khưu nào.*

6- Nghe pháp từ vị tỳ khưu ấy rất cẩn thận, nếu vị tỳ khưu không thuyết pháp thì gia chủ Ugga thuyết pháp đến vị tỳ khưu.

7- Được nghe chư thiên nói chuyện, nhưng tâm không có tự hào (cittassa unnatiṃ) vì nhân duyên ấy.

8- Chứng đắc Anahàm (anāgāmi).

Vị tỳ khưu ấy trở về bạch trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện trên, Đức Phật dạy:

-"Lành thay, lành thay này tỳ khưu, như gia chủ Ugga người Vesālī, nếu có trả lời một cách chân chánh, có thể trả lời như vậy".

Điều kỳ diệu thứ tư nói lên ý nghĩa "bố thí (dāna)", điều kỳ diệu thứ 5 nói lên ý nghĩa "dứt bỏ (pariccāga)", tuy mỗi pháp có những điểm giống nhau, nhưng cũng có những điểm khác nhau.

Gia chủ Ugga

Trong kinh ghi nhận có hai gia chủ Ugga đều thành tựu 8 pháp vi diệu giống nhau, một ở làng Vesāli một ở Hatthigāma (làng nuôi voi). Có thể cả hai cũng chỉ là một, khi so sánh duyên khởi của hai bài kinh này, chúng ta thấy rất rõ:

a- “Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, tại Đại lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn.....”¹

b- “Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajji, tại làng Hatthi....”²

Và Vesāli là kinh thành xứ Vajji của người Licchavī. Điều này đã được lập lại trong Saṃyutta nikāya (Tương ưng kinh): Gia chủ Ugga (một ở làng Vesāli, một ở làng Hatthi) đến bạch hỏi Đức Thế Tôn: “Vì sao có chúng sanh hoàn toàn giải thoát trong hiện tại, có chúng sanh lại không?”³

Có lẽ một trong hai gia chủ Ugga trên là người có tám điều kỳ diệu, nhưng nhà biên soạn Pāli không nắm rõ chính xác, nên ghi cả hai trú xứ. Vì theo bản Sớ giải kệ Trưởng lão Tăng (theragāthāthakathā) và Tăng chi kinh, thì:

- Gia chủ **Ugga** người làng Hatthi, là một trong những gia chủ được Đức Phật tán thán: “người đứng đầu hạnh phục vụ Tăng chúng (saṅghupatṭhākānāṃ) tốt đẹp”.⁴

¹ - A.iv, 208.

² - A.iv, 212.

³ - S.iv. 109 - 110

⁴ ThagA. i. 174 – A.i, 26

- Còn gia chủ Ugga thành Vesāli, được Đức Phật tán thán “là người đứng đầu trong bổ thí vật đáng hài lòng (manāpadāyakānam)”¹.

Gia chủ Ugga người làng Hatthi

Khi cha qua đời, vị ấy kế nghiệp nhà, trở thành trưởng giả (setṭhi).

Khi Đức Phật du hành đến Hatthigāma ngụ tại Nāgavanuyyāna, bấy giờ gia chủ Ugga cho mở lễ hội 7 ngày để vui chơi.

Cuối ngày thứ bảy, Đức Phật ngự đến nơi gia chủ Ugga tổ chức lễ hội. Khi đang vui chơi lễ hội cùng với các vũ công, nữ nhạc, trông thấy Đức Phật từ xa ngự đến, gia chủ Ugga vô cùng xấu hổ và tỉnh rạo ngay.

Gia chủ Ugga đi đến đánh lễ Đức Phật rồi ngồi xuống một bên. Đức Phật thuyết lên tuần tự pháp, nghe pháp xong gia chủ Ugga trở thành bậc Thánh Dự lưu (sotapannā), về sau vị ấy chứng quả vị Anāgāmi (anāgāmi).

Sau khi nghe pháp xong, gia chủ Ugga cho giải tán đoàn vũ, nhạc công và tự nguyện trở thành người hầu cận (upapaṭṭhāṇa) của Chư tăng (chữ upa nghĩa là kế cận, paṭṭhāṇa là trú xứ, upapaṭṭhāṇa được hiểu là thân cận, phục vụ).

Vào ban đêm, chư thiên đến thuật cho vị ấy nghe về sự thành tựu của nhiều vị tỳ khưu, đề nghị gia chủ Ugga nên chọn các bậc Thánh để dâng cúng. Nhưng những gì vị

¹ - A.i, 26.

ấy bố thí thì đều dành cho tất cả chư tỳ khưu với niềm hoan hỷ như nhau.¹

Có lần, Đức Thế Tôn tuyên bố:

“Này các tỳ khưu, gia chủ Ugga làng Hatthi thành tựu tám điều kỳ diệu...”(sđd).

Gia chủ Ugga người làng Vesālī.

Tên ban đầu của gia chủ này không được biết đến, vì có thân thể vạm vỡ cao lớn nên được gọi là Ugga, đồng thời tính tình vị ấy hiền hòa, dễ mến. Ngay lần đầu gặp Đức Phật, và nghe pháp từ Đức Phật, vị ấy chúng quả Dự lưu, về sau trở thành bậc Anahàm.

Khi lớn tuổi, một ngày nọ đang ngồi một mình, một ý nghĩ phát sanh đến vị ấy rằng:

“Ta sẽ cúng dường đến Đức Phật cùng chư Tăng những gì ta cho là tốt đẹp nhất. Vì ta được nghe Đức Thế Tôn dạy: “Ai cho vật đáng hài lòng hằng đạt được ước nguyện”. Ta mong Đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngự đến nơi này”.

Biết được ước muốn của gia chủ Ugga, Đức Phật cùng chư Tăng xuất hiện ngay tại tư gia của gia chủ. Vị ấy vô cùng hoan hỷ, cung nghinh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng, sau đó cúng dường vật thực đáng hài lòng đến Đức Phật và chư Tăng. Gia chủ Ugga liệt kê ra những món vật thực đáng hài lòng², bản kinh ghi nhận rằng: “*Không bao lâu sau, gia chủ Ugga mệnh chung, được tái sanh với thân khả ý (manomayaṃkāyaṃ)*”.

¹- DhA. iii. 465-9; theo ThagA. i. 65 Mahā Subhaddā cũng sống tại thành Ugga.

² - A.iii, 49

C- Sự khác nhau giữa bố thí và dút bỏ

1- Khác nhau về tâm lý (cetanā).

Theo Hậu Số giải (Anuṭīkā) của bộ Jātaka, các Giáo thọ sư cho rằng:

“Khi cho những vật thí như: cơm, nước, y phục,... để mong ước hưởng quả hữu vi trong những kiếp sống tương lai. Đó là bố thí.

Khi cho những vật thí như: cơm, nước, y phục,... mong người thọ dụng được an lạc trong hiện tại, người cho không mong cầu chi cả. Đó là dút bỏ”.

Trong chừng mực nào đó, dāna (bố thí) và dút bỏ (pariccāga) đều có nghĩa là “lìa bỏ tham luyến (virāga)”, nhưng sự lìa bỏ này khác nhau:

“Lìa bỏ trong hiện tại, tương lai mong cầu hưởng tài sản thế gian, đó là bố thí. Lìa bỏ trong hiện tại lẫn vị lai, đó là dút bỏ”.

2-Vì sao không mong cầu được gọi là dút bỏ?

Có hai loại mong cầu (chanda: ước muốn) là: mong cầu những tài sản trong đời (tục sản) và mong cầu những tài sản bậc thánh (thánh sản – ariyadhāna).

Khi không buông bỏ những vật thí, còn mong cầu “trong tương lai ta sẽ hưởng được: tài sản, sắc đẹp, danh

vọng, quyền uy, an lạc... những tài sản này còn nằm trong quyền lực của tham ái, là duyên hấp dẫn làm cho tham ái sanh khởi". Loại mong cầu này dẫn vào sinh hữu, đưa chúng sanh trôi lăn trong luân hồi, nên gọi là mong cầu tục sản.

Loại mong cầu thứ hai là: buông bỏ những vật thí, chỉ mong cầu đạt được Nípàn để giải thoát khỏi già, bệnh, chết".

Khi nói "**bố thí có mong cầu**" là nói đến "mong cầu tục sản".

Có câu hỏi rằng: "Sự mong cầu thánh sản không phải là do tham ái chi phối sao?".

Đáp rằng: Được gọi là Thánh sản do ý nghĩa "chấm dứt nghiệp dẫn đến tái sanh".

Nguyên nhân dẫn đến tái sanh trong luân hồi là do vô minh với ái dục. Sự mong ước đạt được Thánh sản không nằm trong quyền lực của tham ái, mà nằm trong quyền lực của pháp dục (dhammacchanda).

(Có ba loại ước muốn (chanda) là:

- Ước muốn thụ hưởng sắc, thanh, hương, vị, xúc, gọi là tham dục (kāmacchanda).

- Ước muốn thành tựu những pháp thượng nhân như thiền định, Đạo, quả Siêu thế, Nípàn, gọi là pháp dục (dhammacchanda).

- Ước muốn thực hành để tế độ chúng sanh được giải thoát trọn vẹn như mình, gọi là tác dụng (kriyachanda). Đây là ước muốn của vị Thánh Alahán.

Do đó, mong cầu “đạo, quả giải thoát khỏi sinh tử luân hồi” được xem như “không có mong cầu”. Vì “tâm thật sự không còn dính mắc trong đời, tâm lìa bỏ trọn vẹn (pariccāga) tham ái”.

Câu chuyện về Ngài Jotika¹ minh họa cho vấn đề hai loại mong cầu này, tóm lược như sau:

“Có hai trưởng giả là anh em ruột, cùng nhau chung trồng một ruộng mía.

Ngày kia, người em sau khi đi thăm ruộng mía mang về hai cây mía, nghĩ rằng: “anh ta một cây, còn ta một cây”.

Trên đường về, người em gặp vị Sa môn đang trì bình (là vị Phật Độc giác), người em hoan hỷ cúng dường cây mía của mình vào bát vị Độc giác Phật.

Theo truyền thuyết, loại mía thời ấy khi chặt bỏ gốc và ngọn, nước mía tuôn chảy, giống như một loại giầy leo có chứa nước ở trong thân.

Khi người em cúng dường nước mía vào bát vị Phật Độc giác, để làm tăng trưởng phước báu cùng sự hoan hỷ của thí chủ, Đức Độc giác thọ dụng nước mía ấy ngay.

Hoan hỷ trước sự kiện này, người em suy nghĩ, “nay còn cây mía của anh ta, ta sẽ cúng dường đến Ngài luôn.

¹ - DhpA. kệ ngôn số 416.

Khi trở về, ta sẽ thuật rõ câu chuyện, nếu anh ta cần tiền ta sẽ trả tiền, nếu anh ta cần phước, ta sẽ trao phước này đến anh ta”.

Người em cúng dường nốt cây mía còn lại đến vị Độc giác Phật.

Khi về nhà thuật lại câu chuyện đến anh, người anh nói:

- Ta không cần tiền, ta chỉ cần phước thôi.

- Nếu vậy, anh hãy thọ dụng phước ấy đi.

Người anh hoan hỷ, tưởng niệm đến ân đức bồ thí rồi phát nguyện:

"Do phước báu mà em tôi đã làm, trao lại cho tôi, xin cho tôi đắc được an lạc pháp (sukhadhamma) mà Ngài đã đắc".

An lạc pháp (sukhadhamma) mà vị Độc giác Phật chứng đắc là "sự giải thoát khỏi sinh tử luân hồi".

Nghe anh mình phát nguyện như vậy, người em cũng phát nguyện rằng:

"Do phước mà tôi cúng dường nước mía đến Ngài, xin cho tôi đắc được an lạc pháp mà Ngài đã chứng đắc, đồng thời sẽ là vị đệ nhất trưởng giả trong thành này."

Sau khi mệnh chung, hai anh em đều sinh về Thiên giới, người anh vẫn là anh. người em vẫn là em.

Vào thời Đức Phật Kassapa (Cadiếp), hai người tái sanh về thành Bandhuvatī trong một gia đình trưởng giả, người anh vẫn là anh, người em vẫn là em.

Sau khi cha mẹ qua đời, địa vị đệ nhất Trưởng giả trong thành Bandhuvatī thuộc về người anh.

Khi ấy, Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa (Cadiếp) đang rực chiếu trong thế gian. Một lần nọ, khi nghe được giáo pháp thù diệu của Đức Phật Kassapa, người anh chán nản đời sống thế tục, xuất gia nương tài sản lại cho em và không bao lâu sau Ngài chứng đạt quả Alahán.

Người em trở thành vị đệ nhất Trưởng giả trong thành Bandhuvatī, theo lời chỉ dạy của anh, vị ấy cúng dường một Hương thất đến Đức Phật Kassapa.

Từ thời Đức Phật Kassapa đến Đức Phật hiện tại, người em chỉ có hai sinh thú: người hoặc chư thiên.

Đến thời Đức Phật hiện tại, vị ấy là đệ nhất Trưởng giả trong thành Rājagaha (Vương Xá) có tên Jotika.

Khi duyên lành chín muồi, Ngài Jotika xuất gia trong Giáo pháp này, chứng đạt quả Alahán.

Câu chuyện trên cho thấy: "Sự mong ước được "đệ nhất Trưởng giả", là mong cầu tục sản, đó là *bố thí*. Sự mong ước được "an lạc pháp", là mong cầu Thánh sản, đó là *dứt bỏ*".

Đồng thời, cho thấy rằng "do mong cầu tục sản nên người em phải trôi lăn trong luân hồi suốt một thời kỳ Đức Phật Toàn giác (từ Đức Phật Kassapa đến Đức Phật Gotama hiện tại).

Trái lại, người anh có tâm dứt bỏ tài sản thế gian, nên chúng đấng Alahán thoát ra sinh tử luân hồi nhanh chóng hơn người em suốt thời một vị Phật. Đây chỉ là thời kỳ giữa hai vị Phật gần nhất, có khi thời kỳ giữa hai vị Phật kéo dài cả nhiều kiếp trái đất.

3- Khác nhau về cách thực hành.

Khi thực hành bố thí, nghĩa là có sự “trao đến người nhận”.

Được gọi là thí sự (dānakicca) do đầy đủ bốn chi phần:

- Có người cho
- Có ý (cetanā) đem cho.
- Có người nhận.
- Có vật thí.

Trong bốn chi phần này, người nhận chỉ có thể nhận những gì người cho trao đến. Đó là bố thí.

Còn “dứt bỏ”: người nhận được tự do chọn lấy những gì mình cần thiết.

Câu chuyện chứng minh cho sự khác biệt giữa hành động bố thí và hành động dứt bỏ, được nêu ra trong Số giải bộ Hạnh tạng (cariya – atthakatha) và trong Số giải

Bổn sanh. Đó là câu chuyện Terasanipāta jātaka¹, tóm lược như sau:

Trong quá khứ, Bồ tát là vị Bàlamôn uyên bác có tên là Akitta, sau khi cha mẹ qua đời, Ngài thừa hưởng đại tài sản do cha mẹ để lại.

Trong lúc vị tổng quản, đưa Bồ tát đi từng nơi để bàn giao tài sản: “Đây là kho vàng có chừng này vàng, đây là kho bạc có chừng này bạc, đây là kho tiền có chừng này tiền, đây là kho thóc có chừng này thóc...”.

Bồ tát hỏi: những tài sản này có từ đâu?

- Thừa chủ! Ông nội của Ngài đã tích lũy những tài sản trên, sau khi mệnh chung, trao lại cho cha Ngài gìn giữ. Nay cha mẹ Ngài mệnh chung, nên tài sản này thuộc về Ngài.

Bồ tát suy nghĩ:

- Ông nội ta tích lũy tài sản, rồi từ bỏ chúng ra đi. Cha mẹ ta gìn giữ chúng rồi cũng lìa bỏ chúng để ra đi. Nay đến ta, một lúc nào đó ta cũng phải bỏ chúng. Chúng có ích lợi gì khi phải gìn giữ chúng chứ, vậy ta hãy làm cho chúng trở thành ích lợi cho người khác và cho cả chính ta.

Bồ tát vào triều tâu lên Đức vua ý nguyện xả ly tài sản của mình, Đức vua hoan hỷ với tâm nguyện của Bồ tát, nên tán thành việc làm của Ngài.

Bồ tát cho người đánh trống truyền rao khắp nơi: “sẽ có cuộc đại thí trong bảy ngày”.

¹ - JA, số 480.

Trong bảy ngày, Bồ tát bố thí rất nhiều tài sản, nhưng tài sản vẫn còn rất nhiều, Ngài suy nghĩ rằng: "Ta đã có ý xả bỏ tài sản này, tại sao ta phải điều hành thí sự chứ".

Ngài cho mở rộng các kho tài sản, kho ngũ cốc... truyền rao rằng: "ai muốn nhận loại tài sản nào, hãy vào mà nhận".

Sau khi bố thí hết tài sản, Bồ Tát xuất gia vào ẩn tu trong núi Tuyết.

Câu chuyện trên cho thấy: trong bảy ngày đầu là *hành động bố thí*, vì người thọ nhận không có quyền quyết định đối với vật thí, cho vật gì thì nhận vật ấy

Sau bảy ngày là *hành động dứt bỏ*, vì người thọ nhận được quyền chọn vật thí theo ý.

Nói cách khác: hành động bố thí là: "*người nhận, nhận vật thí theo ý người cho*".

Hành động dứt bỏ là: "*người nhận, nhận vật thí theo ý mình*".

Ngày nay, một số nước như Thái Lan, Miến Điện thực hiện hành động dứt bỏ này. Trong các cuộc cúng dường vật thực đến chư Tăng, các vị sư chọn loại vật thực mà mình cần thọ dụng, với số lượng theo ý.

Tuy "dứt bỏ sự" vẫn có bốn chi phần của bố thí sự, điểm khác biệt ở đây là: người cho còn biết rõ người nhận và vật thí mà người ấy nhận, đó là bố thí. Còn dứt bỏ thì hai điểm sau, người cho không biết.

Mặt khác, khi còn nhận biết người thọ thí, nếu không khéo tác ý sẽ rơi vào ý nghĩ: “người này đã từng nhận vật thí của ta”. Thế là tâm còn bị vướng mắc, khi tâm bị dính mắc thì không thể gọi là “dứt bỏ trọn vẹn (pariccāga)”, bao giờ tâm không còn có ý nghĩ “người cho, người nhận”, gọi là “lìa bỏ trọn vẹn”.

Sau 7 ngày, Bồ tát Akitta đã buông bỏ tài sản, tuy Ngài biết “có người nhận tài sản của mình”, nhưng cụ thể là ai thì Ngài không biết, do đó ý nghĩ “ta là người cho, kẻ ấy là người thọ vật thí” không có trong tâm của Ngài. Hành động sau 7 ngày là “hành động dứt bỏ”.

Tóm lại, trao quyền sở hữu tài vật nào đó đến người khác, nhưng vẫn biết rõ người cho, người nhận, là bố thí.

Trao quyền sở hữu đến người khác, không vướng mắc ý tưởng “người cho, người nhận”, là dứt bỏ.

Ý nghĩa này đã lý giải bố thí và dứt bỏ trong 10 vương pháp. Tức là, khi Đức vua Chuyển Luân kiến tạo những thánh địa, những nơi tôn kính như đền, tháp... hoặc làm công trình lợi ích chung đến thần dân, mọi người đều có quyền thọ dụng công ích ấy, hay xuất kho bố thí tài sản đến những người nghèo khổ gọi là dứt bỏ. Ban thường những bảo vật đến các Đại thần... là bố thí.

Vua Chuyển luân Daḷhanemi có dạy vị Hoàng tử kế vị rằng:

"Ye ca te tāta vijite adhanā assu, tesañ ca dhanam anuppadajjeyyāsi:

- "Này con thân yêu, nếu trong quốc độ của con, có người không có tiền của, hãy đem tiền của sanh khởi đến người ấy..."¹

Lời dạy này hàm ý "dứt bỏ tài sản".

Bà Visākhā có xin Đức Phật 8 điều:

- 1- Xin được dâng y tắm mưa đến chư Tăng trọn đời.
- 2- Xin được dâng y Kaṭhina đến chư Tăng trọn đời.
- 3- Xin được dâng y tắm mưa đến chư Tỳ khưu ni trọn đời.
- 4- Xin được dâng y Kaṭhina đến chư Tỳ khưu ni trọn đời.
- 5- Xin cúng dường vật thực đến vị Tỳ khưu sắp đi xa.
- 6- Xin được cúng dường vật thực đến vị Tỳ khưu ở xa mới đến.
- 7- Xin cúng dường vật thực đến vị Tỳ khưu nuôi bệnh.
- 8- Xin cúng dường vật thực đến vị Tỳ khưu bệnh.

Đức Phật có hỏi rằng:

- Này Visākhā, vì sao nàng xin 8 điều này ?

¹ - D.iv, kinh Chuyển luân thánh vương (Cakkavatti- sīhanāda sutta).

- Bạch Thế Tôn, vì sau khi mãn mùa an cư, chư Tăng thường đi đến yết kiến Đức Thế Tôn. Sau đó, sẽ bạch hỏi Đức Thế Tôn về những tăng Thánh chứng đắc cùng sinh thú của những vị Tỳ khưu mệnh chung và được Đức Thế Tôn giảng giải.

Bạch Thế Tôn, thế rồi con sẽ đi đến đảnh lễ và hỏi vị ấy rằng: Bạch Ngài, vị Thánh tỳ khưu vừa mệnh chung ấy có đến trú trong thành Sāvatti này bao giờ chưa? Khi được biết vị ấy có lần đến thành Sāvatti, tâm con sẽ hoan hỷ vì nghĩ “mình có lần được cúng dường vật thực, hay đã dâng y Kāṭhina đến Ngài”.

Bạch Thế Tôn, đó là lý do con xin tám đặc ân này.

- Lành thay, này Visākhā! Như lai ban cho nàng tám đặc ân này.

Và rõ ràng, tuy bà Visākhā bố thí nhưng tâm không hề lưu ý đến người thọ thí, đó là cāga (dứt bỏ), vì không còn sự phân biệt đối tượng: thân quen hay xa lạ, mọi đối tượng nằm trong 8 điều ấy, đều được thọ vật thí như nhau và tâm bà Visākhā không hề nhận biết đối tượng thọ vật thí cụ thể là ai.

Đây là lý giải: “Dứt bỏ là tài sản của bậc Thánh”.

4- Khác nhau về vật thí

Trong thí sự thì vật thí cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phân biệt bố thí hay dứt bỏ.

Có ba loại bố thí (thông qua vật thí) như sau¹:

- Nô bộc thí (dāsadānaṃ): là người cho dùng vật quý trọng, nhưng khi đem cho thì vật thí là những vật tầm thường, kém phẩm chất, như y cũ rách, vật thực tầm thường... Ví như người chủ cho tôi tổ những vật mà chính mình không muốn xử dụng. Đức vua Pāyāsi đã thực hiện cách bố thí này.²

- Bằng hữu thí (sahāyadānaṃ): là người cho dùng vật như thế nào, sẽ cho vật như thế ấy. Ví như hai người bạn thân cùng dùng chung một vật.

- Gia chủ thí (sāmīdānaṃ): là người cho dùng những vật tầm thường, nhưng khi đem cho lại là những vật quý trọng, như người nô lệ dâng đến người chủ những món ngon vật lạ mà mình không dám dùng.

Về *gia chủ thí* có câu chuyện của Dārubhaṇḍhaka, được ghi nhận trong Cūlavamaṃsa (Tiểu Sử) như sau:

Tại ngôi làng Mahāgāma của nước Sri Lanka (Tích Lan), có một người đàn ông nghèo khổ tên Tissa, sinh sống bằng nghề kiếm củi, nên người ta gọi là Dārubhaṇḍhaka Tissa (Tissa người có tài sản là củi).

Một lần nọ, ông bàn luận với vợ rằng:

¹ - Đức Bửu Chơn – Kho tàng Pháp bảo (dhammadhana), tr 25.

² - D.ii, kinh Tệ Túc.

“Tuy Đức Phật có dạy lợi ích về sự bố thí thường kỳ (nibaddhadāna), nhưng chúng ta không thể thực hiện được vì cuộc sống chúng ta quá thiếu thốn và thấp kém.

Chúng ta chỉ có khả năng cúng dường vật thực mỗi tháng hai lần với vật thực mà mình có được. Khi có khả năng hơn sẽ cúng dường vật thực tốt bằng phiếu thực (salākabhatta) để phân biệt sự cúng dường vật thực bình thường.”

Vợ của Dārubhaṇḍhaka Tissa đồng ý và hôm sau họ cúng dường vật thực theo khả năng có được của mình.

Thời ấy, chư Tỳ khưu ở Tích lan được cúng dường vật thực thượng vị rất dồi dào. Một số Tỳ khưu trẻ cùng Sadi khi nhận vật thực của vợ chồng Tissa, đã quăng bỏ trước mặt hai người thí chủ ấy.

Người vợ bảo chồng rằng : “Các vị sa môn đã quăng bỏ vật thực cúng dường của chúng ta rồi.” Tuy nhiên, bà không có ý buồn phiền về việc quăng bỏ ấy, bà nghĩ rằng : “các vị sa môn quăng bỏ vật thực này xét ra cũng đúng. Vì những loại vật thực mà chúng ta có được là loại vật thực đáng quăng bỏ đối với mọi người”.

Thấy thế, Dārubhaṇḍhaka nói với vợ:

- Chúng ta quá nghèo, không thể dâng loại vật thực làm hoan hỷ đến các Ngài.

Người vợ an ủi chồng rằng:

- Nhưng những người có con thì không thể nghèo, chúng ta hãy bán con gái làm nô tỳ cho người để lấy tiền.

Ông Dārubhaṇḍhaka nghe theo lời vợ, bán con gái cho một nhà khá giả, được 12 đồng tiền vàng và với số tiền có được, ông mua con bò sữa về nuôi.

Với tâm lành của hai vợ chồng, con bò cái cho rất nhiều sữa. Vào buổi chiều, họ lấy sữa bò nấu thành sữa đặc và bơ, vào buổi sáng họ lấy sữa nấu thành món cháo sữa, rồi cúng dường đến chư Tăng cùng với sữa đặc và bơ ban chiều. Loại vật thực này đã làm hoan hỷ đến chư Tăng.

Và người ta nói rằng : “Kể từ đó trở đi, phiếu vật thực (sālakabhatta) của ông Dārubhaṇḍhaka chỉ dành cho bậc Thánh chứng đạt cao” (các vị có Thắng trí bố thí các bậc Thánh đến thọ thực tại tư gia của Dārubhaṇḍhaka).

Thế rồi, một hôm gia chủ Dārubhaṇḍhaka nói với vợ:

- Nhờ con gái, chúng ta đã làm hoan hỷ đến các bậc Thánh, con gái chúng ta đã nhận lãnh tội nhục này thay chúng ta. Bà đừng quên việc cúng dường vật thực đến chư Tăng, tôi sẽ đi tìm việc làm để chuộc con gái chúng ta về.

Ông ra đi tìm việc và được làm trong nhà máy đường, sau sáu tháng nỗ lực làm việc, ông dành dụm được 12 đồng tiền vàng, ông mang 12 đồng tiền vàng trở về làng để chuộc con gái.

Vào sáng sớm ông Dārubhaṇḍhaka lên đường về quê, trên đường về ông gặp Trưởng lão Tissa cũng đang đến làng Mahāgāma, để hành lễ trong một tự viện. Trưởng lão Tissa là bậc đang thực hành hạnh đầu đà (dhutaṅga) khất thực. Gia chủ Dārubhaṇḍhaka theo sau lưng Ngài, hỏi pháp từ nơi Ngài.

Khi đến đầu làng, đã đến giờ thọ thực, gia chủ trông thấy một người đàn ông mang một mo cơm theo để ăn, ông đề nghị người ấy bán mo cơm cho ông với giá một đồng tiền vàng.

Người kia suy nghĩ: “Mo cơm này chỉ đáng giá một phần mười số tiền trên, hẳn là có gì đặc biệt đây, nên người này mới trả giá cao như thế.” Và ông từ chối không bán mo cơm ấy, gia chủ Dārubhaṇḍhaka tăng dần giá mo cơm lên đến 12 đồng vàng, nhưng người kia vẫn không bán vì nghĩ: “Người này hẳn có rất nhiều tiền”. Cuối cùng, Dārubhaṇḍhaka nói rằng:

- Nay ông, tôi mua mo cơm này không phải dành cho tôi, tôi mua để dâng đến vị Trưởng lão đang ngồi dưới gốc cây. Tôi chỉ có 12 đồng vàng, nếu có hơn tôi sẽ cho ông tất cả, hãy bán mo cơm này cho tôi với tất cả số tiền tôi có trong tay đi.

Và người kia sau khi xem xét kỹ đã đồng ý bán mo cơm với 12 đồng tiền vàng. Gia chủ Dārubhaṇḍhaka mang mo cơm đến cúng dường vào bát vị Trưởng lão, khi được nửa mo cơm, vị trưởng lão ngăn lại. Gia chủ Dārubhaṇḍhaka bạch rằng:

- Bạch Ngài, phần cơm này chỉ đủ cho một người dùng. Mong Ngài từ bi tế độ con, xin Ngài hãy thọ lãnh trọn vẹn phần cơm này.

Vị trưởng lão thọ nhận trọn vẹn mo cơm, sau đó hai người tiếp tục lên đường đi vào làng. Trên đường đi, vị trưởng lão hỏi thăm gia cảnh của Dārubhaṇḍhaka, gia chủ thật thà tường thuật lại gia cảnh của mình. Nghe giá trị mo cơm bằng sáu tháng trời làm việc của gia chủ, tâm vị Trưởng lão xúc cảm: “Ồ ! Người này đã thực hiện một thí

sự khó làm (dukkāradāna), ông đã cúng dường đến ta với niềm tịnh tín trong một hoàn cảnh khó khăn như thế. Ta thọ vật thực ấy, xem như nợ ông rất lớn, ta phải tinh tấn chứng đạt quả vị A la hán để tỏ lòng tri ân ông, ta sẽ tìm nơi thích hợp để hành đạo, cho dù da, thịt, máu... của ta có khô cạn, ta sẽ không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi chứng đạt quả vị A la hán.”

Khi vào trong làng, mỗi người đi theo hướng riêng của mình. Khi đến Tịnh xá Mahāvihāra, trưởng lão Tissa được bố trí ngụ trong một căn phòng yên tịnh. Chính tại nơi này, Ngài phát nguyện “không rời khỏi tư thế ngồi cho đến khi nào chứng đạt quả vị A la hán”. Trưởng lão tinh cần hành pháp suốt 7 ngày, cả đến việc đình chỉ dùng vật thực, vào sáng thứ bảy Ngài chứng đắc A la hán với tuệ phân tích (paṭisambhidā ñāṇa).

Quán xét thọ mạng, Ngài thấy sự chết đã gần kề. Sau khi sắp xếp ngăn nắp mọi thứ trong chỗ ngụ, Ngài cầm lấy y bát đi đến giảng đường, trung tâm của tịnh xá, đánh chuông triệu tập Tăng chúng.

Khi Tăng chúng tề tựu đầy đủ, vị Đại trưởng lão tịnh xá hỏi:

- Hiền giả nào đã triệu tập tăng chúng ?
- Bạch Ngài, chính là tôi. Trưởng lão Tissa đáp lời.
- Vì sao hiền giả lại triệu tập tăng chúng ?

- Bạch Ngài, 7 ngày qua tôi đã tinh cần hành pháp và đã thành tựu quả vị A la hán, trong chư Tăng có ai hoài nghi về quả vị này, xin hãy hỏi tôi về giáo pháp.

- Này hiền giả, không ai nghi ngờ về quả vị A la hán mà hiền giả đã chứng đạt được. Nhưng do duyên gì, nhân gì mà hiền giả nỗ lực tinh cần như thế?

Trưởng lão thuật lại mọi chuyện khi gặp gia chủ Dārubhaṇḍhaka, rồi bạch rằng:

-- Kính bạch chư Tăng, giờ viên tịch (parinibbāna) của tôi đến rồi, cổ quan tài của tôi sẽ bất động, cho đến khi nào được gia chủ Dārubhaṇḍhaka đưa tay nhắc lên, khi ấy mới đến được giàn hỏa.

Và Trưởng lão viên tịch sau đó. Vị Sãi vương lúc bấy giờ là Đại trưởng lão Kākavaṇṇa Tissa đi đến tự viện, cho những người mai táng của hoàng gia, đặt thi hài vị trưởng lão Tissa vào quan tài, cho mang đến đài hỏa táng. Kỳ lạ thay, cổ áo quan không thể nhắc lên được dù đã dùng nhiều phương cách.

Khi hiểu được nguyên nhân, Đức vua cho mời gia chủ Dārubhaṇḍhaka đến, truyền cho gia chủ nhắc cổ áo quan. Gia chủ Dārubhaṇḍhaka dùng đầu đội cổ áo quan, đưa hai tay nhắc bổng cổ áo quan và cổ quan tài ngửa trên đầu của gia chủ, như người ta dùng hai tay nâng chiếc hộp giấy rỗng để trên đầu. Sau đó cổ quan tài được đưa lên đài hỏa táng.

Dĩ nhiên, hoan hỷ với thí sự khó làm của gia chủ Dārubhaṇḍhaka, Đức vua đã ban thưởng trọng hậu và gia chủ Dārubhaṇḍhaka trở nên giàu có.

Một ví dụ khác về loại bố thí này được tìm thấy trong tích truyện Sadi Sukha¹. Hoặc câu chuyện tiền thân nàng

¹ - DhpA, kệ ngôn số 145.

Ummadantī trong Bốn sanh Paññāsa Nipāta, tóm lược như sau:

Một cô gái nghèo khổ, làm công trong ba năm để kiếm bộ y phục vừa ý. Khi nàng có bộ y phục rồi, sắp mặc vào người, tình cờ nàng thấy vị Tỳ khưu Alahán trong thời giáo pháp của đức Phật Kassapa, vị ấy mặc chiếc y củ rách, động lòng bi mẫn, nàng cúng dường bộ y ấy đến Ngài.

Tóm lại, "gia chủ thí được gọi là: *bố thí khó làm* (dukkāra dāna)."

Trong ba cách bố thí này, xét về khía cạnh từ bỏ vật thí thì:

- *Nô bộc thí* tuy có sự từ bỏ vật thí, nhưng lại là việc dễ thực hiện, nên không xếp vào "dứt bỏ", đồng thời được xếp vào bố thí thấp kém nhất trong ba loại bố thí.

- *Gia chủ thí* là sự từ bỏ vật thí rất khó thực hiện và vì dứt bỏ được ái luyến vật thí, nên *gia chủ thí* được xếp vào "dứt bỏ".

5- Khác nhau về đối tượng

Trong bố thí sự, có ba loại đối tượng nhận vật thí là:

- Đối tượng có ân đức cao trọng hơn người cho.
- Đối tượng có ân đức ngang với người cho.
- Đối tượng thấp kém hơn người cho.

Khi trao quyền sở hữu đến những đối tượng có ân đức cao, có địa vị cao, thông thường được gọi là cúng dường (pūjā). Đây được gọi là bố thí với tâm kính trọng.

Khi trao quyền sở hữu đến những đối tượng có địa vị thấp kém là dút bỏ. Như Đức vua khi cúng dường đến Đức Phật cùng Tăng chúng, các Bà la môn có thặng trí... việc làm này gọi là bố thí. Còn khi vị ấy ban thưởng hay bố thí vật dụng đến dân chúng là “dút bỏ”.

Có năm pháp bố thí của bậc có trí (sappurisa dāna)¹ là:

- Bố thí với đức tin (saddhāya dāna).
- Bố thí với tâm kính trọng (sakkaccaṃ dānaṃ).
- Bố thí hợp thời (kālena dānaṃ).
- Bố thí với tâm tế độ (anuggahacittena dānaṃ).
- Bố thí không hại mình lẫn hại người (attānañca parañca anupahacca dānaṃ).

Xét về khía cạnh bố thí hay dút bỏ trong năm pháp ấy thì:

- Bố thí với tâm kính trọng là xác định địa vị của người thọ thí có ân đức cao thượng hơn người cho.

Khi địa vị người thọ thí được xác định là cao thượng, cúng dường đến bậc cao thượng với sự tin tưởng: “sẽ tăng trưởng phước báu”, như cúng dường chư Tăng, Đức Phật... được gọi là bố thí với đức tin.

¹ - A iii, 172. Chương năm pháp, phẩm Tikandaki

Còn với những đối tượng thấp kém nhận vật thí, như súc sanh, người ác giới (dussīlaka)... chẳng hạn, với niềm tin vào lý nghiệp báo, lý nhân quả, là thiện pháp cần thực hành để đến nơi an vui tuyệt đối Đây là "sự dứt bỏ với niềm tin".

"Bố thí với tâm tế độ", thông thường là xác định: địa vị người thọ thí thấp kém hơn người cho. Và là "sự dứt bỏ".

Hai cách bố thí còn lại: hợp thời, không hại mình lẫn hại người, tùy theo đối tượng mà xác định "bố thí hay dứt bỏ".

D- Sự giống nhau giữa bố thí và dút bỏ

Ý nghĩa sai biệt của bố thí - dút bỏ được lý giải như trên, nhưng khi đứng trên phương diện chân pháp (paramattha dhamma) thì bố thí và dút bỏ không khác nhau, vì bố thí hay dút bỏ đều có chung ý nghĩa "vô tham (alobha)".

Trong bộ Chánh giác tông (Buddhavamsa), chỉ đề cập đến bố thí ba la mật (dānapāramī), không nói đến dút bỏ (cāga) vì bố thí được nói đến theo ý nghĩa cùng tột (paramattha) là "vô tham".

Tùy thuộc vào tác ý (manasikāra) còn dính mắc hay không dính mắc, sự "đem cho" ấy được gọi là *dút bỏ* hay *bố thí*.

1- Tác ý (manasikāra).

Khi cho một vật gì đến người nhận, dù trực tiếp hay gián tiếp. Người cho còn có ý nghĩ: "ta đã cho", khi ấy "có sự dính mắc trong tâm". Việc làm này trở thành bố thí.

Khi ý nghĩ về "người cho, người nhận không có trong tâm" thì thí sự này là "dút bỏ".

Câu chuyện tiền thân của ngài Jotika nói lên ý nghĩa này¹.

¹ -DhpA, kệ ngôn số 416.

Theo sự hướng dẫn của vị Alahán là người anh khi còn tại gia, vị Trưởng giả (tiền thân của ngài Jotika) kiến tạo một Hương thất cúng dường đến Đức Phật Kassapa.

Ông muốn mọi người đến nghe pháp nên dùng bảy loại ngọc quý, nghiền nhỏ cúng dường trước hương thất Đức Thế Tôn, rao truyền rằng: “ai đến nghe pháp, muốn nhặt ngọc thì nhặt theo tùy thích”. Khi hết ngọc, ông lại trải thêm lần nữa và ông đã ba lần trải ngọc như thế.

Ngoài ra, ông còn cúng dường viên bảo châu lớn dưới chân Đức Phật, với ý nghĩ rằng: “ai nhìn thấy bảo châu sẽ có dịp chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, người ấy có nhiều phước báu”.

Một người Balamôn già đã lấy đi viên bảo châu, tâm vị Trưởng giả không hài lòng về việc làm của ông Bà la môn.

Như vậy :“ba lần trải ngọc cúng dường là tâm dứt bỏ”, “cúng dường viên bảo châu lớn là tâm bố thí”.

Một ví dụ khác được tìm thấy: câu chuyện bố thí lớn nhất (Vô song thí – asadisa dāna) của vua Pasenadi.

Đức vua Pasenadi (Ba tư nặc) thực hiện cuộc đại thí suốt bảy ngày đến Đức Phật và Tăng chúng.

Khi mãn cuộc đại thí, do nhận biết tâm bòn xén của một vị đại thần và tâm hoan hỷ phước của vua Pasenadi của vị đại thần khác. Đức Phật suy nghĩ “ Nếu Như lai chúc phúc tương xứng, vị đại thần không hoan hỷ sẽ tức giận rồi ói máu chết, còn vị đại thần hoan hỷ sẽ chứng đắc quả Dự lưu”.

Vì lòng bi mẫn với vị đại thần không hoan hỷ, Đức Thế Tôn chỉ chúc phúc bằng kệ ngôn ngắn, Đức vua không hài lòng vì cho rằng: “Đức Thế Tôn chúc phúc như thế không xứng đáng với sự cúng dường của Ta”.

Sau đó, Đức vua đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch lên ý nghĩ của mình. Đức Phật giải thích việc làm của Ngài vì nhận thấy 2 tư tưởng trên. Đức vua cho vời hai vị đại thần đến hỏi, sau đó Đức vua ban thưởng cho đại thần hoan hỷ phước với mình, đồng thời đuổi vị kia ra khỏi quốc độ.

Tiếp theo Đức Phật thuyết lên kệ ngôn:

“ Na ve karayirā devalokaṃ vajanti.

Bālā have nappasaṃsanti dānaṃ

Dhīro ca dānaṃ anumodamāno.

Teṇeva so hoti sukhī parattha.

"Keo kiết không sanh thiên.

Kẻ ngu ghét bố thí.

Người trí thích bố thí.

Đời sau được hưởng lạc.¹

Như vậy, việc cúng dường của vua Pasenadi là bố thí, không là dút bỏ.

Khi người cho có tâm “lìa bỏ trọn vẹn (pariccāga)” vật thí, cho dù đối tượng thọ thí có ân đức thấp, ngang bằng

¹ - Dhp A, kệ ngôn số 177,

hay cao hơn người cho, hành động “đem cho” ấy đều được xem là bố thí ba la mật.

Nói cách khác, *bố thí ba la mật hàm ý dứt bỏ trọn vẹn những gì thuộc thế gian.*

Lại nữa, chính vì “*dứt bỏ trọn vẹn đồng nghĩa với bố thí ba la mật*”, nên các bậc Thánh hữu học như ngài Ugga, bà Nandamātā, trưởng giả Citta, bà Visākhā, trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika)... vẫn thực hành bố thí hạnh (dānacāriya), nhưng chỉ có “dứt bỏ (cāga) là tài sản”.

Rõ ràng trong ý nghĩa dứt bỏ (cāga) ngầm chứa ý nghĩa bố thí.

Khi người phật tử hành pháp bố thí, nên có ý nghĩ rằng: “ta không còn là chủ vật thí này, ta không dính mắc với vật thí, không dính mắc với đối tượng thọ nhận (vật thí)”, thí sự ấy trở thành “dứt bỏ”, là bố thí ba la mật.

2-Vật thí nào được gọi là đại dứt bỏ (mahā pariccāga)?

Bất cứ vật thí nào cũng có thể trở thành đại dứt bỏ và đều có thể gom vào bố thí balamật.

Tuy nhiên, có những vật thí có giá trị thấp, có giá trị bình thường có giá trị cao tột. Giá trị cao có hai loại:

- Cao theo thông thường, như bà Visākhā cúng dường chiếc áo choàng có giá trị 90 triệu lè 100 ngàn đồng vàng.

- Cao theo cách có được của người cho, như ông Balamôn Cūlekasātaka chỉ có chiếc áo choàng, nhưng mang cúng dường đên Đức Phật. Đối với ông “đây là tài sản cao nhất mà ôn có được.

Trong Sớ giải (atthakathā) của kinh Sīlakkhandhasutta (Giới uẩn kinh) và trong phần giải thích về ý nghĩa “Như lai (tathāgato)”, nêu lên năm vật thí mà Bồ tát dứt bỏ, đó là:

- Dứt bỏ tài sản.
- Dứt bỏ vương quốc.
- Dứt bỏ vợ con.
- Dứt bỏ tứ chi
- Dứt bỏ mắt.

Trong Sớ giải Mūlapaṇṇāsa, bài kinh Tiểu kinh Sư tử hống (Cūlasīhanāda sutta)¹, cũng nêu ra năm loại như trên.

Trong Sớ giải kinh Ratanasutta (kinh Châu báu)², nêu ra năm loại thí vật là:

- Dứt bỏ tài sản.
- Dứt bỏ vợ.
- Dứt bỏ con.

¹ - MA.i, Cūlasīhanādasutta (Sư tử hống tiểu kinh).

² SnA – Chương 2 - phẩm nhỏ, Sn.39.

- Dứt bỏ tứ chi.
- Dứt bỏ mạng sống.

Sớ giải kinh Chánh giác tông (Buddhavaṃsa), nêu ra năm loại thí vật là:

- Dứt bỏ tài sản (dhānapariccāga).
- Dứt bỏ vương quốc (ratthapariccāga).
- Dứt bỏ vợ con.
- Dứt bỏ tứ chi (aṅgapariccāga).
- Dứt bỏ thân mạng (jīvitapariccāga).

Qua những liệt kê vật thí được ghi nhận trong Kinh tạng cùng những bộ Sớ giải, vật thí được phân chia làm ba loại:

- Vật ngoài thân như tài sản, vương quốc, vợ, con... Trong vật thí loại này, tùy theo mãnh lực ái luyện chúng trở thành cao, thấp khác nhau.

Một người có tâm ái luyện tài sản mãnh liệt thì vợ hay con trở thành thứ yếu, y có thể hy sinh cả vợ con để bảo vệ tài sản của mình.

- Vật trong thân như tay, chân... Đây là vật thí được xem là cao trọng, vì "không ai thương mình bằng chính mình thương mình".

- Vật thí là mạng sống. Đây là vật thí cao trọng nhất.

Nên ghi nhận rằng: "*Dứt bỏ thân thể*" có hai cách:

- Vật thí tuy là chỉ là một thành phần của thân thể, nhưng khi mất chúng thì tổn hại hoặc có thể tổn hại đến tính mạng sống, như mắt, tim, gan... khi dứt bỏ những chi phần thân thể ấy, được xem là "dứt bỏ mạng sống".

- Vật thí là thành phần thân thể, nhưng khi dứt bỏ không tổn hại đến mạng sống như tay, chân, máu...

Và vật thí là mắt, tim, gan.. hay cả thân thể được xem là "dứt bỏ mạng sống". Như Đức vua Sivi bố thí mắt, được xem là bố thí sinh mạng.

E- Điều kiện của bố thí sự (dāna kamma)

Được gọi là bố thí do đủ bốn điều kiện:

- Có người cho.
- Có ý (cetanā) đem cho.
- Vật đem cho.
- Người thọ nhận.

1- Có ý (hay tác ý) đem cho.

Có ba loại tác ý đem cho:

- Có ý (dứt bỏ) trước khi cho (pubba cetanā).
- Có ý (dứt bỏ) trong khi cho.
- Có ý (dứt bỏ) sau khi cho.

Có ý đem cho được xem là thành phần chủ yếu của bố thí, Pāli có dẫn:

Dīyāti anenāti dānaṃ = dānacetaṇaṃ: điều khiển sự đem cho, gọi là "có ý bố thí".

Ở đây, hành động quyết định đem cho là do "có ý (cetanā)", không thể có sự bố thí mà không có sự "có ý"

đem cho. Và hành động đem cho chỉ xảy ra khi nào có cetanā (có ý).

a- *Có ý trước khi cho*: ý khởi sanh vào lúc dự định đem cho, gọi là “có ý trước khi cho”.

Trong giai đoạn trước khi cho này, cần nhận định rằng:

- Khi có sẵn vật đem cho, nhưng chưa có người thọ nhận, đó là “có ý trước khi cho”, như Bồ tát Vessantara¹ tuyên bố “ai cần vật gì ta sẽ cho vật ấy”. Sau đó có 8 vị Bàlamôn đến xin con voi hạnh phúc (maṅgalaḥatti), Bồ tát cho voi ấy ngay. Loại “có ý” này được xem là “có ý trước khi cho”.

- Nếu như không có sẵn vật cho, tác ý này chỉ là “ý thiện”, không thể gọi là “có ý bố thí”.

Như trường hợp nàng Suppiyā², khi đi đến Kỳ viên tịnh xá, thấy vị Tỳ khưu đang bị bệnh, bạch hỏi rằng: “Bạch Ngài, Ngài cần dùng loại thuốc chi để trị bệnh”.

- Nàng cô, tôi cần nước thịt để trị bệnh. Vị Tỳ khưu ấy đáp lời nàng Suppiyā.

- Bạch Ngài, vào ngày mai, tôi sẽ dâng nước thịt đến Ngài.

Loại “có ý cho” của nàng Suppiyā trong thời điểm ấy, chỉ là “ý thiện”.

¹ - Đại trưởng lão Hộ Tông - Thập độ, bản sanh Bồ tát Vessantara.

² - Luật Đại phẩm (mahāvagga)- Chương được phẩm, Tụng phẩm 2 - Đại đức Nguyệt Thiên dịch.

Vào hôm sau, vì không tìm được thịt, nàng cắt thịt đùi của mình, nấu thành bát canh thịt dâng đến vị Tỳ khưu. Khi nàng cắt thịt đùi của mình để bố thí, khi ấy loại tác ý này, gọi là “có ý trước khi cho”.

b- *Có ý trong khi cho* (còn gọi là *muñca cetanā*).

Chữ *muñca* nghĩa là sự buông bỏ, dứt bỏ. Vì đi chung với hành động đem cho, nên *có ý trong khi cho* chính thức là bố thí sự.

Hai loại “có ý” này đều được xem là bố thí khi đã có vật thí.

c- *Có ý sau khi cho*:

Là sau khi đã cho rồi, tâm còn nghĩ đến “người nhận, vật thí” thì hành động này chỉ được xem là hành động bố thí (*dānakamma*).

Còn như “*sau khi cho*” chỉ nghĩ đến hành động tốt đẹp của thiện sự, không nghĩ đến “người nhận cùng vật thí”, khi ấy bố thí sự trở thành dứt bỏ.

Đức Phật có dạy:

Idha modati pecca modati

Katapuñño ubhayattha modati.

So modati so pamodati.

Disvā kammavisuddhamattano.

“Ở đây hoan hỷ, sau đây hoan hỷ. Trong cả hai trạng thái người hành thiện đều hoan hỷ. Hoan hỷ vô cùng hoan

hỷ, vì nhận thức tánh cách trong sạch của chính hành động mình.”¹

2- Vật thí

Những vật đem cho cũng là một thành phần của thí sự như Pāli giải:

Diyāti dānaṃ = dānavatthum: vật đem cho, gọi là vật thí.

Trong Kinh tạng có đề cập đến: tâm thí và vật thí.

Có câu hỏi rằng: “*vì sao vật thí cũng được xem là thí sự*, trong khi điều quan trọng là tâm thí? Vì chỉ có tâm thí mới có khả năng tạo ra quả của bố thí, còn vật thí thì không có khả năng này?”

Về điểm này, như đã giải thích “*được gọi là thí sự, khi có sẵn vật thích hợp đem cho*”. Nếu không có vật thí thì không thành thí sự và loại tâm tốt đẹp ấy chỉ có thể gọi là tâm thiện, không thể gọi là tâm thí được.

Do đó, vật thí cũng là một yếu tố quan trọng trong thí sự.

Tác năng của vật thí có khả năng tạo ra quả của thí sự không?. Vật thí tuy không có khả năng tạo quả trực tiếp, nhưng gián tiếp sản sinh quả lợi ích tương ứng với vật thí. Như Hoàng hậu Anojā có màu da xinh đẹp như hoa anojā, vì trong quá khứ cúng dường hoa anojā đến

¹ - Dhp, câu số 16 - Đại trưởng lão Nārada – ông Phạm Kim Khánh dịch.

bảo tháp với ước nguyện có được màu da xinh đẹp như hoa anojā.

Vua Asoka (Ađục) có màu da sần sùi, xấu xí là do trong thời Đức Phật, cúng dường cái bánh bằng cát đến Đức Phật.

Đức Phật có dạy:

“Manāpadāyī labhate manāpaṃ.

Aggassa dātā labhate punaggaṃ.

Varassa dātā varalābhī ca hoti.

Setṭhandado setṭhamupeti thānaṃ.

"Người cho vật hài lòng, được vật hài lòng.

Người cho vật quý, được vật quý.

Người cho vật báu, được vật báu.

Người cho trú xứ tốt, đi đến nơi quý trọng.¹

Lại nữa, vị Alahán sau khi xả thiền diệt (nirodha samāthi), tuy các Ngài có tâm tế độ người nghèo khổ, nhưng trước đó Ngài quán xét “người này có tịnh tín với ta không?, có dâng đến ta vật chi chăng?”, khi thấy rõ có tâm thí lẫn vật thí, Ngài ngự đi tế độ người có duyên lành ấy.

Các Giáo thọ sư có cho ví dụ như sau:

¹ - A.ii, chương năm pháp - phẩm vua Munda.

Khi chúng ta nói “cơm đợ nấu chín nhờ có lửa”, nhưng không có củi thì không có lửa. Cũng vậy, thí sự (cơm chín) hình thành do có tâm thí (lửa), nhưng không có vật thí (củi) thì tâm thiện này không trở thành tâm thí.

Vật thí có vai trò quan trọng trong thí sự (dānakamma) như thế, nên Đức Phật có dạy: có năm loại vật thí khi đem cho không có phước, đó là:

- Cho rượu (majjadānaṃ).
- Cho tiếng hát (sammajjadānaṃ). (Loại âm thanh quyến rũ tâm người nghe rơi vào tham ái, dục lạc).
- Cho nữ nhân (itthidānaṃ) làm vợ người nam (ám chỉ bố thí tình dục).
- Cho bò cái đến bò đực (usabhadānaṃ) (ám chỉ sự phối giống).
- Cho hình tượng (lỏa thể) (cittakammadānaṃ), ám chỉ những tranh, tượng có tính cách khiêu khích tình dục.

Phân loại vật thí.

Các bài kinh trong bộ Suttanta (Kinh tập) có nêu ra 10 loại vật thí là:

- Cơm (anna), nước (pāna), y phục (vattha), xe (yāna), vòng hoa (mālā), chất thơm (gandha), chất xoa bóp (vilepana), giường (seyyā), chỗ trú ngụ (vasatha) và ánh sáng (dīpa).

Trong tạng Luật thì nêu ra bốn loại vật thí là: vật thực, y phục, chỗ trú và thuốc trị bệnh.

Nên hiểu rằng: bốn loại vật thí này, Đức Phật ám chỉ đến sự thọ dụng của chư Tỳ khưu, tức là bốn vật thí cần yếu cho đời sống Sa môn.

Còn 10 loại vật thí trong Tạng Kinh dùng cho mọi đối tượng thọ nhận, ngoài ra còn những vật thí khác như giày, dép, dù...

Trong tạng Luật, phẩm giày, dép có nêu lên hai loại vật thí này. Trong Bốn sanh, Bồ tát Saṅkha dâng đến Đức Phật Độc giác dù, giày...

Trong Tạng Luận (Abhidhamma), không đề cập đến vật thí chế định, chỉ đề cập đến vật thí theo cái nhìn của paramattha (thực tính pháp) là: sắc, thính, hương, vị, xúc và pháp.

3- Người nhận.

Đức Phật nêu ra có 14 đối tượng thọ thí¹. Và tùy theo phẩm hạnh của đối tượng thọ thí mà phước báu của thí sự được nâng cấp. Như vậy đối tượng thọ thí được phân ra hai loại: Cá nhân và tập thể.

Trong cách thức cúng dường (hay bố thí) đến tập thể Tăng (gọi là trai tăng), có nêu ra bảy cách tập thể thí (ở đây là hội chúng Tăng) như sau:

“Này Ānanda, có 7 loại cúng dường cho Tăng chúng.

¹ - M.iii, Dakkhiṇavibhaṅgasutta (Kinh Cúng dường phân biệt).

1- Bồ thí cho cả hai Tăng chúng (Tỳ khuru và Tỳ khuru ni) với Đức Phật là vị lãnh đạo.

2- Bồ thí cho cả hai Tăng chúng, sau khi Đức Phật viên tịch (parinibbāna).

3- Bồ thí cho chúng Tỳ khuru Tăng.

4- Bồ thí cho chúng Tỳ khuru Ni.

5- Bồ thí và nói rằng: “Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỳ khuru và Tỳ khuru Ni như vậy”.

6- Bồ thí và nói rằng; “Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỳ khuru như vậy.

7- Bồ thí và nói rằng: “Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỳ khuru Ni như vậy.

Bản sơ giải có giải thích: đối với những vùng có ít chư Tăng hay chư ni, chỉ cần bốn vị Tỳ khuru hay bốn vị Tỳ khuru ni cũng được gọi là Tăng thí (saṅghadāna). Vì sao? Vì rằng: bốn vị ấy biểu tượng cho bốn quả Sa môn là: -

- Sa môn bất động (samaṇamacala).
- Sa môn sen đỏ (samaṇapaduma).
- Sa môn sen trắng (samaṇapundarīko).
- Sa môn tinh luyện (samaṇasukhumālo).

Đối với trú xứ có nhiều chư Tăng, chư Ni thì số lượng thọ thí phải là tám vị, tượng trưng cho bốn đạo và bốn quả Sa môn.

Và với lời “mong chư Tăng chỉ định cho tôi một số Tăng” thì dù xin một vị, nhưng không nêu tên cũng gọi là Tăng thí. Vì rằng khả năng của gia chủ chỉ có thể cúng dường đến một vị mà thôi.

Bản Sớ giải ghi rằng: Người có tâm cúng dường, đi đến tự viện thỉnh cầu vị Trưởng lão trụ trì trong tự viện rằng:

- Bạch Ngài, vào ngày mai con xin thỉnh một vị Sa môn, đến thọ thực tại nhà của con.

Khi vị Trưởng lão đã nhận lời, ngày hôm sau bất cứ vị Sa môn nào đến nhà thọ thực (cho dù đó là Sa di), thí sự này cũng được xem là Tăng thí (hay tập thể thí).

Có câu chuyện như sau:

Có một cận sự nam sau khi xây dựng một tự viện cúng dường đến tang chúng, có lần ông đến tự viện xin thỉnh một vị Sư về nhà làm phước vào ngày hôm sau.

Hôm sau, vị Trưởng lão quản tăng cho vị sư ác giới đến thọ thực tại nhà cận sự nam, vì đến phiên vị ấy nhận phiếu thực.

Tuy biết rõ sở hành của vị sa môn này, nhưng vị cận sự nam vẫn cung kính đánh lễ, rửa chân vị ấy, dùng dầu xoa bóp chân vị ấy, xong rồi cung thỉnh vị sư ngồi vào chỗ soạn sẵn, tự tay cúng dường vật thực rất kính trọng.

Thấy vị cận sự nam này hoan hỷ, tinh tín với mình như thế, vào buổi chiều vị sư ấy đến nhà cận sự nam, nói rằng:

- Nay cận sự nam, tôi cần mượn cái cuốc để làm cỏ.
- Nay sư, hãy lấy đi.

Cận sự nam dùng chân hất cái cuốc sang vị sư. Thấy được việc làm vào ban sáng lần buổi chiều của cận sự nam, những người chung quanh hỏi rằng:

- Nay ông, vì sao ban sáng ông cung kính vị sư ấy, bây giờ lại có cử chỉ khinh bạc như thế.

- Thưa các ông, ban sáng vị ấy đại diện cho chư Tăng đến, tôi cung kính là cung kính chư Tăng. Bây giờ vị ấy không phải là đại diện chư Tăng, là vị sa môn không giới hạnh, nên tôi không thể cung kính như ban sáng.

Câu chuyện này cho thấy thí sự của cận sự nam này: vừa là tập thể thí vừa là bố thí dứt bỏ, vì không chọn đối tượng cá nhân nào cả.

Đối tượng cung kính của cận sự nam là chư Tăng, bất kỳ vị sư nào đến thọ vật thí là do Tăng cử đến, ví như bất kỳ thị giả nào của Đức vua mang chiếu lệnh đến tuyên đọc, các quan đại thần cũng phải quỳ xuống đánh lễ, không phải đánh lễ thị giả mà đánh lễ vương lệnh của Đức vua.

Câu chuyện tiền thân Sa di Paṇḍita¹ minh họa rõ về Tăng thí một vị này.

Do vậy, người phật tử khi bố thí, cho dù thỉnh Đại chúng tăng, nhưng tâm kỳ vọng một vị đại Trưởng lão nào đó đến dự, hoặc thấy trong nhóm Tăng có vị sư không giới

¹ - DhpA, câu kệ số 80

hạnh thì không vui thích, khi ấy tập thể thí trở thành cá nhân thí.

Có ý kiến cho rằng: “Sau khi Đức Phật đã viên tịch (parinibbāna), cúng dường Tăng thí có Đức Phật đứng đầu không thể thực hiện được”.

Nên trả lời rằng : “Tăng thí có Đức Phật là vị thượng thủ vẫn thực hiện được. nếu thí chủ có cung thỉnh Xá lợi Phật (sārīrika dhātu) đến ngự, xem như thí sự có Đức Thế Tôn dự”.

Phân định các loại bổ thí

Bổ thí có hai chi phần.

A- Về vật thí.

Đức Phật có dạy:

"Cho ăn là cho lực.

Cho mặc là cho sắc.

Cho xe là cho lạc.

Cho đèn là cho mắt.

Ai cho chỗ trú xứ.

Người ấy cho tất cả.

Ai giảng dạy chánh pháp.

Vị ấy cho bất tử.¹

Lời dạy trên cho thấy có hai loại bổ thí, là bổ thí tài vật (āmisadāna) và bổ thí pháp (dhammadāna). Và Đức Phật cũng dạy rằng:

¹ -S.i, 32 - Phẩm thiêu cháy.

"Này các Tỳ khưu, có hai loại bố thí, thế nào là hai? Bố thí tài vật và bố thí pháp... Tôi thắng trong hai loại bố thí này là bố thí pháp"¹

1- Bố thí tài vật là bố thí cơm, nước, y phục.. hay bố thí tứ sự (paccayadāna) như đã giải ở trên.

Có câu hỏi là: xây chùa, tháp, dựng tượng Phật có thuộc vào thí sự không?

Có ý kiến cho rằng: Việc xây chùa, tạo tượng Phật xuất phát từ tâm cung kính Tam bảo, hay cung kính Đức Phật. Không xuất phát từ tâm bố thí, nên việc làm này được xếp vào pháp cung kính (apacāyama), trong 10 điều thiện (puññakiriya vatthu) không kể vào bố thí.

Tuy nhiên, ý kiến trên bị bác bỏ: Sự tôn kính ân đức Tam bảo, hay ân đức Phật, thì không cần phải bỏ ra một số tài vật lớn, khi có sự xả bỏ một số tài sản lớn để xây chùa, lập tượng Phật thì thuộc về bố thí với tâm cung kính.

Nhưng: "*nếu thuộc về bố thí sự (danākamma), phải chăng là thí sự không có người nhận?*".

Vì có ý kiến cho rằng: chùa, tượng Phật không phải là thí vật, là biểu tượng của ân đức Tam Bảo (chùa, tự viện) hay là biểu tượng của ân đức Phật (tượng Phật).

Những biểu tượng của các ân đức lớn này không thể trở thành thí vật, không một ai có đủ năng lực thọ nhận những biểu tượng ân đức này. Do vậy, xây chùa, xây tháp, dâng tượng Phật không phải là bố thí.

¹ -A.i, 91. Phẩm bố thí,

Chúng ta thấy rằng:

Bố thí sự (dānakamma) có bốn ý nghĩa:

- *Trạng thái*: có trạng thái là dứt bỏ (cāga lakkhaṇa).
- *Phận sự*: loại trừ tham luyến (đối với vật thí) (sampatti rasa).
- *Thành tựu*: không dính mắc (vật thí) (virāga paccupatṭhāna).
- *Nhân cần thiết*: có vật thí (dānavatthupadaṭṭhāna).

Ứng dụng tứ ý nghĩa này vào vấn đề: "xây chùa, tháp, lập tượng phật", chúng ta thấy:

"Có trạng thái dứt bỏ", vì người xây chùa, tháp hay tôn tạo tượng Phật, đã lìa bỏ một số tiền lớn.

Về phận sự: người cho đã loại trừ sự luyến ái với vật cúng dường, từ bỏ quyền sở hữu những tài vật ấy.

Về thành tựu: người cho không có sự dính mắc với tài sản đã bỏ ra, không dính mắc đến chùa hay tượng phật (tức là không có ý nghĩ "chùa của ta, tượng Phật của ta").

Về nhân cần thiết: đã có tài sản cúng dường.

Tứ ý nghĩa của bố thí sự có đầy đủ, do đó, chúng ta kết luận: "*xây chùa, tôn tạo tượng phật là bố thí sự*".

Nhưng ai là người thọ nhận vật thí ?

Câu trả lời là: “chư thiên hay nhân loại đến viếng chùa hoặc đang trú trong chùa là người thọ nhận tự viện.

Bất kỳ chư thiên - nhân loại nào đến lễ bái kim thân phật là người thọ nhận kim thân Phật”.

Các Giáo thọ sư có giải:

“Người thọ dụng vật thí sẽ thọ dụng theo đặc tính hay công dụng của vật thí như: vật thực dùng để ăn, y phục để mặc, trú xứ (chùa) để ở, bảo tháp – kim thân Phật để lễ bái

Một minh họa sẽ rõ ràng hơn: một người cho đào giếng hoặc hồ nước để bố thí nước, mọi người đều có quyền đến lấy nước, đem về uống, giặt, rửa...

Người thí chủ bố thí nước, không thấy có người nhận (hồ, giếng) cụ thể, nhưng rõ ràng “vật thí đã có người nhận” và người cho không hề quan tâm đến đối tượng thọ lãnh vật. Như vậy, đào giếng hoặc hồ nước để bố thí nước là “bố thí có dứt bỏ”.

Rất hợp lý khi nói rằng: “xây chùa, tháp – tạo tượng Phật là “bố thí có dứt bỏ”, người nhận vật thí là chư thiên và nhân loại”.

2- Bổ thí pháp là giảng dạy *chánh pháp*.

Có một chư Tăng hoặc phật tử không có khả năng giảng dạy Phật pháp, nhưng muốn tạo phước trí, thường ăn tụng kinh sách Phật giáo, hoặc soạn dịch

kinh điển, Phật ngôn. Như vậy có được gọi là bổ thí pháp không ?

Tuy sự ấn tống kinh sách ấy không thật sự trực tiếp giảng dạy chánh pháp, nhưng lời dạy của Đức Phật nhờ đó được lan rộng trong đại chúng. Người có duyên lành khi đọc được những lời dạy của Đức Phật, hiểu biết Phật ngôn, tinh tấn hành pháp chứng đắc quả Níp-bàn, hay mang lại lợi ích hiện tại lẫn vị lai cho chính mình.

Đưa Phật dạy: “Ba vật mở trống ra được sự lợi ích và tốt đẹp là:

- Mặt trăng cần mở rộng (candamaṇḍalam).
- Mặt trời cần mở rộng (suriyamaṇḍalam)
- Pháp luật được Đấng Như Lai tuyên thuyết cần mở rộng (Tathāgatappavedito dhammavinaya) ¹.

Một đoạn kinh khác trong Tăng chi kinh, có ghi nhận:

Bàlamôn Saṅgārava đi đến hỏi pháp từ Đức Thế Tôn, Đức Phật giảng cho Bàlamôn Saṅgārava về ba loại thần thông là:

- Thần thông biến hóa (iddhipaṭihāriyam).
- Thần thông ký thuyết (ādesanāpāṭihāriyam).
- Thần thông giáo hóa (anūsasanipaṭihāriyam).

¹ -Đại trưởng lão Bửu Chơn – Kho tàng Pháp bảo.

"... Và thế nào, này Bàlamôn, là thần thông giáo hóa?".

"Ở đây này Bàlamôn, có người giáo giới như sau: "hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy. Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như vậy. Hãy từ bỏ cái này, hãy đạt đến cái này và an trú". Này Bà la môn, đây gọi là thần thông giáo hóa.

Này Bà la môn, có ba loại thần thông này."

Trong ba loại thần thông này, người có thể chấp nhận (khamati) loại thần thông nào là hy hữu hơn, thù diệu hơn.¹

Và Bà la môn Saṅgāra chấp nhận giáo giới thần thông là thù diệu hơn.

Do đó, người ấn tống, soạn dịch kinh điển... phổ biến Phật ngôn rộng rãi, sau đó có hành giả hành pháp chứng đắc Nípàn. Và người ấn tống... xem như gián tiếp cho "Bất tử", gián tiếp "giáo hóa thần thông", có thể được xem là bố thí pháp.

Các Giáo thọ sư có cho ví dụ như sau:

Như một người không có thuốc cho đến người bệnh, y trao cho người bệnh toa thuốc trị bệnh. Người bệnh theo toa thuốc tìm thuốc trị bệnh, sau đó người bệnh được khỏe mạnh. Người cho toa thuốc có thể gọi là "lương y".

¹ - A.i, 168. Phẩm các bà la môn.

Cũng vậy, tuy không có khả năng thuyết giảng, nhưng bổ thí kinh điển vẫn có khả năng giúp người khác đạt được trí pháp, xem như “bổ thí pháp”.

B- Về tài thí (vật chất thí)

Có hai loại vật chất dùng làm vật thí là:

1- *Vật ngoại thân* (bāhiradāna): là những gì không liên quan đến thân thể của người cho, như: Vương quốc, kho báu, tài sản, vợ, con...

2- *Vật nội thân* (ajjhattikadāna): là tứ chi, mắt, gan... hay toàn bộ thân thể.

C- Về người nhận.

Có hai loại là:

1- *Cá nhân thí* (puggalikadāna): là bố thí đến riêng một người.

2- *Tập thể thí* (saṅghadāna): Là bố thí đến một nhóm người.

Về đối tượng nhận thí vật là cá nhân, trong Trung bộ kinh III, bài kinh Cúng dường phân biệt (dakkhiṇavibhaṅgasutta), Đức Phật dạy: Có 14 đối tượng là cá nhân thí như sau:

1- Cho đến (dānaṃ deti) Đức Như Lai, bậc A la hán Chánh Đẳng giác,

2- Cho đến vị Độc giác Phật.

3- Cho đến bậc A la hán, đệ tử Như Lai.

- 4- Cho đến vị trên con đường chúng quả A la hán.
- 5- Cho đến vị chúng quả Bất Lai.
- 6- Cho đến vị trên con đường chúng quả Bất Lai.
- 7- Cho đến vị chúng quả Nhất Lai.
- 8- Cho đến vị trên đường chúng quả Nhất Lai.
- 9- Cho đến vị chúng quả Dự lưu.
- 10- Cho đến vị trên đường chúng quả Dự lưu.
- 11- Cho đến vị ngoại học (bāhiraka) đã ly tham trong các dục vọng.
- 12- Cho đến phạm phu gìn giữ giới luật.
- 13- Cho đến phạm phu ác giới.
- 14- Cho đến các loại bàng sanh.¹

Tập thể thí: Đối với sự cúng dường Tăng chúng (saṅghikadāna), có 7 bày cách như đã giải.

Trong kinh có đề cập đến bố thí (dāna) và cúng dường (dakkhiṇā) như:

"Tathāgate arahante Sammāsambuddhe dānaṃ deti; ayaṃ paṭhamā pāṭipuggalikā dakkhiṇā:

Bố thí các Đức Như Lai, bậc A la hán Chánh Đẳng giác, là cúng dường thứ nhất, phân theo hạng người."

¹ - M.iii, kinh Cúng dường phân biệt

Nên phân biệt hai từ *pūjā* và *dakkhiṇā* tuy cả hai đều có nghĩa “cúng dường”. Nhưng chữ *pūjā* hàm nghĩa “có sự tôn kính”, tức là “bố thí với tâm kính trọng”, thường áp dụng trong trường hợp người cho có phẩm cách thấp kém hơn người nhận, như: “cúng dường đến cha mẹ”, “cúng dường đến bậc trưởng thượng” (người cho có tuổi đời thấp hơn người nhận), “dâng lễ vật đến Đức vua”, “cúng dường đến bậc có giới hạnh”...

Còn *dakkhiṇā* ngoài ý nghĩa “cung kính” còn có nghĩa “tế độ”, tức là bố thí với tâm tế độ (*anuggahadāna*). Ý nghĩa này rất rõ với: “bố thí đến bàng sanh (thú vật)” như kinh văn ghi:

*"Tiracchānagate dānaṃ deti; ayam cuddasami
pāṭipuggalikā dakkhiṇā:*

*Bố thí các loại bàng sanh, là cúng dường thứ 14,
phân theo hạng người."*

Bố thí với tâm tế độ (*anuggahacittena dānaṃ*) thường dùng với ý nghĩa “người cho có phẩm cách cao hơn người nhận”.

Dựa vào ý nghĩa này, một số người giải thích:

- *Pūja dāna* là bố thí với tâm cung kính, như: cúng dường tài vật (*amisapūja*), cúng dường pháp (*dhammapūja*). Cúng dường Pháp là hành pháp của Đức Phật đã giáo truyền.

Tuy nhiên, có nhiều trường hợp chữ *pūja* (cúng dường) được dùng “cho cả cao lẫn thấp”, như câu chuyện “Tăng thí” đã giải ở trên, hay “vua Bình sa

vương (bậc Thánh Dự lưu) cúng dường am thất đến Ngài Girimānanda, trong khi vị này còn phàm”.¹

Hoặc trong Milindapañhā (Vua Milinda hỏi), vua Milinda hỏi :

“Vì sao Thánh cư sĩ đánh lễ tỳ khưu phàm?”. Đức Nāgasena (Na tiên) có giải thích:

-“Vì tỳ khưu hay sa di có 20 pháp hành của Sa môn (samaṇa karaniya dhamma), nên Thánh cư sĩ đánh lễ tỳ khưu phàm)².

Một mẫu chuyện minh họa khác, tóm lược như sau:

Một thời, gia chủ Citta đi đến rừng Andhabataka tại Macchikasanda, cung thỉnh các vị Trưởng lão đang trú ngụ nơi đó rằng:

- Bạch các Ngài, mong các Trưởng lão nhận lời mời dùng bữa cơm của con vào ngày mai.

Chư trưởng lão im lặng nhận lời.

Vào hôm sau, sau khi thọ dụng vật thực nơi nhà gia chủ Citta xong rồi, chư trưởng lão trở về rừng Andhabataka. Khi ấy, trời nóng rất gay gắt (kuthitam), thân các vị trưởng lão ướt đẫm nước (mồ hôi).

Tôn giả Mahaka là vị mới xuất gia giữa chúng tỳ khưu, sau khi được sự đồng ý của chư Trưởng lão, thực

¹ - Khp (Tiểu bộ Kinh), Theragāthā (kệ Trưởng lão Tăng) - phẩm năm kệ.

² - Milindapañhā –Đức Giới Nghiêm dịch, q,2 – phẩm II, câu thứ 7 : Sṭṭha dhamma.

hành thần thông khiến cho gió mát nổi lên, cơn giông nổi lên và trời có mưa nhẹ.

Khi về đến nơi trú ngụ, Tôn giả Mahaka bạch rằng:

- Bạch chư trưởng lão, như vậy là vừa rồi.

- Như vậy là vừa rồi, này hiền giả Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, này hiền giả Mahaka. *Cúng dường như vậy* (pūjātaṃ ettavatā) là vừa rồi, này hiền giả Mahaka...¹

Ở nhiều đoạn kinh, chữ dakkhiṇā được dùng như chữ anuggaha (tế độ), như vị Thánh thọ dụng vật thực “để tế độ” người hữu duyên (ở đây vị trí người nhận cao hơn người cho) ...

Nhưng chữ *dhammānuggaha* (pháp tế độ) được dùng với ý nghĩa “giáo pháp thánh thiện cao tột của Đức Phật”.

Nên ghi nhận: sự phân định giữa “bố thí cúng dường” với “bố thí tế độ” chỉ tương đối thôi.

Cũng có thể hiểu “bố thí cúng dường đến súc sanh” ám chỉ những linh vật trong những tế đàn của giáo hệ Bàlamôn.

Những điểm đặc biệt trong kinh Cúng dường phân biệt.

¹ - S. iv, 238

1- Cá nhân thí.

a- Về *dakkhiṇa* (cúng dường).

- Những người cúng dường đến Đức Phật Chánh giác, Phật Độc giác hay bậc Thánh A la hán, sự cúng dường này xuất phát từ niềm tin.

Các bậc Thánh hữu học, cho dù là vị Thánh Anahàm như trưởng giả Citta, trưởng giả Visākha, bà Nandamātā (mẹ của Nanda)... cũng không thể biết rõ: “Đây là bậc Chánh giác, bậc Độc giác hay bậc A la hán”.

Trưởng giả Visākha đã chứng đắc Anahàm, tuy không biết bà Dhammadinnā là bậc Thánh A la hán, nhưng khi đến chỗ ngụ của bà Dhammadinnā thì:

*"Nam cư sĩ Visākha đến chỗ Tỳ khưu ni Dhammadinnā ở, sau khi đến đánh lễ Tỳ khưu ni Dhammadinnā rồi, ngồi xuống một bên (Visākha upāsako yena Dhammadinnā bhikkhuni ten ' upasaṅkami upasaṅkamitaṃ nisīti)."*¹

Khi cúng dường đến các bậc Chánh giác, các vị Thánh hữu học ấy với niềm tin bất động rằng “Đây là bậc Chánh giác”, xuất phát từ niềm tin ấy nên pháp cung kính sanh khởi, tương tự như thế đối với đối tượng thọ thí là bậc A la hán.

Phàm nhân trong Phật giáo cũng có mô thức tương tự, chỉ khác là “niềm tin phàm nhân không vững chắc như bậc Thánh hữu học”. Trong trường hợp này, chữ *dakkhiṇā* dùng theo nghĩa “cung kính”.

¹ -M.i, Kinh tiểu Hữu Minh (Cūlavedallasutta).

Còn người ngoài Phật giáo, khi bố thí đến các bậc ấy, đa phần xuất phát từ tâm tế độ, xuất phát từ sự giúp đỡ người khác, nên *dakkhiṇā* trong trường hợp này nên hiểu theo nghĩa "tế độ".

- Đối tượng đem cho là những linh vật như rồng (nāga)... người Ấn cổ rất sùng bái những linh vật này, thường có những tế đàn cúng dường đến linh vật, trường hợp này chữ *dakkhiṇā* mang ý nghĩa *cung kính*, còn với những loại bồng sanh khác thì mang ý nghĩa *tế độ*.

b- Về đối tượng cá nhân tuyến thí.

Trong 14 đối tượng nhận vật thí, kinh văn ghi nhận:

"Vị trên đường chứng quả Alahán (arahattaphalāsacchikiriyāya paṭipanne) (chữ *sacchikiriyā* là *làm cho thấu rõ*).

Và : "Vị chứng quả Bất lai (anāgāmissa)". Có gì khác nhau giữa hai bậc ấy chăng?

Hai bậc ấy đều là bậc Anahà, nhưng có sự khác nhau là bậc A na hàm đang cố gắng hành pháp để chứng đạt Alahán gọi là "vị trên đường chứng quả Alahán, còn vị Thánh A na hàm chưa có ước vọng chứng quả Alahán, như trường hợp Ngài Anuruddha, sau khi nghe Đức Sāriputta nhắc nhở là còn ngã mạn, còn trạo cử, còn hối quá và:

"Lành thay, nếu tôn giả Anuruddha đoạn trừ ba pháp này, không chú ý đến ba pháp này, hãy chú tâm vào giới bất tử (*amatāya dhātuyā upasamharatu*)¹.

Ngài Anuruddha sau một thời gian "sống tinh cần, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà một thiên gia nam tử chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình (ám chỉ quả vị Alahán)" (sđd).

Như vậy, trước khi được Đức Xá lợi phất nhắc nhở, Ngài Anuruddha là bậc Anahàm. Sau khi được nhắc nhở, Ngài cố gắng hành đạo để chứng đạt quả vị Alahán, giai đoạn này gọi là "vị trên đường chứng quả Alahán".

Một ý nghĩa khác: "Bậc Thánh Anahàm có hai phẩm mạo: xuất gia và tại gia".

"Vị trên đường chứng quả Alahán" ám chỉ bậc Thánh Anahàm xuất gia, còn "bậc Thánh Anahàm" ám chỉ bậc Thánh Anahàm tại gia, như gia chủ Citta, gia chủ Ugga...

Bậc Thánh Alahán chỉ có một phẩm mạo xuất gia, nếu người cư sĩ chứng đắc quả Alahán như tể tướng Santati, bà hoàng hậu Khemā... thì: "*Phải xuất gia hoặc phải viên tịch trong ngày*"².

¹ - A.i, 281.

² - Theo Milindapañhā (Mi -Tiên vấn đáp). Câu Gīri arahatta (cư sĩ A la hán - q3 - phẩm vi - câu thứ ba)- Đức Giới Nghiêm dịch Một số tài liệu khác thì nói là *trong vòng 7 ngày*.

Ngài Nāgasena có giải thích “vì phẩm mạo cư sĩ không dung chứa nổi quả vị Alahán” (sđd).

Phẩm mạo tại gia ví như thuyền nhỏ, phẩm vị Alahán ví như tảng đá rất lớn, thuyền nhỏ khi chứa tảng đá (quá) lớn tất phải bị chìm. Còn phẩm mạo xuất gia ví như thuyền lớn, có thể tải được tảng đá lớn nên vẫn nổi trên mặt nước.

Các bậc Thánh hữu học : “trên đường chứng quả Anahàm, trên đường chứng quả Tưđàhàm” cũng lý giải tương tự.

c- Về đối tượng là "các vị trên đường chứng quả Dự lưu".

Vị trên đường chứng quả Dự lưu là ám chỉ vị đang tinh tấn hành pháp quán (vipassanā dhamma).

Trong bản Sở giải ghi nhận: đối tượng này bao gồm cả hai bậc: Xuất gia và tại gia.

Chữ sacchikiriya (trong bản kinh Cúng dường phân biệt), theo nguyên nghĩa là “tự mình đã thấy, tự mình đã kinh nghiệm như vậy”, ám chỉ vị ấy đã thấy được sự “sanh diệt của danh sắc”.

Do vậy, khi cúng dường đến cư sĩ đang hành thiền quán vượt qua tuệ sinh diệt (udayabbayañā), xem như bố thí cúng dường đến vị trên đường chứng quả Dự lưu.

Và điều này đã được Đức Phật phân biệt rõ với phàm nhân (cả tại gia lẫn xuất gia) đang gìn giữ giới luật.

c- Về đối tượng là vị ngoại học (bāhiraka).

Tập số giải thích: “Là vị thành tựu được năm thắng trí phàm là: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc mạng thông, tha tâm thông và thần túc thông”.

e- Về đối tượng thọ thí là phàm nhân ác giới.

Có ý kiến cho rằng: “Không nên cúng dường đến các tỳ khưu ác giới (dussīla), có hạnh kiểm xấu, sự cúng dường ấy như bón phân cho loại cây độc hại, vì vị tỳ khưu ác giới là nhân tố góp phần làm hoại Giáo pháp của Đức Phật”. Ý kiến này xét ra quá khe khắc.

Nên ghi nhận rằng: Trong 14 đối tượng cúng dường cá nhân ở trên, Đức Phật không đề cập đến tỳ khưu hoại giới, ác giới.

Vì rằng “vị ấy chỉ có lỗi với Pháp luật của Đức Phật”, không có lỗi với người bố thí hay cư sĩ, vị ấy tự tạo ác nghiệp cho chính mình, ác nghiệp ấy không ảnh hưởng gì đến cư sĩ.

Tuy làm hoại phẩm hạnh của bậc xuất gia, nhưng tối thiểu vị ấy cũng còn nương nhờ Tam bảo.

Mặt khác, so sánh hai hạng ác giới: tỳ khưu ác giới và cư sĩ ác giới, Ngài Nāgasena có giải thích: “bố thí đến tỳ khưu hoại, ác giới vẫn tốt hơn bố thí đến cư sĩ ác giới. Vì rằng: Sa môn phá giới còn có 10 đặc tính:

- 1- Sa môn phá giới cung kính Phật (buddho saṅgāro).

- 2- Sa môn phá giới cung kính Pháp(dhammo sagāro).
- 3- Sa môn phá giới cung kính Tăng (saṅgha sāro).
- 4- Sa môn phá giới ấy cung kính bậc có phạm hạnh (sabrāmacārisu sagāro).
- 5- Sa môn phá giới còn có thể dạy được Pāli và chú giải (đến cư sĩ) (uddesaparipucchāya vāyamati).
- 6- Sa môn phá giới ấy được nghe pháp nhiều (savanabāhulo).
- 7- Sa môn phá giới tỏ ra (là người có giới hạnh) khi đi đến các cư sĩ (bhinnasīlopi).
- 8- Sa môn phá giới ấy, quyết giữ tâm lãnh đạo (pāhānābhimukhaṃ).
- 9- Sa môn phá giới ấy là người nâng đỡ phẩm mao Sa môn (samaññaṃ upagato).
- 10-Sa môn phá giới, hằng làm ở nơi khuất lấp, giống như nữ nhân ngoại tình thường che dấu (pāpaṃ paticchanaṃ) sở hành.

Ngoài ra, sa môn phá giới còn có 10 nguyên nhân làm cho quả bố thí của thí chủ đến vị ấy tốt hơn khi bố thí đến cư sĩ phá giới là:

- 1- Do có phẩm mao sa môn.
- 2- Do nâng đỡ phẩm mao sa môn.

- 3- Do còn sự hiểu biết đúng về chánh pháp.
- 4- Do còn Tam quy (tisarāṇa).
- 5- Do không chấp giữ trú xứ (anikettavāsi).
- 6- Do còn hành trì theo Giáo pháp của Đức Phật.
- 7- Do còn thuyết giảng pháp cao thượng của Đức Phật.
- 8- Do còn nương nhờ vào Giáo pháp của Đức Phật.
- 9- Do còn tôn kính Đức Phật là bậc cao quý nhất (aggo buddho).
- 10-Do còn phục vụ Tam bảo như: quét chùa, quét nơi làm lễ phát lồ (uposatha), quét Sīmā ...¹

Khi cúng dường đến vị tỳ khưu ác giới không, người cư sĩ có đáng trách không?

Điều cần xét đến là: "*Tác ý (cetanā) của người cho*".

- Nếu người cho *tán thành* sở hành ác giới của người thọ thí (là tỳ khưu ác giới), cho với chủ ý ủng hộ, khích lệ những pháp hành phi đạo đức của vị ấy. Bấy giờ sự bố thí này được ví như "*bón phân cho cây độc hại*".

Kinh điển ghi nhận: "*Có bốn cách tạo nghiệp:*

- *Tự mình làm.*

¹ - Milindapañhā – Đức Giới Nghiêm dịch, q.3 - phẩm 7, câu số 4.

- *Bảo kẻ khác làm.*
- *Tán thán (đồng tình hay khen ngợi) việc làm ấy.*
- *Vui thích với việc làm ấy”.*

Người tán thán ác hành (duccarita) của tỳ khưu ác giới cũng sẽ thọ lãnh ác quả tương tự như thế.

- Nếu người cho *chỉ làm với tâm tế độ*, như một sự từ thiện giúp đỡ đến sự sinh tồn của một chúng sanh và xem bố thí là một truyền thống tốt đẹp của bậc trí (sappurisa).

Như trường hợp Đức Phật dạy gia chủ Upāli:

*Dīgharattam kho te gahapati nigaṇṭhānaṃ
opānabhūtaṃ kulam, yena nesam upagātānaṃ
piṇḍakaṃ dātabbam mañneyyāsīti.*

*"Này gia chủ, đã từ lâu gia đình của người như là
giếng nước mưa nguồn cho các người Nigaṇṭha. Hãy
cho các món ăn tốt, hãy tế độ những ai nghĩ tưởng đến
người”¹.*

Lời dạy này cũng được tìm thấy đối với Tướng quân Sīha, trước đó là đệ tử của Nigaṇṭha Nātaputta² và thí sự với tâm tế độ là việc làm tốt đẹp, không có khuynh hướng cổ vũ cho những pháp hành ác xấu. Thí sự như vậy nên thực hiện.

Đức Phật có dạy rằng:

¹ - M.ii, Upāli sutta (Kinh Upāli).

² -A.iv, 179.

"Này Ānanda, trong tương lai sẽ có những tỳ khưu chuyển tánh (gotrabhuno) với áo cà sa vàng xung quanh cổ (kāśāvakaṇṭhā), theo ác giới, ác pháp và cuộc bố thí đối với chúng tăng theo ác giới.

Nhưng này, Ānanda, Ta nói rằng cúng dường cho chúng Tăng là vô số, vô lượng, này Ānanda, Ta không nói rằng, bất cứ phương tiện gì, một sự bố thí cá nhân lại có kết quả lớn hơn đối với cúng dường Tăng chúng^d.

Lời dạy này cho thấy "cúng dường đến hội chúng tăng ác giới, vẫn có phước báu lớn so với cúng dường cá nhân trong sạch".

Chữ gotrabhuno = gotrabhū, gotrabhū là "cắt đứt dòng giống cũ (gotta)", nghĩa là không phải những vị tỳ khưu thật sự, chỉ còn những tỳ khưu giả danh, có sở hành ác giới.

Đến thời hoại pháp thì những vị này "chứng tỏ mình là bậc xuất gia" bằng dấu hiệu (nimitta): "quấn mảnh vải vàng quanh cổ", trong khi có đời sống sinh hoạt như người tại gia.

Lại có quan niệm rằng: "Người thọ thí có hay không có giới hạnh, không liên quan gì đến người cho. Do đó, không cần phải biết đối tượng thọ nhận là tốt, hay xấu, người cho chỉ cần tưởng niệm rằng "đây là bậc Thánh Alahán" thì sự bố thí ấy vô tội và có kết quả sung mãn như khi bố thí đến vị Thánh Alahán".

Quan điểm này xét ra không đứng vững, vì rằng trong kinh Cúng dường phân biệt, Đức Phật có dạy:

¹ - M.iii, kinh Cúng dường phân biệt (dakkhiṇāvibhaṅgasutta).

- "Này Ānanda, sau khi bố thí cho các loại bàng sanh, cúng dường như vậy có hy vọng đem lại 100 phần công đức (satagaṇa).

Sau khi bố thí cho phàm phu ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức.

Sau khi bố thí cho các phàm phu gìn giữ giới luật, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức...."

Những người có quan điểm trên sẽ giải thích ra sao: "khi bố thí cúng dường đến các đệ tử ngoại đạo hay những giáo chủ ngoại đạo, tâm lại nghĩ rằng: "Đây là vị Thánh Alahán". Sự tưởng niệm ấy đúng hay sai ?

Loại tưởng niệm hay niềm tin như thế là "tà quyết định (micchā- adhimokkha), là tà tín (micchā saddhā) vì họ biết rõ "người thọ thí không phải là bậc Thánh Alahán". Họ đã bị tà kiến bao phủ.

Các vị Bồ tát khi thực hiện thí sự với đối tượng thọ thí như vậy, trong tâm các Ngài chỉ khởi lên lòng bi mẫn "tế độ bất kỳ ai (người hay thú) đến yêu cầu". Nói cách khác, các Ngài "bố thí với tâm bi mẫn".

Và như vậy, phàm phu ác giới ở đây có ba loại:

- Tỳ khuru phàm ác giới, cư sĩ ác giới trong Phật giáo và cư sĩ ác giới ngoài Phật giáo .

Xét về khía cạnh ác giới (dussīla) thì: cư sĩ ác giới trong Phật giáo vẫn hơn cư sĩ ngoài Phật giáo, vì có được tam quy đồng thời có sự hiểu biết đúng (sammā ditṭhi). Đức Phật có dạy: "Đệ tử Như lai dù có để đuôi

vẫn hơn ngoại đạo tinh tấn”, chính tri kiến đúng sẽ dẫn đến sự thoát ra luân hồi.

2- Tăng thí.

Bày cách Tăng thí được nêu lên trong bài kinh là dành chung cho tại gia và xuất gia.

Trong tạng Luật, có bốn loại Tăng thí dành riêng cho chư tỳ khưu để phân chia lễ vật của gia chủ cúng dường đến Tăng, đó là:

- *Hiện diện Tăng (sammukhībhūta saṅghikā).*

Là chư Tăng có mặt tại hiện trường. Trong cuộc lễ thí nào đó như lễ trai tăng chẳng hạn, tuy gia chủ có tác bạch “cúng dường đến chư Đại đức Tăng”, nhưng chỉ những vị sư hiện diện thọ dụng.

- *Tự viện Tăng (ārāmattha saṅghikā).*

Là vật thí được phân phát cho chư tăng trong khu vực Tịnh xá. Như trường hợp lễ dâng y Kāṭhina chẳng hạn, những chiếc y được thí chủ cúng dường, tuy có tác bạch “cúng dường đến chư Tăng”, nhưng những vị sư không an cư mùa mưa tại tự viện ấy, không được thọ lãnh y. Chỉ những vị sư an trú mùa mưa tại tự viện ấy (dù khi ấy không có mặt như bị bệnh chẳng hạn, có gửi lời tùy hỷ (anumodāna) phước) mới được hưởng.

- *Khách Tăng.*

Là chư Tăng được mời đến tham dự, lễ phẩm ấy được chia đều.

Giữa khách Tăng và *hiện diện Tăng* giống nhau, nhưng hiện diện Tăng bao gồm: thường trú Tăng và khách Tăng.

- *Tứ phương Tăng*.

Là vật thí dành cho Tăng tứ phương như giường ngủ, liêu cốc... Bất kỳ vị sư nào đến cũng có thể thọ dụng.

C- Theo hôn hợp.

Bố thí có hai chi còn bao gồm nhiều cách như:

1- Bố thí (vật) dư thừa (ucchiṭṭha dāna) và bố thí (vật) không dư thừa (anucchiṭṭha dāna).

Ở đây cần phân biệt “vật dư thừa” mang ý nghĩa là “vật đáng quăng bỏ”, tức là nói lên giá trị của vật thí đối với người cho.

Trong lúc đang thọ dụng vật thực có người đến xin, trích ra một số vật thực đang dùng đem cho, bố thí như vậy không gọi là “cho vật dư thừa” mà là anucchiṭṭha dāna (bố thí vật không dư thừa).

Đồng thời sự cho này là tối thượng thí (aggadāna), vì loại vật thí ấy là vật cần thiết cho người đang thọ dụng, bao giờ người ấy dùng bữa ăn xong, đem cho những loại vật thực còn lại, tuy chúng chưa dùng đến (trên bàn ăn), gọi là bố thí vật dư thừa.

Một người có hai chiếc y, đang mặc chiếc y có giá trị, một chiếc không có giá trị thì chưa dùng đến. Có người đến xin y, cho chiếc y đang mặc có giá trị là bố thí không dư thừa, cho chiếc y không có giá trị chưa dùng, gọi là bố thí vật dư thừa.

Một người chỉ có một vật dụng duy nhất, tuy có giá trị chẳng là bao, nhưng với người ấy là cần thiết, cho vật cần thiết như thế là tối thượng thí. Như ông

Bàlamôn Cūḷekasātaka cúng dường đến Đức phật chiếc áo choàng duy nhất của gia đình, gọi là tối thượng thí¹.
Lược tích như sau:

Có vợ chồng Bàlamôn chỉ có một chiếc áo choàng để mặc khi đi dự lễ, khi người chồng mặc thì người vợ phải ở nhà và ngược lại, nên ông có tên là Ekasātaka (người chỉ có một áo choàng).

Một hôm, ông Ekasātaka theo chư phật tử đi nghe Đức Phật giảng pháp vào ngày Uposatha. Tâm ông vô cùng thỏa thích với pháp thoại của Đức Phật, phát tâm muốn cúng dường cái áo choàng duy nhất đến Đức Phật, nhưng lại bị tâm ái luyến chế ngự. Suốt đêm ông chiến đấu với tâm bòn xén, vào cuối đêm đã chiến thắng được tâm bòn xén, cúng dường chiếc áo đến Đức Phật. Ông reo lớn rằng : “Ta đã thắng, ta đã thắng”. Câu chuyện đến tai vua Pasenadi (Bạtưnặc), ban thưởng cho ông làm chủ những vật dụng mỗi thứ bốn loại như: được thu thuế bốn ngôi làng, có được 4 tòa lâu đài, bốn voi, bốn ngựa, bốn tô nam, bốn tớ gái ... Đức Phật dạy:

- Canh đầu ông cúng dường thì mỗi thứ sẽ là 16, canh giữa ông cúng dường thì mỗi thứ là tám, vào canh cuối mới cúng dường nên mỗi thứ chỉ còn có bốn.

Tiếp đến Ngài dạy kệ ngôn:

“Abhittharetha kalyāne.

Pāpā cittaṃ nivāraye.

¹ - Dhpa, kệ ngôn số 116.

Dantham hi karoto puññam.

Pāpasmim ramati mano.

Hãy gấp làm điều lành.

Ngăn tâm làm điều ác.

Ai chậm làm việc lành.

Ý ưa thích việc ác”¹.

2- Bố thí (vật chính) (aparivāra dāna) và bố thí có phụ tùng (saparivāra dāna).

Bố thí chỉ có vật chính, không có đính kèm những vật phụ thuộc, như bố thí y không có kim, chỉ ...đính kèm, hay khi bố thí cơm nhưng không có vật thực khác đi kèm, gọi là *aparivāra dāna*.

Bố thí ngoài vật chính còn có những vật khác đính kèm theo, gọi là *saparivāra dāna*.

Theo Sớ giải kinh Tướng (Nimittasutta), những đặc tướng phụ (80 tướng phụ) trên thân Bồ tát, hay Ngài có đồng tùy tùng theo hầu là kết quả từ *bố thí có kèm phụ tùng*.

3- Bố thí hữu lậu (vattanissita dāna) và vô lậu thí (vivattanissita dāna).

¹ - Dhp – câu 116 – Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.

Bố thí có sự mong cầu thụ hưởng những lạc thú thế gian, gọi là hữu lậu thí.

Loại bố thí này còn gọi là “nô lệ thí”, vì tâm người cho đang làm nô lệ cho dục lạc thế gian, nói cách khác: “người ấy đang bị ái dục sai khiến”.

Bố thí với tâm nguyện đạt được đạo, quả Níp bàn, là vô lậu thí, hay bố thí không bị trói buộc (bhujissa dāna).

Chúng sanh luân hồi là do vô minh và ái dục tạo ra nghiệp trói buộc (upādāna kamma), Đạo - quả, Níp bàn có khuynh hướng diệt nghiệp ấy, nên bố thí với ước nguyện chứng đắc Níp bàn là vô lậu thí.

4- *Bố thí (vật thí) không trong sạch (sāvajja dāna) và bố thí (vật thí) trong sạch (anavajja dāna).*

Hai cách bố thí này còn có tên gọi là: bố thí hợp pháp (dhammiya dāna) và bố thí phi pháp (adhammiya dāna).

Chữ savajja nghĩa là “đang quở trách”. Ở đây, vật thí không trong sạch là nói đến vật thí phát sanh không đúng pháp, như giết con vật rồi đem cúng dường, hoặc vật thí này phát sanh từ nghề nghiệp có tội, như đánh bắt cá rồi dùng số tiền này mua sắm vật cúng dường.

Có một số người có tài sản từ nghề đánh cá hay buôn bán rươi.... Sau khi nghe pháp, họ quyết định¹: “Ta sẽ bỏ nghề bất chánh này, sẽ sống bằng nghề lương thiện”.

Nhưng khi làm những nghề khác thì tài sản của họ bị suy giảm, họ lại quay về nghề cũ thì tài sản lại tăng vượng, đây là do trong quá khứ những người này đã “bố thí vật thí không trong sạch”, trong hiện tại phải do duyên “không trong sạch” ấy khởi lên, quả bố thí trước mới sanh khởi, nếu như không có duyên “không trong sạch” ấy khởi lên, quả bố thí trước đó (tức là tài sản) không hiện khởi.

Điều này giải thích: vì sao một số người hành nghề không lương thiện lại giàu.

Câu chuyện Ngài Pūtigatta Tissa (Ngài Tissa có thân hôi thối) minh họa cho bố thí không trong sạch này. Tóm lược như sau:

Trong quá khứ Ngài Pūtigatta là người sinh sống bằng nghề bẫy chim. Khi chim có nhiều, bán không hết ông liền bẻ gãy cánh chim, chân chim để chúng không thể bay hay đi được.

Một lần nọ, vào buổi ăn trưa ông nướng chim lên để ăn, một vị Độc giác Phật ngự đến khất thực, ông hoan hỷ cúng dường phần ăn trưa ấy, rồi nguyện rằng: “Xin cho con chúng được an lạc pháp mà Ngài đã chứng”, Đức Độc Giác chúc phúc: “icchitam paṭṭhitam tuyham samijjhatu...: Ước nguyện của người hãy thành sự thật đi...”

¹ - DhpA, kệ ngôn số 41.

Đến thời Đức Phật hiện tại, vị ấy xuất gia trong Giáo pháp này, khi nghiệp bẻ gãy cánh, chân chim sanh khởi, vị Trưởng lão này phát sanh chứng bệnh ghẻ khắp châu thân, đồng thời không thể cử động được, mình mẩy bị mủ máu làm cho hôi thối, nên Ngài có tên là Pūtigatta Tissa.

Vào một buổi sáng, hình ảnh Ngài Tissa lọt vào võng trí của Đức Như lai, sáng hôm đó Ngài cùng với Đức Ānanda ngự đến nơi ngụ của Pūtigatta Tissa, tự tay Ngài tắm rửa cho vị ấy, còn Đức Ānanda giặt chiếc y dính đầy mủ màu của vị ấy. Sau khi được Đức Thế Tôn tắm rửa đắp lên người chiếc y sạch, Ngài Pūtigatta Tissa cảm thấy thân an lạc, tâm phát sanh niềm tịnh tín vô biên.

Thế rồi, Đức Thế Tôn giảng pháp thoại về tắm thân ô trược đến Trưởng lão Tissa.

Kết thúc bài pháp, Đấng Như lai nói lên kệ ngôn:

“Aciraṃ vaṭ’ayaṃ kāyo.

Paṭhaviṃ adhisessati.

Chuddho apeta viññāṇo

Nirattham’va kaḷingaraṃ.

Không bao lâu thân này,

Sẽ nằm dài trên đất,

Bị vất bỏ, vô thức,

Như khúc cây vô dụng¹

Nghe dứt kệ ngôn, ngài Pūtigatta chứng quả Vô lậu và viên tịch trong ngày hôm ấy.

Sự cúng dường của người thợ bẫy chim là bố thí vật thí không trong sạch, nhưng ước nguyện của vị ấy là “vô lậu thí” và khi quả ác nghiệp bẻ gãy chân, cánh chim trở cũng là duyên khiến quả “vô lậu thí” khởi sanh.

Bố thí những tài sản phát sanh từ nghề nghiệp lương thiện, hay không sát sanh để làm thành những loại vật thực cúng dường. Đó là bố thí vật thí trong sạch.

5-Bố thí có nắm giữ (parāmatṭha dāna) và bố thí không nắm giữ (aparāmatṭha dāna).

Chữ *parāmatṭha* nghĩa là dính líu đến. Theo Abhidhamma (Atỳđàm), *parāmatṭha* chỉ cho mạn (māna), ái (tañhā) và kiến(ditṭhi).

Bố thí vì danh dự dòng dõi, hoặc để khoa trương hay để được khen ngợi... là bố thí dính líu đến mạn.

Bố thí mong cầu những lạc thú thế gian, là bố thí dính líu đến ái. Bố thí để sanh về cõi trời vì cho rằng cõi trời an lạc thường hằng, là bố thí dính líu đến tà kiến.

Những cách bố thí như trên, gọi là *bố thí có dính mắc*. Ngược lại bố thí chỉ mong chứng Nípàn là *bố thí không dính mắc* hay vô lậu bố thí (vivattanissata dāna).

¹ - Dhp, câu 41. Hòa thượng Thích minh Châu dịch.

Nhiều việc thiện có thể được thực hiện ngoài Phật giáo hay trong thời không có Phật pháp, nhưng phần lớn đều là “bố thí có dính mắc”, chỉ trong thời có Giáo pháp của Đức Phật mới có bố thí không dính mắc.

6- Hợp trí thí (*ñāṇasampayutta dāna*) và ly trí thí (*ñāṇavippayutta dāna*).

Bố thí hiểu được nguyên nhân cùng kết quả của hành động thiện này, gọi là *hợp trí thí*. Một số phật tử khi thực hành bố thí có thể hiểu kết quả của thiện sự này một cách chung chung như: “bố thí thí phát sanh tài sản”, nhưng cụ thể là loại tài sản nào? họ không trả lời được. Một số khác thì có sự hiểu biết hơn, trả lời rằng: “Cho ăn là cho lực, nên kết quả là có sức mạnh. Cho mặc là cho sắc, nên có quả là sắc đẹp ...”. Nhưng phần lớn không quan tâm đến nhân phát sanh “việc bố thí này”, tức là không biết “động lực nào khiến người ấy bố thí?”, họ chỉ hiểu chung chung: “bố thí là làm phước thể thôi”.

Những người khi thực hiện bố thí mà không hiểu biết nhân quả, gọi là bố thí ly trí, như có một số người làm theo sự bố thí của người khác.

Không hiểu biết nhân, hiểu được kết quả là “hợp trí khiếm khuyết”.

Hiểu được nhân cùng với quả ở trên (cho ăn được lực, cho mặc được sắc..) tuy trí có cao hơn, nhưng vẫn còn khiếm khuyết.

Các Giáo thọ sư dạy rằng:

Tác ý trước khi cho, người cho phải nhận thức được "do động lực nào khởi sanh tác ý này: do lòng từ bi, do có đức tin, do sự cung kính...". Đó là hiểu về nhân phát sanh tác ý bố thí trước khi cho.

Về kết quả sẽ tương ứng với thí vật như: *cho ăn là cho lực*, sẽ được lực, nhưng sức mạnh của thân thể không liên quan gì đến Đạo - quả, Nípàn mà người có trí đang tầm cầu cả, *lực (bakla)* ở đây là 5 lực: tín, tấn, niệm, định và trí lực.

Cho mặc là cho sắc, sẽ có sắc đẹp (vaṇṇa), sắc đẹp ở đây là, bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỷ xả).

Cho xe là cho lạc, sẽ có được an lạc là kết quả, lạc (sukha) ở đây chỉ cho lạc bốn thiên chứng: Sơ thiên, nhị thiên, tam thiên và tứ thiên, nhất là Nípàn lạc tối thắng.

"Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ: Níp bàn lạc tối thượng".¹

Cho đèn là cho mắt, sẽ có mắt tốt. Ở đây chỉ cho thiên nhãn, tuệ nhãn (paññā cakkhu), pháp nhãn (dhamma cakkhu) và Phật nhãn (buddha cakkhu)....

Lại nữa, người bố thí với tâm cung kính đến những đối tượng trong sạch, sẽ làm tăng trưởng bốn pháp là "sống lâu (āyu), sắc đẹp (vaṇṇa), an lạc (sukha), sức mạnh (bala)". Như kệ ngôn:

Abhivādanasīlissa

Niccaṃ vaddhāpacāyino

¹ -Dhp, kệ ngôn số 203.

Cattāro dhammā vaḍḍhanti

Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ

"Với ai quen một lòng kính nể và tôn trọng các bậc trưởng thượng, bốn phước báu sẽ tăng trưởng: tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc và sức mạnh".¹

Tuổi thọ (āyu) ở đây chỉ cho bốn pháp như ý (catuttha idhipāda).

Như vậy, trước khi cho biết được nhân quả, trong khi cho sẽ tác ý đến những pháp thượng nhân liên quan tương ứng với vật thí.

Còn sau khi cho thì như thế nào?

Bất cứ một thiện nghiệp nào, sau khi hoàn thành đều phải đi kèm với trí quán (vipassanā ñāṇa), cũng vậy thí sự sau khi hoàn thành, cần quán xét rằng "người cho là vô thường, vật thí là vô thường, người nhận cũng vô thường vì đã thay đổi", quán xét như vậy để phá vỡ *liên tục tưởng* (santatisañña) và *khối tưởng* (ghaṇasañña), người cho lẫn người nhận không còn như trước khi cho, trong khi cho mà đã thay đổi trở thành khác.

Hoặc quán xét theo lý vô ngã: "Người cho là vô ngã, người nhận không là tha ngã, vật thí không là "của ta"..."

Bồ tát Sumedha (Thiện Huệ), sau khi cúng dường thân đến Đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng) với chư Tăng, được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký. Bồ tát ngồi

¹- Dhp, câu 109 (Đại trưởng lão Narāda - Ông Phạm Kim Khánh dịch)

quán tưởng để tìm những pháp hành dẫn đến giải thoát, tức là 10 pháp Balamật.¹

Cách thực hiện thí sự như thế, gọi là thí sự hợp trí hoàn hảo.

7- Trực tiếp thí (*sāhatthaka dāna*) và gián tiếp thí (*ahatthaka dāna*).

Chữ hattha nghĩa là “cánh tay”, cho với cánh tay là trực tiếp thí, sai bảo hay nhờ người khác làm, gọi là gián tiếp thí.

¹ - Buddhavaṃsa (Chánh giác tông)

8- Bố thí chu đáo (*sakkacca dāna*) và bố thí không chu đáo (*asakkacca dāna*).

Thí sự được chuẩn bị tốt đẹp, gọi là bố thí chu đáo, như trường hợp lễ dâng y, người thí chủ chuẩn bị cho cuộc lễ cúng dường y đến chư Tăng là bố thí chu đáo, còn như khi gặp một vị sa môn đang đi khát thực, hoan hỷ cùng dường vật thực tìm thấy gần đó, là bố thí không chu đáo. Một ví dụ khác như sau:

Một người sau khi hái hoa về, anh kết thành tràng hoa, trang trí xinh đẹp tràng hoa rồi mang đến cúng dường bảo tháp, đó là bố thí chu đáo. Một người muốn cúng dường hoa đến tháp thờ Xá lợi, anh đi tìm hoa có được hoa mang đến cúng dường ngay, đó là bố thí không chu đáo.

Hoặc là, trong một cuộc lễ, người thí chủ không hoan hỷ nên làm “qua quít cho xong”, gọi là bố thí không chu đáo.

Trong thời Đức Phật Kassapa, có cuộc tranh cúng dường “không cúng dường (vật thí) nào sánh bằng” giữa Đức vua và dân thành Banduvatī. Sau sáu lần bất phân thắng bại.

Lần thứ 7, dân chúng thảo luận: “Lần này thí sự của chúng ta sẽ không được thiếu món chi cả”.

Vào lúc sắp cung thỉnh Đức Phật Kassapa (Ca Diếp) cùng với 68 ngàn vị Tỳ khưu đến thọ thực, kiểm tra lại lần cuối, họ thấy rằng còn thiếu món mật ong tươi và người chủ trì cuộc lễ đã cử 4 người, mỗi người mang ngàn đồng vàng đi ra bốn cửa thành để tìm mật ong.

Một người nông dân có mang tổ mật đi đến, sau khi nghe rõ đã cúng dường tổ mật ong của mình đến cuộc đại thí. người nông dân đó là tiền thân Ngài Sivāli.¹ Đây là bố thí chu đáo.

Pāyāsi là người đứng đầu (rājāñño) lãnh địa Setavyā do vua Kosala ban cho, tổ chức bố thí cho những Samôn, Balamôn. Nam tử Uttara không tham dự và chê trách cuộc bố thí của lãnh chúa Pāyāsi là bố thí hạ liệt.

Lãnh chúa Pāyāsi vì bố thí không chu đáo (asakkaccaṃ dānaṃ), bố thí gián tiếp (asahatthā dānaṃ), bố thí không suy xét (acittikataṃ dānaṃ), bố thí vật phế thải (apaviddhaṃ dānaṃ). Sau khi thân hoại mệnh chung, tái sinh vào cảnh giới Tứ đại vương (Catummahārājikānaṃ), trong cung điện trống không của Serīsaka.

Còn thanh niên Uttara đã bố thí chu đáo (sakaccaṃ dānaṃ), bố thí trực tiếp (sahatthā dānaṃ), bố thí có suy xét (cittikata dānaṃ), bố thí những vật thí không phải là vật phế thải (paviddhaṃ dānaṃ). Sau khi mệnh chung tái sinh về cõi trời Ba mươi ba (tāvatisānaṃ)².

Khi so sánh quả bố thí thì bố thí trực tiếp, bố thí chu đáo có quả tốt đẹp hơn bố thí gián tiếp, bố thí không chu đáo (về khía cạnh tâm thí thì như nhau).

9- Hỷ thí (somanassa dāna) và xả thí (upekkhā dāna).

¹ - DhpA, Kệ ngôn số 98,

² - D.iii, kinh Tệ túc (Pāyāsisutta).

Bố thí với tâm vui thích là hỷ thí, bố thí với tâm thản nhiên là xả thí.

10- Hữu trợ thí (*sasaṅkhārika dāna*) và vô trợ thí (*asaṅkhārika dāna*).

Hữu trợ thí là bố thí có sự kích thích tác động đến, hoặc có sự nài xin của người khác trong khi người cho còn lưỡng lự, hay khi bố thí vì miễn cưỡng phải làm.

Nên ghi nhận rằng: "*Một sự yêu cầu chưa hẳn dẫn đến hữu trợ thí. Như một người chưa có ý miêm bố thí, chợt có người đến quyên góp từ thiện, anh cho ngay không do dự, hành động như thế là vô trợ thí*".

Khi tâm chần chừ do dự mới là hữu trợ thí, như ông Balamôn Cūlekasātaka ở trên là điển hình. Tức là tự khởi ý bố thí, nhưng sau đó rút lại ý định này, rồi lại tự động viên, sau cùng thực hiện thí sự.

11- Bố thí của bậc có trí (*sappurisa dāna*) và bố thí của người không có trí (*asappurisa dāna*).

Bậc có trí thường thực hiện:

- a- Bố thí chu đáo (*sakkacca dāna*).
- b- Bố thí có suy xét (*cittikatvā deti*).
- c- Bố thí tự tay làm (*sahattha dāna*).
- d- Bố thí vật không đáng quăng bỏ.

e- Bổ thí nghĩ đến tương lai (anāgata diṭṭhikam deti).¹

Bổ thí chu đáo (sakacca dāna).

Chữ sakkacca có nghĩa là “chu đáo”, người chuẩn bị chu đáo vật thí là người có tâm tôn trọng đối tượng thọ thí và ngược lại. Cách thức bổ thí này là: xem xét cẩn thận vật bổ thí, như: vật thực tươi, bổ dưỡng, đáng hài lòng, sạch sẽ, vật dụng tốt.., như gia chủ Uggā dâng chiếc ghế dài bằng gỗ chiên đàn đến Đức Thế Tôn (sđd).

Đối tượng thọ thí là bậc đáng cúng dường, thì chữ sakkacca có nghĩa là “cung kính”. Tức là bổ thí với tâm cung kính.

Bổ thí có suy xét.

Là để tâm xem xét lại vật thí cẩn thận trước khi cho, xem vật thí có đúng như ý không? có khuyết điểm nào trong lễ thí này không?. Tuy có ý bổ thí vật tốt, sai bảo người cận sự sắp xếp vật thí, trước khi cho không xem xét lại, gọi là “bổ thí không suy xét”.

Vì sao phải bổ thí bằng chính tự tay?.

Trong vòng luân hồi, có nhiều kiếp sống ta không có tay như chim... Trong kiếp sống này, khi được may mắn có đầy đủ cả chân tay thì nên tận dụng cơ hội, dùng chính tay mình để bổ thí. Dùng chính đôi tay để bổ thí là nói lên ý nghĩa “tự mình giải thoát khỏi ô nhiễm”, không

¹ -A.iii, 171.

ai có thể giúp mình giải thoát ô nhiễm được, chỉ tự mình mà thôi.

Đức Phật có dạy:

"Attā hi attano nātho: Ta là vị cứu tinh cho chính ta".¹

Cho dù có thấy số châu báu ở chung quanh, người không có tay không thể nhặt được chúng. Cũng vậy, có một số chúng sanh tuy hiểu thông Giáo pháp nhưng lại không chứng đắc đạo quả, như du sĩ Saccaka Nigantha chẳng hạn, đó cũng là do thiếu duyên này.

Đồng thời, tự tay làm sẽ đem đến nhiều may mắn khi còn phải tái sanh trong luân hồi.

Bố thí vật không đáng quăng bỏ.

Ngoài ý nghĩa không đem cho những vật không có giá trị, những vật dư thừa ra. Người có trí sửa soạn vật thí đầy đủ cho những người thọ thí, không quá dư thừa phải dẫn đến quăng bỏ.

Bố thí nghĩ đến tương lai.

Là hiểu biết rằng "hành động thiện hiện tại", chắc chắn sẽ đem đến quả tốt đẹp trong vị lai. Đây ám chỉ tin vào nhân quả, là một chi phần trong chánh tín (sammā saddhā).

Chánh tín có bốn chi phần là:

¹ - Dhp, câu số 160.

- Tin nghiệp (kammassaddhā).
- Tin quả của nghiệp (vipākassaddhā).
- Tin chúng sanh có nghiệp là của riêng (kamassakatā) .
- Tin vào tuệ giác của Đức Phật (tathāgata bodhissaddhā)¹.

Năm cách bố thí khác được thực hiện bởi người có trí (*sappurisa*) là:

a-Bố thí với niềm tin (saddhā dāna).

b-Bố thí chu đáo.

c-Bố thí hợp thời (kāla dāna).

d-Bố thí với tâm tế độ (anuggahitacitto dānaṃ).

e- Bố thí không hại mình, hại người (attānañ ca parañ ca anupahacca dānaṃ).²

Bố thí hợp thời (kāla dāna).

Là bố thí vật thích hợp đúng lúc, như: Trong giờ thọ thực thì vật thực là thích hợp, trong mùa dâng y kaṭhina thì cúng dường y là thích hợp....

"Này các tỳ khưu, có năm bố thí đúng thời. Thế nào là năm?"

¹ - Đại trưởng lão Bửu Chơn, Kho tàng Pháp Bảo.

² - A.iii, 172.

- *Bố thí cho người vừa đến (āgantuka dāna).*
- *Bố thí cho người sắp đi (gamika dāna).*
- *Bố thí đến người bệnh (gilāna dāna).*
- *Bố thí trong thời đói (dubhikkha dāna).*
- *Phàm có những hoa quả gì gặt hái được, dành chúng đầu tiên để cúng dường các bậc có giới hạnh. (nava dāna: bố thí trái cây đầu mùa).¹*

Người vừa đến là người đang cần những tư cụ để trú lại lâu dài, bố thí những vật ấy, gọi là đúng thời thí (kāla dāna).

Người sắp đi xa, cần có tư cụ mới để dùng trong cuộc du hành dài.

Người bệnh, bố thí thuốc trị bệnh cùng vật thực thích hợp, gọi là đúng thời thí.

Trong Vimāna vatthu (Thiên cung sự) có ghi mẫu truyện tóm lược như sau:

Có vị tỳ khưu hành thiền Quán, phát sanh chứng bệnh ù tai, nên pháp quán không thể tiến triển. Vị ấy trình bạch lên Đức Thế Tôn việc này, với Phật trí Đức Thế Tôn thấy rằng: "vị tỳ khưu này dùng gạch cua sẽ dứt bệnh ù tai", Ngài dạy rằng:

- Nay tỳ khưu, hãy khất thực nơi ruộng của dân thành Rājagaha (Vương xá) này đi.

¹ - A.iii, 42 - phẩm Sumana.

Theo lời dạy của Đức Thế Tôn, vị trưởng lão đi đến ruộng lúa của dân thành Vương xá để khất thực và được một nông dân cúng dường gạch cua.

Thọ dụng gạch cua nướng chín, chúng bịnh ù tai của Ngài dứt khỏi. Ngay chính tại chỗ ngồi, tâm tư vị Trưởng lão vô cùng hoan hỷ, phát triển Minh sát và chứng đắc quả vị Alahán.

Đây là ví dụ về cúng dường hợp thời đến người bịnh.

Bổ thí trong thời đói. Có hai loại thời đói:

- Thời kỳ có nạn đói phát sanh. Như tiền thân Trưởng giả Mendaka bổ thí trong lúc có nạn đói.¹

- Thời người ấy đang bụng đói, bổ thí cả hai thời như thế, gọi là bổ thí đúng thời.

Một nông dân có duyên lành đạo quả, trong lúc đi tìm bò, anh đói bụng nên đi đến Jetavanavihāra (Tịnh xá Kỳ viên) để xin tàn thực của chư Tăng. Đức Phật cho người dọn cơm đến anh, ăn xong anh nghe Đức Phật giảng pháp và chứng quả Dự lưu. Vài vị tỳ khưu thắc mắc, nhân đó Đức Phật dạy:

*"Jigacchā paramā roga: Đói là bịnh tối trọng"*²

Bổ thí không hại mình và hại người (anupaghāta dāna).

Chữ anupagghāta nghĩa là "*không làm tổn hại*", "*có lòng nhân từ*".

¹ - DhpA, kệ ngôn số 416.

² -Dhp, kệ ngôn số 203.

Bậc có trí không hề cho những vật mang tác hại đến người thọ dụng, vì chính người cho cũng bị tác hại nếu như thọ dụng những vật thí ấy.

Trong tạng Luật, bộ Tạp sự (Parivāra) có đề cập đến năm vật thí độc hại và không có giá trị.

Đó là:

- Cho chất say (majjā dāna).
- Cho âm nhạc (samajja dāna).
- Cho người nữ đến người nam (itthi dāna).
- Cho bò đực vào đàn bò cái để gây giống (usabha dāna).
- Cho những tranh tượng khiêu dâm (cittakamma-dāna).

"Cho âm nhạc" là tổ chức những buổi liên hoan, những buổi tiệc vui, có đàn ca, múa hát.

"Cho người nữ đến người nam" là chuẩn bị các cô gái giang hồ để thỏa mãn tình dục cho người nam có ham muốn.

Đây là những vật bố thí không có đạo đức và vô giá trị, vì không đem lại lợi ích cùng tâm trong sạch cho người nhận.

Một số người nghĩ rằng "khi đem thuốc phiện cho những người nghiện sắp chết vì thiếu thuốc là bố thí mạng sống (*jivita dāna*)". Đây là ý nghĩ vô cùng tai hại, vì kẻ nô

lệ cho chất độc hại ấy sẽ mãi mãi là nô lệ suốt cuộc sống của chất độc hại ấy, đồng thời gây nhiều tai họa đến người khác. Tương tự như thế với việc “đem cho chất say”.

Chú giải Bốn sanh có đề cập “chất say đã được Vua Vessantara dùng trong các lễ đại thí (mahādāna)”.

Có ý kiến giải thích rằng:

“Bồ tát Vessantara không có ý cấp rượu cho người nghiện, Ngài không muốn bất kỳ ai uống chất say. Sở dĩ Ngài bố thí chất say trong các lễ đại thí ấy, đơn thuần Ngài chỉ muốn “tránh bị chỉ trích”, cho rằng trong cuộc Đại thí (mahādāna) của Ngài thiếu chất say.”

Sự giải thích này không thuyết phục, những bậc đại nhân như vua Vessantara không quan tâm đến những lời chỉ trích của người khác, nhất là sự chỉ trích vô lý.

“Sự bố thí chất say đáng bị chỉ trích khi người nhận dùng để uống trực tiếp”. Còn khi sử dụng nó như một gia vị, làm mất mùi, vị của vài loại vật thực khác, hay dùng làm dung dịch hòa tan vị thuốc ở dạng riêng thì chúng không phải là vô giá trị.

Đức Phật có dạy:

*“Này các tỳ khưu, trong loại dầu nấu nào (có thêm vào rượu mạnh) mà màu sắc, mùi, vị của rượu mạnh không nhận ra được thì ta cho phép uống dầu có thêm vào rượu mạnh loại như thế”.*¹

¹ - Luật Đại phẩm (Mahāvagga), chương được phẩm (bhesajjakkhandhakam), 39 – Đại đức Nguyệt Thiên dịch.

Đối với những loại thuốc cần phải có nhiều rượu mạnh, chất say không thể biến chất thì chỉ được dùng làm thuốc thoa (sđd).

Do đó, nên ghi nhận rằng: “*với mục đích này, vua Vessantara thêm chất say vào làm thành vật thí cho cuộc Đại thí*”.

Bố thí trái cây đầu mùa.

Cách bố thí này liên quan đến người nông dân hay người cấp dưỡng, nhưng có thể hiểu rộng là : “bố thí những thành quả đầu tiên có được, sau đó mới dùng”.

Trong thành Rājagaha (Vương xá), có ông Balamôn tên là Pañcaggadāyaka (người bố thí có 5 điểm tối thắng):

- Khi gặt lúa xong ông bố thí.
- Khi đem lúa về nhà ông bố thí.
- Khi đập lúa xong ông bố thí.
- Khi đem lúa vào bồ ông bố thí.
- Khi nấu cơm xong có người đến xin, chưa cho thì vị ấy chưa dùng vật thực. Do đó ông có tên gọi Pañcaggadāyaka.

Thấy được duyên lành của vợ chồng Balamôn này, Đức Phật ngự đi khất thực tại nhà của ông, sau đó Ngài thuyết lên kệ ngôn an trú họ vào quả Dự lưu.¹

¹ - Dhpa, kệ ngôn số 367.

Mẫu chuyện khác nói về tiền thân của Ngài Aññakoṇḍañña và Ngài Subhadda.

Trong quá khứ hai vị là anh em cùng làm chung ruộng lúa, khi lúa trở sữa đòng đòng, người em dùng phần lúa của mình cúng đường đến Đức Phật Kassapa và chư tăn, còn người anh sau khi hoàn tất thời vụ mới cúng đường.

Đến thời Đức Phật hiện tại, người em là Trưởng lão Aññakoṇḍañña vị chứng ngộ pháp trước tiên trong Giáo pháp này, còn người anh là du sĩ Subhadda khi Đức Phật sắp viên tịch mới chứng quả Alahán.¹

Với năm cách bố thí này, mỗi cách đều mang lại đại tài sản sung mãn, ngoài ra:

- Bố thí với đức tin (*saddhā*) sẽ có dung mạo xinh đẹp, dung sắc thù thắng như hoa sen.

- Bố thí chu đáo (*sakkacca dāna*), sẽ được mọi người nghe theo lời và phục vụ với tâm hiểu biết (*aññacittam*).

- Bố thí hợp thời (*kāla dāna*), các vật dụng (*atthā*) lợi ích sẽ đến đúng lúc và sung túc (*pacurā*).

- Bố thí với tâm tế độ (*anuggaha dāna*), sẽ thọ hưởng đầy đủ năm dục tăng trưởng (là sắc tốt, tiếng du dương, hương thơm, vị ngon ngọt và thân xúc chạm êm ái).

- Bố thí không hại mình, hại người (*anupaghāta dāna*), tài sản của người này hoàn toàn tránh khỏi năm tai

¹ - DhpA, kệ ngôn số 11-12.

hoạ (nước, lửa, vua, trộm đạo và kẻ thù nghịch hay người thừa tự) làm hư hoại.¹

Bố thí của người vô trí (asappurisa).

Ngược lại với cách bố thí của bậc có trí, là cách bố thí của người vô trí, tức là:

a- Bố thí không chu đáo.

b- Bố thí không suy xét.

c- Bố thí không tự tay làm (như lãnh chúa Pāyāsi thay vì tự bố thí thì đã cho người hầu làm thay).

d- Bố thí đồ quặng bỏ.

e- Bố thí không nghĩ đến tương lai.²

Năm cách bố thí sau của bậc trí, trong kinh không dẫn ra, nhưng có thể hiểu lại như sau:

- Bố thí không tin vào luật nhân quả (asaddhiyadāna).

Là bố thí làm theo người khác hay làm theo truyền thống, hoặc để tránh bị chỉ trích là keo kiệt. Sự bố thí này tuy có mang lại tài sản, nhưng không là tài sản quý, đồng thời không có diện mạo xinh đẹp.

- Bố thí không chu đáo (asakkaccadāna).

¹ - A.iii, 172.

² - A.iii, 171.

Tuy tài sản sẽ phát sanh từ sự bố thí này, nhưng người ấy không được người khác vâng lời.

- Bố thí phi thời (akāladāna).

Tuy tài sản có phát sanh nhưng sẽ không nhiều và không đến đúng lúc, cần thì không có, không cần lại có.

Nên ghi nhận: Bố thí phi thời là bố thí không thích hợp, cho dù bố thí với tâm cung kính nhất, như cúng dường ánh sáng đến Đức Phật vào ban ngày hay cúng dường vật thực đến chư Tăng sau giờ ngộ.

- Bố thí hời hợt (ananuggaha dāna), là cho với sự khinh rẻ người nhận.

Tuy tài sản phát sanh từ sự thí này, nhưng người này sẽ không hưởng được những tài sản đó, hoặc là bị từ chối hoặc bị lãng quên, hay chính người ấy không biết mình có vật quý.

Như có người tình cờ phát sanh viên ngọc quý, nhưng anh mang cho người khác vì không biết giá trị của viên ngọc ...

- Bố thí tổn hại mình, tổn hại người (upaghātadāna).

Tuy tài sản có thể phát sanh từ sự bố thí này, nhưng không thể tránh khỏi bị hư hoại bởi năm tai họa.

Bố thí có ba chi.

Là: Nô lệ thí (dāsadāna).

- Bằng hữu thí (sahāya dāna).

- Gia chủ thí (sāmī dāna).

Hoặc là:

- Bồ thí bậc thấp (hīna dāna).

- Bồ thí bậc trung (majjhima dāna).

- Bồ thí bậc cao (paṇitā dāna).

Giải:

Các Giáo thọ sư y cứ vào bốn pháp: sự ước muốn (chanda), sự nỗ lực (virīya), sự quyết tâm (citta) và trí hiểu biết về nghiệp quả (vimamsa) khi bố thí, để phân định thành ba bậc: thấp, trung bình và cao.

Trong bốn pháp ấy, sự ước muốn là nền tảng quan trọng để thẩm định. Đức Phật có dạy: "*Các pháp lấy ước muốn (chanda) làm căn bản*".¹

Luận Atỳđàm (abhidhamma) có nêu lên ba loại ước muốn:

- Ước muốn thọ hưởng năm trần cảnh, gọi là *ước muốn dục lạc* (kāmachanda), đây là ước muốn thấp kém nhất, thuộc về bất thiện.

- Ước muốn thành tựu những pháp tốt đẹp của bậc thượng nhân, như thiên định, Đạo, quả, Nípàn, gọi là

¹ - A.iv, 338.

ước muốn pháp (dhammachanda). Đây là ước muốn cao thượng, thuộc về thiện

- Sau khi thành tựu giải thoát trọn vẹn các ô nhiễm, ước muốn tế độ chúng sanh khác thoát khỏi khổ, được an lạc như mình, đây là ước muốn tế độ chúng sanh của vị Thánh A lahán, gọi là *ước muốn thực hiện* (kriya chanda) (điều ấy), thuộc về pháp không bất thiện cũng không thiện (abyākatā dhamma).

Như vậy, khi bố thí với ước nguyện thọ hưởng năm trần cảnh, là bố thí bậc hạ.

Tiền thân thanh niên Khemaka khi cúng dường đến Đức Độc Giác, có ước nguyện: “Với phước báu này, ngoại trừ người nữ trong gia tộc, bất cứ nữ nhân nào thấy tôi, đều thương mến tôi và cho tôi chứng được an lạc pháp mà Ngài đã chứng”.

Trong kiếp hiện tại, thanh niên Khemaka là cháu của Trưởng giả Cấp cô độc. Do phạm tội tà dâm suýt nữa bị vua Pasenadi (Bạtưnặc) chém đầu, nhưng nhờ có ước nguyện chứng pháp, nên Đức Phật ngự đến tế độ thanh niên Khemaka chứng quả Dự Lưu. Từ đó trở đi vị ấy không còn tà hạnh trong dục lạc nữa.¹

Câu chuyện trên minh họa cho hai loại ước nguyện: bất thiện và thiện.

Trong ước nguyện chứng đạt pháp thượng nhân, khi bố thí ước nguyện chứng thiền định, là bậc trung, ước nguyện Đạo quả, Nípàn như chư vị Bồ tát, là ước nguyện bậc thượng.

¹ -DhpA, kệ ngôn số 309 – 310.

Tóm lại, khi thực hành bố thí, tùy theo ước nguyện mà thí sự ấy là thấp -trung hay cao. Tuy nhiên, sự so sánh đẳng cấp cao, trung, thấp này cũng chỉ tương đối thôi.

Tương tự như thế với sự nỗ lực (viriya) khi thực hành bố thí.

Có nhiệt tình trong thí sự, là bố thí bậc cao, chỉ cố gắng thực hiện là bố thí bậc trung, bố thí hời hợt như: vì lời hứa mà làm, gọi là bậc thấp.

Khi bố thí với tâm bất thiện (bố thí vì ái luyến, bố thí vì sân, bố thí vì si mê..) gọi là bố thí bậc thấp, bố thí với tâm không có trí là bậc trung, như đứa bé hoan hỷ cúng dường đến vị Sư nhưng nó không có trí hiểu rằng "đây là phước báu"... bố thí với sự hiểu biết nghiệp quả là bậc cao.

Đức Phật có dạy:

"Này các tỳ khưu, có *tám căn bản* để bố thí. Thế nào là tám?"

1- Vì ước muốn (được người khác thương) (chandadāna) nên bố thí.

2- Vì sân hận nên bố thí (dosadāna) (là cho người với trạng thái không vui, như tiền thân nàng Pañcapāpā).

3- Vì mê muội nên bố thí (mohadāna) .

4- Vì sợ hãi nên bố thí (bhayādāna).

5- Vì truyền thống bố thí của gia tộc nên bố thí (dinna pubbadāna).

6- Vì nghĩ rằng : “sẽ đợc sanh về nhàn cảnh” nên bố thí (sugati upappjana dāna).

7- Bố thí do có tâm trong sạch (cittappasādanadāna).

8- Bố thí để trang nghiêm tâm, là vật trang điểm tâm trở nên tốt đợc (cittalaṅkāra dāna).¹

Năm loại đầu là bố thí bậc thấp, hai loại sau (6 và 7) là bố thí bậc trung, cuối cùng (8) là bố thí bậc cao.

Một bài kinh khác, Đức Phật chỉ ra 8 cách bố thí khác:

1- Cho vì người đã đến nhà (như đái khách thân quen chẳng hạn) (āsajja dānaṃ deti).

2- Cho vì sợ hãi (bhayā dānaṃ deti).

3- Cho vì nghĩ rằng: “Người ấy đã từng bố thí đến ta”.

4- Cho vì nghĩ rằng: “Họ sẽ cho lại mình” (adāsi meti dānaṃ deti).

5- Cho vì nghĩ rằng: “bố thí sẽ làm cho ta đợc lợi ích và tốt đợc” (sādhū dānanti dānaṃ deti).

6- Cho vì nghĩ rằng: “Ta nấu (vật thực này), những người này không nấu. Thật không xứng đáng khi không cho người không nấu”.(apacantānaṃ dānaṃ na dātunhi dānaṃ deti).

¹ -A.iv, 236.

7- Cho vì nghĩ rằng: “Ta sẽ được danh tiếng truyền đi xa” (kalyāṇo kittisaddo abbhuggacchatīti).

8- Cho vì nghĩ rằng: “Đây là vật trang điểm tâm, làm cho tâm tốt đẹp” (cittalaṅkāra cittaparikkharatthaṃ dānaṃ deti).¹

Giải:

Bố thí vì sợ hãi: Là do sợ bị chỉ trích là “keo kiệt, hay do e ngại tổn thất những tài sản có giá trị cao, nên “cho trước để được an ổn phần tài sản còn lại”, xem như một hình thức hồi lộ.

- Do sợ tổn hại đến thân thể hay tính mạng, nên đem cho.

- Do sợ khi còn tái sanh trong luân hồi, sẽ là người nghèo khổ.

- Do sợ rơi vào khổ cảnh, nên tạo phước để sanh về nhàn cảnh.

Bố thí vì nghĩ “Ta là nấu..”

Người không nấu ở đây ám chỉ những người không có khả năng nấu nướng vật thực, như các vị tỳ khưu bị ràng buộc trong giới luật, những người bệnh nặng không có thân tộc, người hành khất không có chỗ trú... Nên có sự suy nghĩ rằng;

“Ta là gia chủ, người sắp đặt và nấu nướng thực phẩm để ăn. Thật không phải nếu ta dùng những vật thực mà không bố thí đến những người không thể nấu nướng thức ăn cho mình?”

“Là vật trang điểm tâm, làm tâm tốt đẹp”.

¹ - A.iv, 236

Là suy nghĩ rằng: “Bố thí là phương án tốt đẹp, thanh lọc bỏ xen trong tâm, đồng thời sẽ không gặp phải khó khăn như nghèo khổ, thiếu vật thực... giúp cho tâm không bận rộn khi hành pháp Chỉ, Quán.

Tâm không bận rộn, dẫn đến hân hoan, hân hoan dẫn đến an lạc, an lạc dẫn đến chứng đạt pháp Thượng nhân.

Trong tám cách bố thí này thì cách cuối cùng (8) là tốt đẹp nhất, là cách bố thí duy nhất giúp hành giả tăng trưởng hoan hỷ và tinh tấn trong thiền tập Chỉ tịnh (samatha) hay Quán minh (vipassanā). Bảy cách bố thí đầu không làm tăng trưởng trí tuệ trong thiền tập (bhāvanā).

Cách bố thí thứ bảy là thấp nhất, các cách còn lại (1, 2, 3, 4, 5 và 6) là bậc trung.

Lại nữa, khi bố thí với tâm vui thích có trí là bậc cao, tâm thản nhiên có trí là bậc trung, tâm không có trí là bậc thấp.

Trí tuệ (vimamsa).

Bố thí với sự hiểu biết nhân quả, nghiệp báo là bố thí bậc trung, bố thí với trí suy quán: vô thường, khổ hay vô ngã, là bố thí bậc cao.

Bố thí có bốn chi.

Trong Vinaya có đưa ra bốn loại yêu cầu mà có thể xếp vào bố thí là:

- 1- Bố thí y hoặc vật liệu may y (civara dāna).
- 2- Bố thí vật thực (Pindapāta dāna).
- 3- Bố thí chỗ ngủ (senāsanā dāna).
- 4- Bố thí thuốc trị bệnh (bhessajja dāna).

Trong kinh Cúng dường phân biệt nêu ra “thanh tịnh thí” có bốn chi là:

- a- Người cho trong sạch, người nhận không trong sạch.
- b- Người nhận trong sạch, người cho không trong sạch.
- c- Người cho và người nhận đều không trong sạch.
- d- Người cho và người nhận đều trong sạch.

Trong bản Kinh, Đức Phật có giải thích “sự trong sạch (visujjhati)” là:

“Giữ giới, theo thiện pháp là trong sạch. Ác giới, theo ác pháp là không trong sạch.” (sđđ).

(Đại Trưởng lão Hộ Pháp có giải rõ về bốn trường hợp này, xin xem: “Tìm hiểu phước bố thí”).

Các Giáo thọ Sư có giải rằng: “Người cho ví như người có hạt giống, người nhận ví như mảnh ruộng.

Người cho không trong sạch ví như người có hạt giống của loại cây nhỏ, thấp kém, người cho trong sạch ví như người có hạt giống tốt của loại cây lớn.

Người nhận không trong sạch ví như mảnh ruộng
đầy cỏ dại độc hại, người nhận trong sạch ví như mảnh
ruộng không có cỏ dại độc hại”.

Đức Phật có dạy:

“Tiṇadosāni khettāni.

Rāgadosā ayam pajā.

Tasmā hi vītarāgesu.

Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ.

"Cỏ làm hại ruộng vườn.

Tham làm hại người đời.

Bố thí người ly tham.

Do vậy, được quả lớn.

“Tiṇadosāni khettāni.

Mohadosā ayam pajā.

Tasmā hi vītamohesu.

Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ.

"Cỏ làm hại ruộng vườn.

Sân làm hại người đời.

Bố thí người ly sân.

Do vậy, được quả lớn.

“Tiṇadosāni khettāni.

Icchādosā ayaṃ pajā.

Tasmā hi vigaticchesu.

Dinnam hoti mahapphalam

Cỏ làm hại ruộng vườn.

Si làm hại người đời.

Bổ thí người ly si.

Do vậy, được quả lớn.¹

Hạt giống của loại cây nhỏ (như cây hành, cây ớt chẳng hạn...) tuy được gieo vào đất tốt, nó có phát triển hết mức cũng đến mức độ nào đó thôi, đồng thời quả tuy có nhiều nhưng chẳng có giá trị cao. Cũng vậy, người cho không trong sạch, dù cúng dường đến bậc có giới hạnh cao, nhưng kết quả cũng không đáng hài lòng lắm ý.

Hạt giống cây lớn, nếu gieo vào đất không tốt thì: hoặc là bị hoại, hoặc là không được phát triển. Cũng vậy, người cho trong sạch nhưng người nhận không trong sạch, kết quả cũng không tối thắng.

Có câu hỏi rằng: “Trong hai người: người cho và người nhận, người nào quan trọng hơn?”.

¹ - Dhp, kệ ngôn số 356, 357, 358. – HT. Thích Minh Châu dịch.

Đáp rằng:

- Người cho quan trọng hơn.

Vì rằng: người cho là người đang gieo trồng, hạt giống tốt sẽ có kết quả tốt, còn như hạt giống không tốt hoặc giống của cây nhỏ thì kết quả không như ý.

Người gieo hạt cần phải biết rõ mảnh đất, nếu như mảnh đất không tốt, người ấy tích cực chăm bón phân nước, kết quả cũng được như ý.

Ở đây phân bón cho hạt giống ra sao?

Nếu như đối tượng thọ thí không phải là bậc có giới hạnh, người cho nên tác ý đến hành động thiện theo cách tế độ.

Cũng nên ghi nhận rằng: "tiêu đề của bài kinh là *thanh tịnh thí*". Không nên hiểu lầm: "*Cả người cho lẫn người nhận không thanh tịnh, cũng là thanh tịnh thí*", cách này tệ hại nhất, ví như hạt giống cây nhỏ lại gieo vào đất cứng cỏi.

Ở đây "thanh tịnh thí" là cách định danh cho bốn trường hợp khởi lên giữa người cho và người nhận, vì người cho có tâm thanh tịnh được nêu lên trước tiên, nên lấy đó để định danh.

Và điều này cho thấy tầm quan trọng của người cho, người cho cần có sự hiểu đúng đối tượng và tác ý đúng (yoni so manassikāra) trong khi thực hành bố thí.

Những yếu tố làm thanh tịnh.

Đức Thế Tôn có dạy: *"Giữ giới, theo thiện pháp là trong sạch"*.

Như vậy, sự giữ giới là nền tảng cơ bản tất yếu của sự trong sạch, còn theo thiện pháp thì sao? Các Giáo thọ sư bảo:

Sự bố thí trong sạch theo thiện pháp có hai là: Tâm trong sạch và vật thí trong sạch.

1-Tâm trong sạch.

Là có sự vui thích cả ba thời kỳ : trước khi cho, trong khi cho và sau khi cho.

Một thời Đức Thế Tôn trú tại Sāvattihī (Xávệ), ở Jetavanavihāra (Kỳ viên tịnh xá). Với thiên nhãn thuần tịnh, Ngài thấy rằng bà tín nữ mẹ của Nanda, người làng Velukandakī đang cúng dường đến chư Tăng có hai vị đứng đầu là Sāriputta (Xá lợi phất) và Moggallāna (Mục kiền liên). Thấy vậy, Ngài bảo các vị Tỳ khưu:

*"Này các Tỳ khưu, mẹ của Nanda người làng Velukandakī, hiện đang cúng dường đến chư tỳ khưu Tăng, đứng đầu là Xá lợi phất (Sāriputta) và Mục kiền liên (Moggallāna). Một thí sự có sáu chi phần, ba phần thuộc người cho và ba phần thuộc người nhận."*¹.

Tiếp theo Ngài dạy 3 chi phần của người cho là:

a- Trước khi bố thí, ý vui lòng.

¹ -A.iii, 336. Phẩm Chư thiên.

b- Trong khi cho, tâm được tịnh tín (visuddhi saddhā).

c- Sau khi cho cảm thấy hoan hỷ.

Và người thọ thí có đầy đủ 3 đặc tính trong sạch đặc biệt:

a- Đã lìa bỏ tham hay đang thực hành hạnh lìa bỏ tham ái.

b- Đã lìa bỏ sân hay đang thực hành hạnh lìa bỏ sân.

c- Đã lìa bỏ si mê hay đang thực hành hạnh lìa bỏ si mê.

"Này các Tỳ khưu, ví như nước trong đại dương không thể đo lường được, thì những lợi ích phát sanh từ hành động bố thí có 6 điểm đặc biệt này cũng không lường được".

Theo trên có thể thấy rằng ba đặc tính của người cho và 3 đặc tính của người nhận đã tạo nên những yếu tố làm tăng trưởng quả lợi ích của bố thí.

Ở đây: "trước khi thí ý vui lòng, sau khi thí ý hoan hỷ", tuy có trạng thái vui thích giống nhau, nhưng sự nhận biết cảnh (ārammaṇa) lại khác nhau. Trước khi cho, có sự nhận biết đối tượng thọ thí, sau khi cho chỉ nhận biết hành động thiện đã được thực hành.

Bà Nandamātā Velukaṇḍakī là bậc Anahàm, dĩ nhiên bà không còn ước muốn (chanda) thọ hưởng năm đối tượng sắc, thanh, hương vị, xúc khả ái, tốt đẹp, sự bố thí

của bà chỉ có mục đích tạo duyên lành để chứng quả Alahán.

Bà có tên là Uttarā, là nữ cư sĩ tối thắng về tu thiền.¹

Ngài Buddhaghosa (Phật âm) có giải thích: Velukaṇḍa là một ngôi làng được bọc quanh những rặng tre (velu), những cây tre này lớn và thân suôn đuột mọc thẳng lên như những mũi chông (kaṇḍa), nên làng ấy có tên là Velukaṇḍa. Vị thôn trưởng có tên là Nanda, bà Uttarā là mẹ của Nanda nên bà còn có tên gọi là Nandamātā Velukaṇḍakī.

"Trong khi cho tâm tịnh tín".

Là trong khi cho tâm hướng đến ân đức thù thắng của pháp bố thí, pháp bố thí là một đê mục thiền, Đức Thế Tôn có giảng cho đại tín nữ Visākhā về ân đức bố thí². Và dĩ nhiên, vị nữ cư sĩ đệ nhất tu thiền Nandamātā sẽ thực hiện điều này trong khi cho.

Cần lưu ý về ý nghĩa "saddhā (đức tin)" trong Phật giáo.

Saddhā không phải là niềm tin suông bình thường, theo nguyên ngữ thì:

Sam + căn dhā = saddhā. Sam là tốt đẹp, căn dhā là thiết lập, để trên.³

¹ - A.i, 24.- Phẩm người tối thắng.

² - A.i, 205. Phẩm lớn.

³ -Đại trưởng lão Nārada- Vi điều pháp toát yếu, chương II. Ông Phạm Kim Khánh dịch.

Như vậy, saddhā (đức tin) là sự “thiết lập tốt đẹp” hay “sự đặt trên nền tảng tốt đẹp”. Nền tảng tốt đẹp đó là gì ? Đó là “luật nhân quả”, “luật nghiệp báo” và Tam bảo.

Saddhā có phận sự “thanh lọc, làm cho đối tượng được trong sạch”.

Như cặn và chất bẩn lắng đọng dưới đáy hồ thì nước trong sạch, có thể phản chiếu ánh trăng hay ánh sáng mặt trời. Cũng vậy, đức tin không ô nhiễm có thể giúp giới đức càng trong sạch và trong sạch hóa những đặc tính (sabhāva) của pháp (đề mục thiền định).

Nếu một người không có tài sản thì không thể trang bị cho mình những vật dụng cần thiết, hay không có hạt giống thì không thể gieo trồng dù thời vụ đang đến và không gieo trồng thì không có kết quả.

Cũng vậy, không có đức tin thì không thể có bố thí, không thể có giới đức, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đồng thời không được nhân loại, chư thiên hoan hỷ hay không thể hưởng được sự an vui của Nípàn.

Do đó, Đức Phật gọi đức tin là tài sản của bậc có trí hay của bậc Thánh.

Trong Milindapañhā và bộ *Atthasālinī*, đức tin được so sánh với ngọc báu của vua Chuyển luân.

Đức tin (saddhā) thanh lọc tất cả những gì làm tâm ô nhiễm, đức tin làm cho tâm trở nên trong sáng. Nếu tâm có đầy đủ đức tin (saddhā sampadā) thì không có kẻ hở dành cho những ô nhiễm như sợ hãi, lo lắng ... chen vào.

Có nhiều phật tử tinh tấn hành thiền, đều thấy rằng thật khó giữ tâm được an tịnh vững chắc vào các ấn tượng (nimitta) của Pháp thiền, hay thật không dễ giữ tâm không bị ô nhiễm. Cả hai trường hợp trên là do đức tin chưa tăng trưởng, để trở thành tín quyền (saddhindriya) hay tín lực (saddhā bala).

Nhờ tinh cần tu tập, người phật tử nương vào đức tin (dĩ nhiên là chánh tín), có thể giữ tâm trong sáng trong những khoảng thời gian ngắn cho đến khi tinh tấn vững mạnh, người ấy có thể tiếp tục duy trì trong khoảng thời gian dài.

Có suy ngẫm về luật nhân quả mới phát sinh và làm tăng trưởng đức tin, đức tin có tăng trưởng sẽ giúp tâm càng an tịnh, tâm càng an tịnh sẽ giúp cho trí quán sanh khởi, dẫn đến chứng đắc Đạo, quả siêu thế, Nípàn. Nên đức tin là một trong những yếu tố làm tăng trưởng quả lợi ích của bố thí, đồng thời có suy quán về nhân (nghiệp), quả (quả của nghiệp) là bố thí hợp trí.

Câu chuyện tiền thân vua Suddhodana (Tịnh Phạn) cho thấy ý nghĩa sự trong sạch của người thí, có quả thù diệu là "sống lâu" như sau:

Tiền thân vua Suddhodana là một Bàlamôn, có nếp sống đạo đức tốt đẹp, Bồ tát sanh vào gia tộc này, Ngài được đặt tên là Dhammapāla (Hộ pháp).

Khi lớn khôn, ông Bàlamôn cho Bồ tát Dhammapāla ngàn đồng vàng đi đến Takkasilā để học nghiệp nghệ.

Thời gian sau, người con trưởng của vị danh sư chết, mọi người đều than khóc cho sự chết khi tuổi còn

quá trẻ của người ấy. Riêng Bồ tát vẫn thản nhiên, ngạc nhiên các bạn học hỏi Ngài, Ngài đáp:

- Trong nhà tôi không có ai chết trẻ như thế cả. Sự chết lúc còn non trẻ là điều không hợp lý.

Vị danh sư nghe được câu chuyện, suy nghĩ “chuyện này thật hy hữu, ta hãy tìm hiểu sự thật. Nếu đúng như lời chàng thanh niên này. Ta sẽ theo gương gia tộc ấy, hành theo pháp của họ”.

Vị danh sư lên đường tìm đến làng Dhammapāla, gặp thân phụ của Bồ tát, sau khi vấn an, vị danh sư nói:

- Thưa tôn chủ, chàng thanh niên Dhammapāla đã mệnh chung.

Nghe vậy, ông Bàlamôn vỗ tay cười lớn:

- Không phải con tôi đâu, chắc là chàng thanh niên nào đó.

Vị danh sư trưng bày xương dê bảo: “Đây là xương con trai của tôn chủ”.

- Đây có lẽ là xương dê hay xương chó. Con trai tôi không thể chết được, trong gia tộc này, bảy đời chưa hề xảy ra chuyện “chết lúc tuổi trẻ”, Ngài đã đánh lừa tôi.

Và cả nhà vỗ tay cười lớn, vị danh sư thấy thế hoan hỷ hỏi rằng:

- Do nguyên nhân nào mà gia tộc của Ngài không có người chết trẻ ?.

Vị Balamôn nói lên mười kệ ngôn, mỗi kệ ngôn là nhân của trường thọ, một trong 10 kệ ngôn ấy là:

Pubbeva dāna sumanā bhavāma
 dadampi ve attamanā bhavāma
 datvāpi ve nānutappāma pacchā
 tasmā hi amham dahara na mīyare.

"Vui thích trước khi bố thí.

Trong khi thí thỏa thích.

Sau khi thí hân hoan.

Và không hề hối tiếc.¹

Câu chuyện này cho thấy: "khi bố thí có đầy đủ tác ý hân hoan trong ba thời: trước, trong và sau khi cho, đồng thời khi bố thí có trí tuệ thì được sống lâu trong kiếp hiện tại".

2-Vật thí trong sạch

Là vật thí phát sanh từ nghề nghiệp chân chánh, đồng thời có tính hợp theo thiện pháp.

Bộ Aṭṭhasālini có nêu lên: "Một thí sự có bốn điều kiện sẽ cho quả lợi ích trong hiện tại", đó là:

a- Vật thí được làm hợp với lẽ đạo (paccayānaṃ dhammikata).

b- Cho với niềm tin và trí tuệ.

¹ - JA, truyện Dhammapāla (số 447), phẩm 1o kệ.

c- Có sự cố ý vững mạnh (cetanā-mahattā), tức là hoan hỷ trong ba thời: trước, đang và sau khi cho (vatthu sampatti).

d- Người thọ thí là bậc Alahán hay Anahàm (anāgāmi) vừa xuất khỏi thiền diệt (nirodhasamādi), bậc có ân đức đầy đủ (gūṇasampatti).

Rõ ràng, thí sự có quả phát sanh hiện tại (có bốn chi), người cho chiếm hết ba chi.

Bổ thí mà đem lại lợi ích trong kiếp hiện tại như nông dân Puṇṇa, người thợ làm vòng hoa Sumana, Bàlamôn Cūḷekasātaka., những vị này đã nhận được nhiều lợi ích lớn từ bổ thí sự của mình, do vì hội đầy đủ bốn yếu tố trên.

Trong Chú giải Aṭṭahasālinī, gọi bốn yếu tố là “cúng dường trong sạch (dakkhinā visudhi)”, trong Kinh Pháp cú thì được gọi là “Bốn điều thành tựu” (sampadā).

3-Người nhận trong sạch.

Người nhận không trong sạch, dĩ nhiên là “kẻ ác giới, theo ác pháp”. Trong phần Tỳ khưu giới, vị tỳ khưu sống theo 26 pháp tà mạng¹, cũng được liệt vào “người nhận không thanh tịnh”.

Trong Luật tạng, Đức Phật có dạy: *"Vị tỳ khưu nào biết lợi lợi được cung hiến đến Tăng, cố ý chiếm đoạt cho riêng mình, phạm ứng đối trị (pācittiya – nghĩa là: 'làm*

¹ - Xem Luật xuất gia, Đại trưởng lão Hộ Tông soạn.

hoại thiện pháp”), người nhận phải xả bỏ vật đó (nissaggiya)”.¹

Tiếp theo, Đức Phật giảng rộng về điều học này:

“Nếu vật bố thí đã được nghe “chúng tôi sẽ dâng cúng đến chư Tăng”, vị tỳ khưu nào chiếm đoạt cho riêng mình, phạm tội Ứng xả (nissaggiya pācittiya āpatti)”.

“Sang đoạt vật cúng hiến đến Tăng về cho nhóm Tăng khác, hoặc bảo tháp, phạm tội hành sai quấy (dukkata āpatti).”

“Sang đoạt vật cúng hiến đến ngôi tháp về ngôi tháp khác, hay cho Tăng, cho nhóm Tăng hoặc cho vị (tỳ khưu) khác, phạm tác ác (dukkata āpatti)”.

“Sang đoạt vật cúng hiến đến cá nhân (vị tỳ khưu) về cho Tăng, cho nhóm Tăng, cho bảo tháp, cho cá nhân (vị tỳ khưu) khác, phạm tác ác.” (sđd).

Điều học này nói lên ý nghĩa “*một ý niệm tốt có thể trở nên tồi tệ, khi có một người trung gian gây chướng ngại*”.

Nên ghi nhận rằng: “cho dù chỉ là cá nhân, nhưng khi sang đoạt đến nhóm Tăng, chư Tăng...” cũng phạm tội vì cản trở lợi ích của người thọ nhận. Và Đức Phật gọi là *adhammikadāna* (bố thí không hợp pháp).

¹ - Luật Phân tích tỳ khưu, Học giới Ứng xả đối trị, phẩm bình bát, điều thứ 10 - Đại Đức Giác Giới dịch.

Tuy nhiên, không phải bất kỳ sự chuyển đổi vật bố thí từ người này sang người khác, đều là bố thí không hợp pháp.

Người cho có thể thay đổi dự định ban đầu vì những lý do chính đáng hay có thể bị thuyết phục bởi những ý tốt, vì người cho luôn mong muốn “bố thí hợp với trí tuệ”.

Kinh Cúng dường phân biệt là một minh họa cho vấn đề này, bà Mahā Pajāpati (di mẫu của Bồ tát Sĩ đạt ta) cúng dường bộ y mới đến Đức Phật, Đức Phật khuyên bà nên dâng đến cho chư Tăng, nếu điều này không hợp pháp thì Đức Phật đã không khuyên làm như vậy.

Đức Phật muốn bà Mahā Pajāpati có nhiều trí tuệ hơn qua việc dâng tấm y tự tay tạo thành, thay vì cúng dường đến Ngài, tốt hơn nên cúng dường đến chư Tăng thì quả phước tăng thịnh sung mãn hơn.

Nói thế không có nghĩa là Đức Phật kém chư Tăng, chư Tăng dù bất cứ vị nào cũng là đệ tử Phật, nhưng Đức Chánh giác chỉ có một còn Tăng chúng thì rất nhiều, Đức Phật sau khi đại viên tịch (mahā parinibbāna), chỉ còn lại Tăng chúng là người thừa kế.

Ví viên kim cương lớn không thể thua kém bất kỳ miếng vàng nào, nhưng rất nhiều miếng vàng lại có giá trị hơn viên kim cương và đây chỉ là so sánh theo số lượng.

Tức là khi cúng dường đến Tăng chúng quả lợi ích phát sanh có số lượng nhiều hơn so với dâng đến Đức Phật, nhưng chất lượng quả lợi ích ấy không thù thắng so với quả lợi ích khi dâng đến Đức Phật. Ví như mưa nhỏ nhiều ngày cũng không thể tạo lụt lội, trái lại bão lớn trong

chốc lát có thể tàn phá những gì nó đi qua. Cũng vậy, quả lợi ích khi cúng dâng đến Đức Phật có khả năng phá hủy phiền não mạnh hơn so với khi dâng cúng đến chư Tăng, và cơn bão chỉ có ít nhưng mưa nhỏ thì nhiều.

Mặt khác, Đức Phật cũng là một vị Tăng, nhưng là vị Tăng tối thượng trong Tăng chúng.

Một lần khác, chính Đức Phật đã thuyết phục vua Bạtưṇṇ (Pasenadi) xứ Kosala thay đổi quyết định.

Vua Bạtưṇṇ chấp nhận cho ngoại đạo xây một tu viện gần Jetavanavihāra (Kỳ viên tinh xá). Nhà vua đã bị ngoại đạo dâng cúng nhiều lễ vật để mua chuộc, tham của hối lộ ấy, Đức vua chấp thuận cấp đất cùng những vật liệu, cho họ xây một tu viện gần Kỳ viên Tinh xá.

Do thấy trước những tranh chấp sẽ phát sinh sau này, Đức Phật lần lượt cử Đại Đức Ānanda cùng chư tỳ khưu, hai vị Đại Đệ tử là Ngài Xá lợi phất (Sāriputta) và Ngài Mụckiền liên (Moggallāna) đến can ngăn vua Bạtưṇṇ hủy bỏ quyết định trên, nhưng đức vua đều lánh mặt không dám gặp các vị ấy, do hổ thẹn vì sự nhận hối lộ của mình.

Sáng hôm sau, tự thân Đức Phật ngự đến Hoàng cung, Đức vua từ trên lầu bước xuống rước bát của Đức Thế Tôn và cúng dường vật thực đến Ngài. Nhân đó, Đức Phật thuyết giảng về sự tai hại của vị vua khi nhận hối lộ, và đất nước sẽ bị tiêu vong.

Tiếp đến Đức Phật giảng lên bốn sanh vua Bharu¹, người đã rơi vào trường hợp tương tự và nhận nhiều đau khổ khi nhận của hồi lộ.

Nhận thức hoàn toàn những sai lầm của mình, đức vua Batur nặc thay đổi quyết định, chính nơi mảnh đất ấy cùng với những vật liệu được thu hồi, Đức vua cho xây một tu viện dâng đến Đức Phật và Tăng chúng.

Như vậy sẽ không có tội khi người bổ thí thay đổi ý định ban đầu vì lý do chính đáng và đem bổ thí cho người khác.

Điều này cũng liên quan đến hàng tại gia, một người chuẩn bị vật thực định cúng dường đến vị tỳ khưu nào đó, nhưng khi gặp vị tỳ khưu thanh tịnh, cao thượng hơn, người này có thể thay đổi ý định ban đầu để có được ích lớn hơn. Và những vị tỳ khưu có thể thọ dụng các lễ vật được dâng cúng.

Hoặc giả, người thí chủ chuẩn bị vật thí (định) cúng dường đến cá nhân Tăng, nhưng bất ngờ gặp nhóm Tăng mới đến, người ấy có thể thay đổi quyết định ban đầu, cúng dường chư Tăng mới đến. Và chư Tăng được quyền thọ dụng hợp pháp, xem như là một đặc tính *Pāhuneyya* của ân đức Tăng cao thượng.

Tóm lại, có năm yếu tố giúp cho bổ thí tăng trưởng lợi ích:

- a- Người cho có giới hạnh, hành trì đúng pháp.
- b- Người nhận là người có giới đức trong sạch.

¹ - JA- số 213, Phẩm 2 kệ ngôn, truyện vua Bharu.

c- Vật thí hợp pháp.

d- Hoan hỷ trước, trong và sau khi bố thí.

e- Người cho có niềm tin vào luật nhân quả.

Bố thí với năm yếu tố này là trong sạch, tạo lợi ích lớn, khi bố thí thiếu những yếu tố này, trong chừng mực nào đó sẽ không tạo ra quả lợi ích lớn.

Và chúng ta thấy rằng: *"trong 5 chi này, người cho đã chiếm hết bốn chi"*, người nhận chỉ có một.

Bố thí có năm chi phần.

Là 5 cách bố thí của bậc trí, 5 cách bố thí hợp thời như đã giải ở trên. Ngoài ra, người gìn giữ năm giới: không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh trong dục, không nói dối và không dùng các chất say và rượu, được xem là "đại thí (mahādāna)".

*"Này các tỳ khưu, có năm bố thí là đại thí (pañcimāni bhikkhave dānāni mahādānāni), được biết là tối sơ (aggannāni), được biết là lâu ngày (rattannāni), được biết là truyền thống (vaṃsannāni) cổ xưa, trước không tạp loạn, hiện tại không tạp loạn, tương lai không tạp loạn ..."*¹

Tiếp theo Đức Phật giảng về công đức vô lượng của 5 giới là:

"Đem cho không sợ hãi đến vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù đến vô lượng chúng sanh, đem

¹ -A.iv, 245 - Phẩm bố thí.

cho không hại (avyāpajjham) đến vô lượng chúng sanh”(sđđ).

Khi giữ giới không sát sanh, không lấy đi sự sống của chúng sanh khác, người đó mang đến sự không sợ hãi (abhaya-dāna), sự an ổn cho chúng sanh. Các giới còn lại cũng tương tự. Đây là đặc điểm chung của năm giới, ngoài ra mỗi giới còn mang một ý nghĩa riêng khác nhau.

Với ý nghĩa chung của năm giới, nên Đức Phật dạy: “giữ năm giới tạo ra đại thí, vì cho đến “vô lượng chúng sanh””.

Nhưng không nên hiểu rằng giới (sila) là bổ thí, chỉ vì năm giới được miêu tả như năm đại thí trong bài kinh trên, vì rằng: “*Giới giữ cho hành động và lời nói được đúng đắn, còn bổ thí là cho đi một vật nào đó.*”

Như nói “lời vàng ngọc”, không nên hiểu “lời ấy chính là vàng ngọc”, mà hiểu là “lời ấy có giá trị quý như vàng ngọc”. Tức là ám chỉ về khía cạnh tỷ dụ.

Cũng vậy, giới được xem như đại thí vì có giá trị “*tương đương như một cuộc đại thí*” (cho đến vô số chúng sanh).

Lại nữa, trong ý nghĩa cùng tột (paramattha), bổ thí và giữ giới đều khởi phát từ đức tin (saddhā). Đức tin trong sạch hóa thân, ngữ là giữ giới, đức tin trong sạch hóa tâm qua biểu hiện “*đem cho*” là bổ thí.

Bổ thí có 6 chi phần.

Trong Kinh tạng không đề cập bất kỳ một danh sách bổ thí có 6 chi phần nào cả. Nhưng trong Atthasālinī

(sớ giải bộ Dhammasaṅgānī – Pháp tụ), có nêu ra sáu loại vật thí, được sáu giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thọ lãnh, đó là: sắc, thính, hương, vị, xúc và pháp. Như vậy bố thí có sáu chi phần là:

- Bố thí sắc.
- Bố thí thính.
- Bố thí hương.
- Bố thí vị.
- Bố thí xúc.
- Bố thí pháp.

Tương tự như thế, trong Kinh tạng không đề cập đến bố thí có 7 chi phần, ngoại trừ bảy cách Tăng thí (saṅghika dāna) như đã giải ở trên.

Bố thí có 8 chi phần.

Trong phần này, ngoại trừ các cách bố thí có 8 chi đã trình giải ở trên. Đức Phật có dạy: Bậc có trí còn có 8 cách bố thí khác là:

- 1- Cho vật trong sạch.
- 2- Cho vật thù diệu.
- 3- Cho đúng thời.
- 4- Cho vật thích ứng (kappiyam deti).

- 5- Cho với sự cần thận (viceya deti).
- 6- Cho thường xuyên (abhinham deti).
- 7- Cho với tâm tịnh tín.
- 8- Sau khi cho tâm hoan hỷ.¹

Lại nữa, do nghĩ đến "sự tái sinh trong tương lai" là nhân khiến bồ thí, Đức Phật có dạy:

"Này các tỳ khưu, có tám thọ sanh do bồ thí (dānupapattiyo)"²

Tám nhân bồ thí do nghĩ đến sự tái sinh trong tương lai là:

a- Khi thấy một người được giàu có sung túc như Vua, quan, các đại phú gia, nên bồ thí với mong muốn: "sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ tái sinh trở thành Vua, quan, bậc đại phú gia". Người có ước muốn như vậy, an trú tâm trong ước muốn thấp kém ấy, không tu tập hưởng thượng, sau khi thân hoại mệnh chung, thành tựu được ước nguyện này.

b- Khi được nghe các vị chư Thiên bốn Đại vương (*catumahārājika*) được sống lâu, có dung sắc, nhiều an lạc, nên bồ thí với mong muốn, kiếp sau trở thành chư thiên cõi Bốn Đại Vương

c- Khi được nghe các vị chư thiên cõi Đạo lợi (Tāvātimsa) ...

¹ - A.iv, 243 - Chương 8 pháp. phẩm bồ thí .

² - A.iv, 239 - Chương tám pháp, phẩm bồ thí.

d- Khi được nghe các vị chư thiên ở cõi Dạ ma (Yāmā)

...

e- Khi được nghe các vị chư thiên cõi trời Đâu Suất (Tusita) ...

f- Khi được nghe các vị chư thiên cõi Hóa lạc (Nimmānarati) ...

g- Khi được nghe các vị chư thiên cõi Tha hóa tự tại (Paranimmitavasavattī) ...

h- Khi được nghe các vị Phạm chúng thiên (brahmapārisajjabhūmi) ...

Nhưng không phải chỉ do bổ thí với ước nguyện như thế mà được thành tựu, không nên kết luận rằng “chỉ bổ thí với ước nguyện thôi, cũng đảm bảo chắc chắn cho một đời sống hạnh phúc kiếp sau”.

Đức Phật có dạy rõ: *"Ta nói rằng, người ấy là người giữ giới, không phải là người ác giới. Nay các tỳ khưu, người giữ giới thành công (ujjhati), vì tâm hướng đến thanh tịnh"(sđd)*

Như vậy, sự thành tựu quả theo ý muốn sanh từ bổ thí có bốn điều:

- Có bổ thí.

- Có ước nguyện.

- Là người giữ giới.

- Có tâm hướng đến thanh tịnh (là có sự niệm tưởng ân đức bố thí).

Lại nữa, trong cách thứ tám "*bố thí với ước muốn sanh về cõi Phạm chúng thiên*".

Chúng ta biết rằng "ân đức bố thí chỉ có khả năng đưa đến cận định (là một đề mục tùy niệm – anusati)", trong khi được tái sanh về cõi Phạm chúng thiên phải là người đắc được thiền thứ nhất (pathamajhāna).

Muốn sanh về cõi Phạm chúng thiên (thấp nhất trong ba cõi Sơ thiên) qua bố thí sự, thì bố thí này phải được thực hiện với tâm nhuần nhuyễn, để uốn nắn qua tinh tấn và đạt được trạng thái cận định (upacārasamādhi) của đề mục "bốn tâm rộng lớn": Từ (mettā), Bi (karuṇā), Hỷ (muditā), và Xả (upekkhā), người đó mới có thể tái sanh vào cõi Phạm chúng thiên.

Tám cách bố thí của người không có trí (asappurisa dāna), không được ghi trong Kinh tạng, nhưng có thể phỏng đoán đó là các cách như sau:

- a- Bố thí vật không được sạch sẽ và không hấp dẫn.
- b- Bố thí những vật thấp kém.
- c- Bố thí không đúng lúc.
- d- Bố thí vật không thích hợp với người nhận.
- e- Bố thí không chu đáo.

f- Chỉ thỉnh thoảng bố thí cho dù người đó có khả năng làm thường xuyên.

g- Bố thí với tâm không trong sạch.

h- Bố thí rồi, sau đó cảm thấy hối tiếc.

Bố thí Balamật (danā pāramī)

1- Thế nào là bố thí Balamật?

Khi bố thí, nếu nghĩ “ta là người cho” là bị tà kiến chi phối, nếu nghĩ “đây là sự bố thí của ta” là bị tham chi phối, nếu nghĩ “đối tượng này nhận vật thí của ta” thì bị ngã mạn chi phối. Sự bố thí bị tà kiến (ditṭhi), ái (taṅhā), ngã mạn (māna) chi phối, không gọi là bố thí balamật, chỉ là bố thí theo thường tình. Chỉ có những hành động bố thí không có ái, ngã mạn và tà kiến tham dự, được gọi là bố thí balamật.

Ba pháp: ái, mạn, kiến lồi kéo chúng sinh trôi lăn trong luân hồi, không thể thoát ra khỏi sinh tử, khiến chúng sinh quanh quẩn ở bờ này, không thể sang bờ kia.

ĐúcPhật dạy:

Yathā bubbulakaṃ passe.

Yathā passe marīkaṃ

Evam lokam avekkhatam

Maccurājā na passati.

"Như ta nhìn bọt nước. Như ta nhìn ảo ảnh. Nếu người kia nhìn thế gian này như vậy. Tử thần không còn nhìn thấy người ấy nữa."¹

Khác với bố thí thường tình là mong cầu thụ hưởng những tài sản, an lạc trong thế gian, mục đích bố thí Balamật là ra khỏi sanh tử luân hồi.

Balamật là sang bờ kia (lokuttara - xuất ra khỏi thế gian), nên những gì thuộc bờ bên này (loka - thế gian) đều phải bỏ lại.

Như vậy: "bố thí có mong cầu hưởng quả phước an lạc trong thế gian, không gọi là bố thí Balamật"

Để được xem là Balamật thì các hành động phước báu như bố thí, trì giới ... chẳng những không bị ái, mạn hay tà kiến chi phối mà những hành động này còn phải được đặt nền tảng trên "bi mẫn (karuṇā)" và trí thiện xảo phương tiện (upāya-kosalla ñāṇa). Tức là trong hoàn cảnh nào, với phương tiện nào (có vật chất hay không có vật chất) đều có thể thực hành.

Đức Phật có dạy gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc) rằng:

"- Nay gia chủ! người đã cung cấp cho chúng tỳ khuru các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Nhưng người chớ bằng lòng với ý nghĩ "chúng ta đã cung cấp cho chúng tỳ khuru các vật

¹ - DhP, câu 170, Đại trưởng lão Nārada soạn, ông Phạm Kim Khánh dịch.

dụng cần thiết như y.... Do vậy, này gia chủ người cần phải học tập như sau: "Với phương tiện nào (kena nāma upāyena) chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh."¹

Điều này cho thấy Đức Phật dạy chúng ta khi hành pháp Bố thí đừng dính mắc vào "dục lạc thế gian". Đức Xá lợi phất có giảng rộng về *an trú hỷ do viễn ly sanh* như sau:

"Trong thời gian ấy, năm sự việc này không xảy ra:

- Khổ và ưu liên hệ đến dục (kāma), trong thời gian ấy không khởi lên.

- Lạc và hỷ liên hệ với dục, trong thời gian ấy không khởi lên.

- Khổ và ưu liên hệ đến bất thiện, trong thời gian ấy không khởi lên.

- Lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện, trong thời gian ấy không khởi lên.

- Khổ và ưu liên hệ đến thiện, trong thời gian ấy không khởi lên. (sđd).

"*Thiện còn liên hệ với khổ ưu*" ám chỉ thiện còn đưa đến khổ luân hồi, "thiện mà không liên hệ khổ, ưu là tâm Đạo (maggacitta). Loại tâm thiện này trừ diệt nghiệp dẫn đến luân hồi.

¹ - A.iii, 207.

Trong một ý nghĩa nào đó, khi thực hiện một pháp thiện còn vướng mắc ái (tañhā), mạn (māna) và kiến (ditṭhi), pháp thiện ấy được xem là bậc hạ.

Pháp thiện được thực hành không bị dính mắc vào ái - mạn - kiến, nhưng thiếu tuệ quán được xem là bậc trung.

Pháp thiện được thực hành, không bị dính mắc vào ái - mạn - kiến lại có trí quán xét tam tướng: vô thường, khổ, vô ngã được xem là bậc thượng.

2- Tương quan giữa Giới - định-tuệ và bồ thí balamật.

Phẩm Sagāthā trong Tương Ứng Bộ (Saṃyutta nikāya), có kệ ngôn;

“Sīle patiṭṭhāya naro sappañño ...

"Người có trí trú giới.

Tu tập tâm và tuệ,

Nhiệt tâm và thân trọng.

Tỳ khuu ấy thoát trần"¹

Kệ ngôn trên, Đức Phật dạy: “người (tái sinh) tam nhân², khi trí tuệ chín muồi, khéo an trú trong giới, nhiệt tâm tu tập thiền định và tuệ quán. Người ấy có thể tháo sạch mạng lưới ái dục chằng chịt”.

Tức là Đức Phật chỉ đề cập ba pháp tu: Giới, định và tuệ, một sự gợi ý về thực hành pháp bồ thí không hề có.

Lại nữa, sách Thanh tịnh đạo (Visudhdimagga) trong phần luận giải kệ ngôn trên, không nói đến bồ thí.

Vì Bát chánh đạo dẫn đến Nípàn bao gồm: Giới, định, tuệ, không nói đến bồ thí, nên một số người hiểu lầm: “bồ thí không được Đức Phật xem trọng yếu”, rằng “bồ thí không dẫn đến chứng đắc Niết Bàn”, rằng “bồ thí

¹ - S.i, 13.

² Người tam nhân (tīhetu paṭisandhika) là người khi tái sanh, thức tái sanh có ba nhân vô tham, vô sân và vô si .

chỉ làm cho luân hồi càng dài hơn, vì vậy bổ thí không đáng được tu tập”.

Cần hiểu biết đúng đối tượng được Đức Thế tôn thuyết giảng kệ ngôn trên như sau:

Đức Phật thuyết lên kệ ngôn này vì lợi ích của những người có khả năng chứng đạt quả Alahán ngay trong kiếp hiện tại. Khi trở thành bậc Alahán thì sự chuẩn bị những gì tốt đẹp cho kiếp sau trở thành vô nghĩa, bổ thí để có an lạc trong kiếp sau là điều không cần thiết cho vị thánh Alahán”.

Tức là: “Đối với người có khả năng chứng quả Alahán ngay trong kiếp hiện tại, thì giới - định - tuệ là cần thiết hơn bổ thí, ba pháp này trực tiếp đoạn tận phiền não.

Như một thí sinh, khi đến giờ thi chỉ có việc “cố gắng làm bài”, không còn thời gian để ôn tập, cũng vậy với người tròn đủ phước balamật chỉ cần nỗ lực thực hành giới - định - tuệ, không cần phải thực hành thêm bổ thí balamật.

Và cũng nên lưu ý rằng: “Đức Phật không bao giờ nói: không nên thực hành pháp bổ thí”.

Bổ thí được đặt trên nền tảng đức tin (saddhā), khi đức tin phát triển sung mãn trở thành tín quyền (saddhindriya), tín lực (saddhā bala), dẫn đến chứng đắc Nípàn, còn giới trong kệ ngôn trên là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng của bát chánh đạo. Một người nương theo đức tin vẫn có thể chứng đạt Nípàn.

Trong Kinh Tăng chi có ghi nhận cuộc thảo luận của ba vị: Tôn giả Sāvatthi, Tôn giả Mahākoṭṭhita và Tôn giả

Sāriputta bàn về ba bậc Dự lưu: Bậc Thân chứng (kāyasakkhī), bậc Kiến chí (ditṭhippatta) và bậc Tín giải (saddhāvimutta).

- Bậc Thân chứng là bậc có định quyền tăng thịnh (hơn 4 quyền kia).

- Bậc Kiến chí là bậc có tuệ quyền tăng thịnh (hơn 4 quyền kia).

- Bậc Tín giải là bậc có tín quyền tăng thịnh (hơn 4 quyền kia).¹

Nói dễ hiểu hơn, vị nương theo đức tin để tu tập, chứng đắc quả Dự lưu, gọi là bậc Tín giải (nương theo Giới của bát Chánh đạo), vị nương theo định (thiền chỉ, Định của bát Chánh đạo) tu tập chứng quả Dự lưu là bậc Thân chứng, vị nương theo trí quán (tuệ quán, Tuệ của bát Chánh đạo) để tu tập chứng quả Dự lưu là bậc Kiến chí, đức tin ở đỉnh cao xem như thuộc về giới học.

Như vậy, *Giới* trong kệ ngôn trên đã bao hàm bố thí trong đó.

Mặt khác, bố thí có đặc tánh làm cho tâm trở nên nhu nhuyễn, dễ thích ứng với việc thiện, chính bố thí làm cho tâm có *thói quer*² nhu nhuyễn và sẵn sàng thực hành giới - định - tuệ trong thiền Minh sát (vipassanā samādhī).

Theo tâm lý thông thường: người phật tử đến chùa hoặc bảo tháp mà không có gì cúng dường, thường cảm thấy vụng về, tâm không được hoan hỷ lắm, đồng thời sự

¹ - A.i, 118.

² - upanissaya paccaya : cận y duyên.

sẵn sàng thọ giới, nghe pháp hoặc hành thiền... khó khởi lên trong tâm, trái lại khi có vật cúng dường, tâm thường hoan hỷ, sẵn sàng thọ giới, hành thiền...

Chưa trở thành vị Alahán ngay trong kiếp sống hiện tại, tất phải còn sanh tử luân hồi, nếu không thực hành pháp bố thí trong hiện kiếp, sẽ rất khó khăn có được những điều kiện tốt đẹp trong kiếp sống mới.

Vị nữ thánh Visākhā có thói quen thường mang theo lễ vật để cúng dường chư Tăng mỗi khi đi đến tự viện hay đến viếng Đức Phật: vào buổi sáng là cơm, đồ ngọt hoặc trái cây, vào buổi chiều là các thứ nước có dưỡng tố để làm thuốc trị bệnh.

Không bố thí, cho dù có tái sanh trở lại làm người, người này vẫn cảm thấy bị thiếu thốn về vật chất, họ cảm thấy không có chúng họ không thể tạo phước. Trong trường hợp ấy, người ta có thể lý luận rằng "chỉ cần chuyên tâm thực hành giới - định - tuệ là đủ", nhưng thực tế thì không dễ chút nào.

Nên hiểu rằng: *"Tu tập giới - định - tuệ được tốt đẹp dễ dàng, dẫn đến thành công là do có quả của bố thí trong quá khứ hỗ trợ"*.

Người còn phải đi tiếp chuyển hành trình dài cần phải chuẩn bị sẵn lương thực, bao giờ sắp kết thúc chuyến du hành, bấy giờ mới không cần chuẩn bị thêm lương thực. Cũng vậy, với người chưa sẵn sàng tinh cần thực hành giới, định, tuệ, cần phải thực hành bố thí balamật.

Nhờ có tài sản phát sanh từ bố thí, người ấy mới có thể chuyên tâm thực hành bất cứ loại phước nào theo ý

thích, tức là khi thực hành giới - định - tuệ tâm không còn vướng bận về "cái ăn, cái mặc...".

Trong số những phàm nhân lữ hành trong luân hồi, thì chư Bồ tát Chánh đẳng giác là cao quý nhất, sau khi được thọ ký thành Phật Chánh giác trong tương lai, vị Bồ tát thực hành các pháp balamật để chứng đạt Nhất thiết trí (sabbaññutaññāṇa), thời gian tối thiểu phải là bốn Atăngkỳ (asaṅkheyya) và một trăm ngàn kiếp trái đất (mahākappa).

Bồ tát Độc Giác Phật phải là hai A tăng kỳ và một trăm ngàn kiếp trái đất.

Bồ tát Thịnh văn cao nhất (aggasāvaka) (như Ngài Xá lợi phất, Mục kiền liên) là một A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp.

Và Bồ tát đại Thịnh văn (như Ngài Cadiếp, Ānanda, Đại Cachiên diên...) là một trăm ngàn kiếp trái đất.

Do đó, đối với vị Bồ tát khi còn là kẻ lữ hành trong luân hồi, thì bổ thí balamật có tầm quan trọng hàng đầu.

Như vậy, kệ ngôn trên được Đức Phật thuyết lên, dành cho những vị đã đủ nhân duyên để chứng đắc đạo quả Alahán.

Những ai chưa thực hành viên mãn các pháp balamật thì không nên cho rằng bổ thí balamật là không quan trọng.

Một số người thắc mắc rằng: "có thể chứng đắc Niết Bàn nếu chỉ thực hành mỗi pháp bổ thí không?".

Đáp: “Chỉ thực hành mỗi một pháp balamật như bố thí hoặc trì giới hoặc tu thiền sẽ không đem lại kết quả chúng đăc Niết Bàn được”.

Vì thực hành riêng pháp bố thí nghĩa là không có sự trì giới hoặc tu thiền đi kèm, khi không có giới luật để thu thúc hành động - lời nói, người ta dễ rơi vào việc ác từ thân, ngữ. Và đã không thực hành pháp thiền, dĩ nhiên không phát sanh trí tuệ, như Phật ngôn:

Yogā ve jāyati bhūri

Ayogā bhūrisaṅkhayo

Etaṃ dvedhā pathaṃ ñatvā.

Bhavāya vibhavāya ca

Thath’attānaṃ niveseyya.

Yathā bhūri pavaddhati.

Tu thiền, trí tuệ sanh.

Bỏ thiền, trí tuệ diệt.

Biết con đường hai ngã.

Đưa đến hữu, phi hữu.

Hãy tự mình nỗ lực.

Khiến trí tuệ tăng trưởng¹.

¹ - Dhp , kệ ngôn 282 – HT. Thích Minh Châu dịch.

Như vậy chỉ thực hành mỗi pháp bố thí balamật, không có khả năng chứng đạt Nípàn.

Một người chỉ bố thí mà không giữ giới, sẽ không ngăn trừ được những thói hư tật xấu, rất khó bảo đảm cho kiếp sống sau được tốt đẹp, còn nói gì đến việc chứng đắc Nípàn.

Nói rộng hơn: "chỉ thực hành một pháp hoặc bố thí, hoặc trì giới hoặc tu thiền đều không thể chứng đạt Nípàn. Ba pháp này tương quan mật thiết với nhau, hỗ trợ lẫn nhau".

Một người chỉ giữ giới, không hành thiền cũng chẳng đi về đâu cả, không thể sang bờ bên kia.

Tương tự, một người không giữ giới mà cố gắng hành thiền, sự cố gắng ấy trở nên vô ích, ví như hạt giống tốt được gieo trên đất nóng đỏ, không thể nảy mầm được, chỉ có thể thành tro than.

Lại nữa, trong phần bố thí balamật của bộ Phật tông (Buddhavamsa) có nói rõ: "bố thí hay cúng dường không phân biệt đối tượng thọ nhận: bậc cao, bậc trung hoặc thấp".

Nhưng kinh Cúng dường phân biệt (Dakkhiṇāvibhaṅga sutta) trong Trung Bộ Kinh (Majjhima nikāya) Đức Phật dạy về bảy cách Tăng thí, mười bốn đối tượng cá nhân thí. Và quả lợi ích tăng dần theo thứ tự từ ít đến nhiều của từng đối tượng thọ thí (từ thấp đến cao), dĩ nhiên quả phước lớn nhất là dâng đến chư Tăng.

Xem ra có sự mâu thuẫn giữa bộ Phật tông và bài kinh Cúng dường phân biệt.

Thật ra, nên hiểu rằng: “Đối tượng Đức Phật thuyết giảng kinh Cúng dường phân biệt là những người bình thường và chư Thiên, còn trong bộ Phật tông, đối tượng lại là Đức Bồ tát Chánh giác”.

Mục tiêu của Bồ tát Chánh giác không phải là qua an lạc từ bổ thí, mà là Phật trí (sabbaññutaññāṇa). Trí tuệ này chỉ có một không thể có hai để so sánh cao, trung hay thấp, không thể nói trí Chánh giác này cao hơn trí Chánh giác kia.

Bồ tát Chánh giác bổ thí bất cứ cái gì có được đến bất cứ chúng sanh nào cần đến, Ngài không cần phải suy xét rằng: “Đây là đối tượng thấp kém, nếu bổ thí đến chúng sanh này, về sau ta chỉ chứng được Nhất Thiết Trí bậc thấp. Đây là chúng sanh bậc trung, nếu bổ thí đến chúng sanh này, về sau ta chỉ chứng được Nhất Thiết Trí bậc trung ...”. Và bổ thí không phân biệt đối tượng là truyền thống của chư Bồ tát Chánh giác.

Lại nữa, là Bồ tát Chánh giác Ngài thường suy xét với ba đối tượng nhận vật thí như sau:

- Khi người thọ thí là người thân thì vị ấy vui mừng quán xét: “Đây là người thân, người ấy đang cần đến ta”. Thế là tâm vị Bồ tát hoan hỷ bổ thí.

- Khi người thọ thí là người bình thường (xa lạ), vị Bồ tát vui mừng quán xét: “Với bổ thí này, ta chắc chắn sẽ có được tình thân hữu với người ấy” và tâm Ngài vui thích trong bổ thí.

- Nếu người thọ thí là kẻ thù, Ngài đặc biệt hoan hỷ mà quán xét: “Kẻ thù của ta mà còn đến nhờ ta, với hành

động bố thí này, kẻ thù của ta sẽ không còn, thay thế vào đó là “một người thân của ta”.

Cũng nên lưu ý rằng: “Đây là cách quán xét trước khi cho để tạo hoan hỷ trong thí sự”, sau khi cho vị Bồ tát không còn tâm dính mắc đến người thọ thí nữa.

Do vậy, vị ấy bố thí đến người không thân không thù hay cho đến kẻ thù đều làm như cách đối với người thân. Đây là ý nghĩa “bố thí sự đặt trên lòng bi mẫn (karuṇā)”.

Ngược lại, mục đích của phàm phu tầm thường thuộc nhân loại hoặc chư Thiên, khi thực hành bố thí là mong đạt được những lợi ích thuộc về thế gian. Vì vậy họ sẽ chọn lựa đối tượng thọ lãnh tốt nhất để nhận vật thí, đồng thời có cách xử sự khác nhau đối với ba đối tượng thọ thí: thân, không thân không thù và kẻ thù.

Như vậy, không hề có sự mâu thuẫn giữa bộ Phật tông và bài kinh Cúng dường phân biệt.

Xác định được mục đích, những phương tiện cùng phương pháp thực hành, đó là việc làm của người tầm cầu chân giải thoát, là con đường của vị Bồ tát phải đi qua.

Bồ tát dù là bậc nào (Thịnh văn, Độc giác hay Toàn giác), thuộc hạnh nào (tấn hạnh, tín hạnh hay tuệ hạnh) cũng chỉ có mục đích duy nhất là “giải thoát khỏi sinh tử luân hồi”.

Đức Phật có dạy: "*Các pháp lấy dục (chanda) làm căn bản*"¹.

Mong ước thành tựu được pháp cao thượng như Đạo - quả - Níp Bàn, nhất là đạt đến trạng thái tâm không còn ô nhiễm, chấm dứt mọi hệ lụy của thế gian, không còn trôi lăn trong vòng sanh tử. Loại mong ước này, gọi là pháp dục (dhammacchanda), tất cả chư Bồ tát đều xuất phát từ loại mong ước này.

Đức Phật dạy:

- *Vị Tỳ khưu có tín tâm, nếu mong cầu (āyācana) chân chánh, sẽ ước nguyện được như Sāriputta và Moggalāna...*

- *Vị Tỳ khưu ni có tín tâm. nếu mong cầu chân chánh, sẽ ước nguyện được như Tỳ khưu ni Khemā (đệ nhất trí tuệ trong hàng nữ Thinh văn) và Tỳ khưu ni Uppalavaṇṇā (đệ nhất thần thông trong hàng nữ Thinh văn).*

- *Cận sự nam có tín tâm, nếu mong cầu chân chánh, sẽ ước nguyện được như Trưởng giả Citta (đệ nhất thuyết pháp trong hàng nam cư sĩ), và Trưởng giả Hatthaka (tối thắng về bốn nhiếp pháp trong hàng nam cư sĩ).*

Hai vị cận sự nam này đều là bậc Bất lai (anāgāmi).

- *Cận sự nữ có ước nguyện chân chánh sẽ ước nguyện được như cận sự nữ Khujjuttarā (đệ nhất*

¹ -A.iv, 338.

thuyết pháp trong hàng cận sự nữ) và Velukaṇṭakī (đệ nhất về tu thiền trong hàng nữ cư sĩ)¹.

Không có sự mong ước dễ dẫn đến sự thờ ơ khi hành pháp thiện, trái lại khi thực hiện có ước nguyện, khiến tâm tăng thêm sức mạnh, việc thiện được làm một cách cẩn thận tốt đẹp.

Như vậy, bố thí balamật là “đem cho mà không mong cầu dục lạc thế gian, không phân biệt đối tượng và có sự mong mỏi thành tựu quả giải thoát sinh tử luân hồi”.

3- Đặc tính của bố thí Balamật.

Bố thí balamật có:

- Trạng thái là: dứt bỏ.
- Phạm sự là: loại trừ sự dính mắc (vào vật thí đã đem cho).
- Thành tựu là: Không có sự dính mắc (trong luân hồi).
- Nhân cần thiết là: Cho với mục tiêu (tạo) phước (puññavisaya dāna).

Giải:

Bố thí balamật được thành tựu qua bốn ý nghĩa đặc biệt này.

¹ - A.i, 88. – A.ii, 164,

Bổ thí là hành động có tính dứt bỏ những gì mình đang sở hữu, phận sự là loại trừ tham luyến, tức là loại trừ khuynh hướng dính mắc “người thí, người nhận, vật thí”.

Người có trí suy xét sâu, sẽ nhận thức “bổ thí này sẽ tạo ra những kiếp sống thuận lợi, có tài sản thịnh vượng, những điều này vẫn bị chi phối bởi định luật vô thường, những hạnh phúc ấy chỉ là giả tạm không bền vững, nên tâm không dính mắc những hạnh phúc, an lạc trong luân hồi”. Đó là sự thành tựu.

Chính vì có ý nghĩ như thế, nên quả bổ thí khi trở sanh, người này lại có cơ hội tạo thành những phước bổ thí balamật mới.

Tâm người ấy ví như lá sen và những an lạc trong thế gian có sanh khởi cũng như những giọt nước trôi lăn trên lá sen, không bám dính vào tâm người ấy.

"Cho do với mục tiêu tạo phước":

Chữ visaya có nhiều nghĩa như : khu vực, lãnh vực, mục tiêu... Ở đây dùng theo nghĩa “mục tiêu”. Có hai mục tiêu:

Mục tiêu tạo phước (puññavisaya) và mục tiêu theo thế gian (lokavisaya).

Sự bổ thí với đức tin trong sạch là theo cách thức tạo phước, cho dù người nhận vật thí đó là đối tượng nào, người cho luôn nghĩ : “đây là cơ hội để tạo phước”. Sở dĩ có được trạng thái “không phân biệt đối tượng thọ thí” vì tin vào lý nghiệp báo, gọi là puññavisaya dāna (cho theo cách tạo phước) và những sự bổ thí như vậy mới tạo thành bổ thí balamật.

Còn cho vì thương, vì giận, vì mê muội hay cho vì bị đe dọa bởi hình phạt, bởi tù tội, bởi tổn hại thân thể, bởi mạng sống (cho vì sợ hãi), cho để được danh tiếng... là sự cho theo cách thế gian (lokavisaya dāna). Những cách đem cho này không tạo thành bố thí Balamật.

Sự cho tạo thành bố thí balamật là sự cho không bị ràng buộc bởi phiền não. Người cho có cảm giác "sự đem cho này là cần thiết" như đói cần phải ăn, khát cần phải uống, vị Bồ tát cần đến người nhận nên thường rao truyền "ai cần vật gì ta sẽ cho vật ấy" và đó là những phương tiện để làm sanh khởi bố thí (theo cách tạo phước).

Giả như tất cả chúng sanh đều đầy đủ tài sản thì bố thí sự không xảy ra, vì có ai cần thiết đến tài sản đâu.

Trong ý nghĩa chừng mực nào đó, chính sự cần thiết của người thọ nhận, tạo thành ba bậc bố thí balamật:

- Bố thí bậc hạ: Là đem cho những gì thuộc về ngoại thân.
- Bố thí bậc trung: Là đem cho những gì thuộc về thân thể như tay, chân, thịt, máu...
- Bố thí bậc thượng: Là đem cho ngay cả mạng sống của mình.

Giả sử như có người cần tài sản, chẳng lẽ vị Bồ tát lại cho tứ chi hay mạng sống, vì người xin không cần thiết đến những vật thí ấy.

Trong kinh Đúc Phật thường dạy : "vị Thánh đệ tử có tâm xả ly, thường hoan hỷ khi có người đến yêu cầu", là nói lên ý nghĩa "cho với mục đích tạo phước".

Mặt khác, trong ba hạng Bồ tát, Bồ tát Chánh đẳng giác ở ngôi cao nhất, đồng thời khi thực hành pháp độ đời hỏi vị ấy phải có nghị lực kiên cường dũng mãnh.

Cho những tài sản ngoại thân, thật dễ dàng đối với người có tâm tầm cầu giải thoát (nhưng rất khó với người còn say mê dục lạc thế gian), bổ thí tứ chi hay một phần cơ thể, khả dĩ có thể làm được. Nhưng đến sinh mạng thì phải có lòng vị tha cao tột, đồng thời có ý chí dũng mãnh mới có thể thực hiện sự hy sinh mạng sống.

Tuy nhiên, không phải không có những Bồ tát bậc cao thượng này, có những chiến sĩ sẵn sàng hy sinh mạng sống để giúp đồng đội thoát ra nguy hiểm, nhưng đó không phải là “bổ thí balamật”, mà đó là “vì lý tưởng”. Cũng vậy, vị Bồ tát vì lý tưởng “chứng quả vị Toàn giác” Ngài không hề tiếc mạng sống.

4- Những mẫu chuyện về Bồ tát hành thí độ.

Kinh điển ghi rằng: Vị Bồ tát Chánh đẳng giác khi thực hành pháp thiện nào đó, đều luôn hướng đến:

1. Lokattha cariyā: Thực hành mang lợi ích đến cho đời.
2. Nātattha cariyā: Thực hành mang lợi ích đến quyến thuộc.
3. Buddhattha cariyā: Thực hành để được giác ngộ (cho mình).

Khi hướng đến đời, tức là hướng đến tha nhân, lấy tha nhân làm đối tượng. Vị Bồ tát khi thực hành pháp bố

thí balamật không còn phân biệt chúng sanh, nghĩa là không chấp tướng, luôn luôn bình đẳng với mọi đối tượng.

Trong Cariya piṭaka (Hạnh tạng) có nêu mẫu chuyện Bồ tát Kurudhamma⁽¹⁾ tóm lược như vậy :

Đất nước Bồ tát có con voi hạnh phúc, được xem như quốc bảo của xứ Kuru, trong khi xứ Kaliṅga bị nạn đói mất mùa, đã cử người đến xứ Kuru xin voi hạnh phúc, Bồ tát cho voi hạnh phúc ngay. Các quan trong triều hỏi rằng:

- Vương quốc của Ngài sẽ ra sao? Khi Ngài bố thí tượng hạnh phúc.

Bồ tát Kurudhamma trả lời.

- Đối với ta, quả vị Toàn giác rất quý báu, thậm chí ta sẽ bố thí toàn bộ vương quốc, hoặc chính cả bản thân ta, cho nên ta đã tặng tượng hạnh phúc.

Câu trả lời của Bồ tát cho thấy "vị Bồ tát khi thực hiện pháp lành tuy hướng đến lợi ích cho đời nhưng cũng hướng đến quả Toàn giác".

Kinh Trường Bộ có ghi lại hai bài kinh: Đại Thiện Kiến Vương (Mahāsudassana sutta) và kinh Govinda là bố thí balamật bậc hạ.

Bổn sanh Đức vua Sivi đã bố thí đôi mắt của mình, là bố thí bậc cao thượng, vì rằng Ngài có thể chết do vết thương quá nặng.²

⁽¹⁾ JA, số 276

² -.JA, số 499.

Bổn sanh con thỏ khôn ngoan (sasapaṇḍita) ¹ là bố thí bậc cao thượng.

Bổn sanh Balamôn Saṅkha² khi gặp vị Độc giác Phật, Ngài đã cúng dường đến Đức Phật Độc giác là bố thí bậc hạ....

Tóm lại

Bố thí balamật là :

- Người thí có tâm xả ly, không mong cầu tài sản thế gian, chỉ có ước nguyện được giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

- Bố thí những gì thuộc ngoại thân gọi là bố thí bậc hạ.

- Bố thí những gì thuộc nội thân (không ảnh hưởng đến tính mạng) gọi là bố thí bậc trung.

- Bố thí những gì thuộc nội thân có thể mệnh chung, hay ngay cả sinh mạng là bố thí bậc thượng.

Dứt pháp Bố thí Balamật

----000----

¹ - JA. số 316.

² - JA. số 442.